

Hướng dẫn Sử dụng Điện thoại Nokia N93

CE0434 ⓘ

CÔNG BỐ HỢP CHUẨN
Bằng văn bản này, NOKIA CORPORATION, tuyên bố rằng RM-55 này tuân thủ các yêu cầu cần thiết và các điều khoản của Chỉ Thị số 1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có thể được tìm thấy tại địa chỉ http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/

Copyright © 2006 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Nokia Connecting People, Visual Radio, và Pop-Port là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại của từng doanh nghiệp.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

Symbian

Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd (c) 1998-2006(6) cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là nhãn hiệu của Symbian Ltd.



Java™ và các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu và nhãn hiệu đã đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Stac®, LZS®, ©1996, Stac, Inc., ©1994-1996 Microsoft Corporation. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Hi/fin®, LZS®, ©1988-98, Hi/fin. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Các phần trong phần mềm của sản phẩm này là © Copyright ANT Ltd. 1998. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ. Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437

và các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 (C) 1997-2006. Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Sản phẩm này được cấp theo Giấy phép Sáng chế MPEG-4 Visual Patent Portfolio cho (i) việc sử dụng cá nhân và phi thương mại cùng với những thông tin đã được mã hóa bởi người dùng liên quan đến hoạt động cá nhân và phi thương mại, theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng cùng với các ảnh video MPEG-4 được cung cấp có giấy phép. Bất kỳ việc sử dụng nào khác được công nhận hoặc được ám chỉ sẽ không được cấp phép. Bạn có thể nhận các thông tin bổ sung liên quan đến các ứng dụng quảng cáo, nội bộ và thương mại từ MPEG LA, LLC. Xem trang <<http://www.mpegla.com>>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia có quyền thay đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiệt hại khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tất yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp 'theo tình trạng hiện tại'. Ngoại trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan, sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Điện thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác. Những việc trái với luật pháp bị cấm.

THÔNG CÁO CỦA FCC / HỘI CÔNG NGHIỆP CANADA

Thiết bị của bạn có thể gây nhiễu sóng TV hoặc radio (ví dụ như khi sử dụng máy gắn thiết bị thu phát sóng). Tổ chức FCC hoặc Hội công nghiệp Canada có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng điện thoại trong trường hợp không thể tránh khỏi việc nhiễu sóng. Nếu bạn cần giúp đỡ, xin liên hệ với bộ phận hỗ trợ dịch vụ tại nơi bán cư trú. Thiết bị này đáp ứng điều khoản 15 thuộc bộ qui định của FCC. Sự vận hành thiết bị tùy thuộc vào điều kiện là thiết bị này không được gây nhiễu có hại.

Bản quyền © 2006 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Mục lục

An toàn cho người sử dụng	5	Gallery (Bộ sưu tập)	31
Điện thoại Nokia N93 của bạn	8	Xem hình ảnh và video clip	32
Các chế độ	8	Biên tập các đoạn phim	33
Các phím tắt hữu dụng	10	Chỉnh sửa hình ảnh	35
Cài đặt	11	Trình chiếu	36
Chuyển nội dung từ điện thoại khác	11	Chế độ ra tivi	37
Các chỉ báo cần biết	12	Diễn thuyết	37
Khóa bàn phím (bảo vệ phím)	13	Album	38
Điều chỉnh loa và âm lượng	14	Chia sẻ trực tuyến	38
Đồng hồ	14	Các ứng dụng media	42
Tai nghe	15	Máy nghe nhạc	42
Dây đeo cổ tay và dây giữ nắp ống kính	15	In ảnh	43
Mạng LAN không dây	16	Các tập tin dự phòng	44
Mạng gia đình	17	Nhắn tin	45
Thẻ nhớ	19	Viết văn bản	46
Trình quản lý tập tin	20	Soạn và gửi tin nhắn	48
Trợ giúp	21	Hộp thư đến — nhận tin nhắn	51
Tutorial (Hướng dẫn)	22	Hộp thư	52
Camera	23	Xem tin nhắn trên thẻ SIM	55
Quay phim	23	Cài đặt nhắn tin	55
Chụp hình	26		

Gọi điện61

Cuộc gọi thoại	61
Video calls	63
Chia sẻ video (dịch vụ mạng)	65
Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi	68
Log (Nhật ký)	71

Danh bạ (Danh bạ điện thoại)74

Lưu tên và số điện thoại	74
Copy số liên lạc	75
Gán nhạc chuông cho các số liên lạc	76
Tạo các nhóm liên lạc	77

Web78

Điểm truy cập web	78
Giao diện chỉ mục	78
Kết nối an toàn	79
Trình duyệt	79
Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục	80
Ngưng kết nối	81
Cài đặt web	81

Lịch83

Tạo các mục nhập lịch	83
Yêu cầu họp	84

Xem lịch	84
Quản lý các mục nhập lịch của bạn	84
Cài đặt lịch	85

My own (Cá nhân) 86

Visual Radio (dịch vụ mạng)	86
RealPlayer	88
Flash Player	91
Movie director (Đạo diễn phim)	92
Trò chơi	94

Kết nối..... 95

Kết nối Bluetooth	95
Kết nối hồng ngoại	99
Data cbl. (Cáp dữ liệu)	99
Kết nối PC	100
Quản lý kết nối	100
Đồng bộ hóa	101
Trình quản lý thiết bị	102
Mạng gia đình	102

Các ứng dụng văn phòng..... 106

Máy tính	106
Bộ chuyển đổi	106
Ghi chú	106
Trình duyệt Web	107

Máy ghi âm	107
Barcode reader (Đầu đọc mã vạch)	107
Quickoffice	108

Cài đặt riêng điện thoại..... 111

Profiles (Cấu hình) — cài âm báo.....	112
Thay đổi giao diện điện thoại.....	113
Chế độ Active standby.....	114

Tools (Công cụ) 115

Media key (Phím media).....	115
Settings (Cài đặt).....	115
Cài cấu hình tivi	128
Lệnh thoại.....	129
Quản lý ứng dụng	129
Mã khóa kích hoạt cho các tập tin được bảo vệ bởi bản quyền tác giả	132

Giải quyết sự cố 133

Hỏi & Đáp	133
-----------------	-----

Thông tin về pin 138

Sạc và Xả pin	138
---------------------	-----

Hướng dẫn xác nhận pin Nokia.....	139
-----------------------------------	-----

Phụ kiện chính hãng Nokia 141

Pin.....	142
Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W	142
Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W.....	143
Giá Đỡ Đa Năng Nokia CR-39	143

Giữ gìn và Bảo trì 145

Thông tin bổ sung về sự an toàn 146

Từ mục..... 150

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản và dễ hiểu. Việc không tuân theo các quy tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc bị xem là phạm pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT

Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỀU SÓNG Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRONG BỆNH VIỆN Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRÊN MÁY BAY Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.



SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.



PHỤ KIỆN VÀ PIN Chỉ sử dụng phụ kiện cải tiến và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VỠ NƯỚC Điện thoại này không thể chống vỡ nước. Nên giữ điện thoại thật khô.



DỰ PHÒNG - Luôn nhớ dự phòng hay giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng.



KẾT NỐI VỚI NHỮNG THIẾT BỊ KHÁC
Khi kết nối điện thoại với bất kỳ thiết bị nào, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP Bảo đảm chức năng của điện thoại đã được bật và đang ở trong vùng dịch vụ. Bàn phím chỉ được kích hoạt khi mở nắp gập. Bấm  nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về màn hình bắt đầu. Nhập số điện thoại khẩn cấp vào, rồi bấm . Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Giới thiệu điện thoại

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên các mạng gồm các băng tần EGSM 900/1800/1900 và UMTS 2100. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác.

Khi đang chụp hình và sử dụng hình ảnh hoặc các video clip, phải tuân theo các quy định và tôn trọng các phong tục cũng như các quyền hợp pháp và riêng tư của từng địa phương.

Điện thoại này hỗ trợ các chức năng thông thường của Microsoft Word, PowerPoint, và Excel (Microsoft Office 97, 2000, XP, và 2003). Không phải tất cả các định dạng tập tin đều có thể được xem và chỉnh sửa.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Các Dịch vụ Mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các dịch vụ mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn phải thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi bạn có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ. Các tính năng mạng được chỉ định trong hướng dẫn này qua (dịch vụ mạng).

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng có thể được cấu hình đặc biệt. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để có thêm thông tin.

Điện thoại này hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) hoạt động trên nền giao thức TCP/IP. Một số tính năng của thiết bị này, ví dụ như MMS, trình duyệt,

e-mail, và tải nội dung qua trình duyệt hoặc qua MMS, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Phụ kiện, pin và bộ sạc

Luôn tắt điện thoại và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế sử dụng điện từ bộ sạc DC-4, AC-3, hoặc AC-4, và bộ sạc AC-1, ACP-7, ACP-8, ACP-9, ACP-12, LCH-8, LCH-9, hoặc LCH-12 khi sử dụng với thiết bị nối tiếp bộ sạc CA-44.

Pin được sử dụng cùng với điện thoại này là BP-6M.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện đã được Nokia kiểm duyệt dành riêng cho việc sử dụng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện cải tiến chính hãng hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cắm vào phích cắm, không nên kéo dây.

Điện thoại Nokia N93 của bạn

Số hiệu: Nokia N93-1

Dưới đây được gọi là Nokia N93.

Các chế độ

Điện thoại của bạn có bốn chế độ hoạt động được tối ưu hóa cho những điều kiện sử dụng khác nhau:

Nắp gấp đóng, **Nắp gấp mở** để sử dụng điện thoại như điện thoại thông thường, **Imaging** để quay video và chụp ảnh, và **Xem** để xem hình ảnh và video. Để chuyển giữa các chế độ, xoay nắp gấp và màn hình trên trục xoay. Cần một thời gian ngắn để một chế độ được kích hoạt.

Chế độ nắp gấp đóng

Khi nắp gấp đóng, màn hình chính sẽ tắt và đèn màn hình phụ sẽ bật sáng. Các cuộc gọi đi sẽ ngừng, trừ khi bạn sử dụng loa hoặc nối với tai nghe tương thích. Để đổi vỏ điện thoại, xem phần "[Cover display \(Màn hình phụ\)](#)", trên trang 116. Nếu bạn sử dụng máy nghe nhạc để



nghe đoạn âm thanh, nó vẫn tiếp tục hoạt động.

Ở chế độ **Nắp gấp đóng**, màn hình phụ sẽ cung cấp thông tin về thời gian và tình trạng. Trên màn hình ở chế độ chờ sẽ hiển thị cường độ sóng và chỉ báo pin, thời gian, chỉ báo trạng thái, và tên của cấu hình đang được kích hoạt (không phải là cấu hình **General (Bình thường)**). Nếu bạn đang sử dụng máy nghe nhạc nghe đoạn âm thanh, thanh âm lượng và thông tin bài nhạc sẽ hiển thị. Sử dụng các phím bên để phát, tạm ngừng, phát đoạn âm thanh kế tiếp hoặc đoạn âm thanh trước đó, và tăng hoặc giảm âm lượng.

Nếu bạn sử dụng Visual Radio ở chế độ **Nắp gấp đóng**, nội dung trực quan sẽ không hiển thị trên màn hình phụ. Bạn có thể lưu nhiều kênh cài sẵn với tên kênh, tần số, và thông tin về vị trí. Thông tin này sẽ được hiển thị trên màn hình phụ. Để tắt và bật tiếng, đổi kênh, và dò kênh mới, sử dụng phím di chuyển ở cạnh bên của điện thoại.

Lịch, đồng hồ báo thức và ghi chú các cuộc gọi nhớ và tin nhắn mới nhận cũng sẽ hiển thị. Để xem những tin nhắn văn bản đã nhận và văn bản và các đối tượng hình ảnh của các tin nhắn đa phương tiện đã nhận, mở nắp gấp, và xem tin nhắn trên màn hình chính.

Các cuộc gọi đến được thông báo bằng kiểu chuông và một ghi chú. Trong cài đặt màn hình phụ, chọn **Wallpaper (Hình nền) > Answer if fold opened (Trả lời nếu nắp gấp mở)** để trả lời một cuộc gọi khi mở nắp gấp. Nếu một tai nghe tương thích được nối với điện thoại, bấm phím trả lời trên tai nghe. Để thay đổi cài đặt, xem phần "**Cover display (Màn hình phụ)**", trên trang 116.

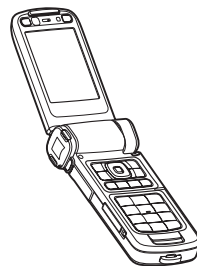
Để thực hiện cuộc gọi hoặc sử dụng menu, mở nắp gấp.

Để sử dụng đèn flash làm đèn pin, bấm phím flash trên mặt bên của điện thoại. Để sử dụng đèn pin, hãy thực hiện theo các bước sau:

- Bấm nhanh phím flash một lần. Đèn pin sẽ được kích hoạt trong 1,5 giây.
- Bấm nhanh phím flash hai lần. Đèn pin sẽ bật trong 3 phút, hoặc cho tới khi bạn bấm lại phím flash một lần nữa.
- Bấm và giữ phím flash. Đèn pin sẽ được bật và tiếp tục sáng bạn ngừng dữ phím hoặc sau khi kết thúc thời gian 3 phút.

Chế độ nắp gấp mở

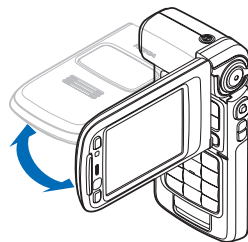
Khi mở nắp gấp, chế độ Nắp gấp mở sẽ được kích hoạt tự động: đèn màn hình chính sẽ bật sáng, bàn phím sẵn sàng hoạt động, và bạn có thể truy cập vào menu. Di chuyển trong menu bằng phím di chuyển.



Chế độ Nắp gấp mở sẽ được kích hoạt ngay cả khi nắp gấp chưa được mở hoàn toàn. Bạn có thể đóng mở nắp gấp một góc khoảng 160 độ, như hiển thị trong hình. Không nên cố sức mở nắp hơn góc đó.

Chế độ Imaging

Khi bạn mở nắp gấp lên một góc 90 độ, giữ điện thoại ở hai bên, và xoay nắp gấp xuống sao cho màn hình chính hướng về phía bạn, chế độ Imaging sẽ được kích hoạt. Camera chính sẽ được kích hoạt, và bạn có thể thấy khung giao diện chụp hình.



Ở chế độ Imaging, bạn có thể quay phim và chụp ảnh. Xem phần **"Camera"**, trên trang 23.

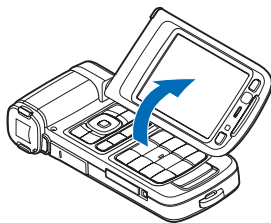
Trong chế độ Imaging, bàn phím sẽ không được kích hoạt. Bạn có thể sử dụng phím chụp ảnh, phím chỉnh tỷ lệ, phím di chuyển bên, phím chế độ camera, và phím flash (tất cả các phím này có trên mặt bên của điện thoại), phím nguồn, và các phím chọn phong cảnh và các phím chọn kể bên màn hình chính.

Chế độ xem

Khi nắp gấp đóng và bạn nhấn một bên của màn hình trên trục xoay khi nắp gấp đóng, chế độ Xem sẽ được kích hoạt.

Sử dụng chế độ Xem để sử dụng các chức năng sau:

- Xem hình ảnh.
- Kích hoạt ảnh và phim trong bộ sưu tập để xem trình chiếu.
- Thực hiện các cuộc gọi video không cần dùng tay và gửi video trực tuyến trong cuộc gọi video. Điều chỉnh góc xoay màn hình để có được góc camera phù hợp tối ưu.



Các phím tắt hữu dụng

Sử dụng phím tắt để truy cập nhanh các ứng dụng thường sử dụng trong điện thoại. Tham khảo các phần có liên quan trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm chi tiết về các chức năng.

Chế độ chờ

- Để chuyển đổi giữa các ứng dụng đang mở, bấm và giữ **[F5]**, và chọn một ứng dụng. Nếu bộ nhớ được sử dụng hết, điện thoại có thể đóng lại một số ứng dụng. Điện thoại sẽ lưu lại tất cả dữ liệu trước khi đóng ứng dụng. Việc để các ứng dụng chạy ẩn sẽ tiêu thụ pin nhiều hơn và đồng thời làm giảm tuổi thọ của pin.
- Để khởi động camera, bấm mạnh phím chụp ảnh ở chế độ Imaging.
- Để gọi tới hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1**.
- Để mở các ứng dụng đa phương tiện, bấm và giữ **[F5]**. Xem phần **"Media key (Phím media)"**, trên trang 115.
- Để thay đổi cấu hình, bấm **[F5]**, và chọn một cấu hình.
- Để chuyển giữa cấu hình **General (Bình thường)** và **Silent (Im lặng)**, bấm và giữ **#**. Nếu bạn có hai số máy điện thoại, thao tác này cũng sẽ chuyển qua lại giữa hai số máy.

- Để mở danh sách các số đã gọi gần đây nhất, bấm .
- Để sử dụng lệnh thoại, bấm và giữ .
- Để kết nối **Services (Dịch vụ)**, bấm và giữ . Xem phần "**Web**", trên trang 78.

Để biết thêm thông tin về các phím tắt hiện có khác ở chế độ chờ, xem phần "**Chế độ Active standby**", trên trang 114.

Chỉnh sửa văn bản và các danh sách

- Để đánh dấu một mục trong danh sách, di chuyển đến mục đó và bấm  và  cùng lúc.
- Để đánh dấu chọn nhiều mục trong danh sách, bấm và giữ  trong khi bạn bấm  hoặc . Để ngưng chọn, thả phím , sau đó thả phím  ra.
- Để sao chép và dán văn bản: Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ . Cùng một lúc, bấm  hoặc  để chọn văn bản. Để sao chép văn bản vào clipboard, khi đang giữ , chọn **Copy (Sao chép)**. Để chèn văn bản vào tài liệu, bấm và giữ , và chọn **Paste (Dán)**.

Cài đặt

Điện thoại Nokia N93 thông thường đã được tự động cấu hình các thông số cài đặt MMS, GPRS, trực tuyến, và Internet di động, dựa trên thông tin của nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ đã được cài đặt trên điện thoại, hoặc bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt.



Chuyển nội dung từ điện thoại khác

Bạn có thể sao chép các nội dung, ví dụ như số liên lạc và mục nhập lịch, từ một điện thoại Nokia tương thích sang Nokia N93 của bạn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Loại nội dung có thể được sao chép tùy thuộc vào kiểu điện thoại.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Bạn có thể lắp thẻ SIM của bạn vào một thiết bị khác. Khi Nokia N93 của bạn được bật mà không có thẻ SIM, cấu hình không trực tuyến sẽ tự động được kích hoạt.

Chuyển nội dung

- 1 Bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Transfer (Nối chuyển)** trên điện thoại Nokia N93 của bạn.
- 2 Trong giao diện thông tin, chọn **Continue (Tiếp tục)**.

- 3 Chọn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại để chuyển dữ liệu. Cả hai điện thoại phải hỗ trợ loại kết nối đã chọn.
- 4 Nếu bạn chọn kết nối Bluetooth, để Nokia N93 tìm những thiết bị có kết nối Bluetooth, chọn **Continue (Tiếp tục)**. Chọn một thiết bị trong danh sách. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã vào Nokia N93 của bạn. Nhập một mã (1–16 số) vào và chọn **OK**. Nhập cùng mã này vào điện thoại kia và chọn **OK**. Bây giờ các thiết bị đã được ghép nối. Xem phần "**Ghép nối thiết bị**", trên trang 98.
Với một số kiểu điện thoại, ứng dụng **Transfer (Nối chuyển)** được gửi đến điện thoại khác dưới dạng tin nhắn. Để cài đặt ứng dụng **Transfer (Nối chuyển)** trên điện thoại khác, mở tin nhắn, và theo các hướng dẫn trên màn hình. Nếu bạn chọn cổng hồng ngoại, kết nối hai điện thoại. Xem phần "**Kết nối hồng ngoại**", trên trang 99.
- 5 Trong điện thoại Nokia N93, chọn nội dung bạn muốn sao chép từ điện thoại khác.

Nội dung được sao chép từ bộ nhớ và thẻ nhớ tương thích (nếu có) của điện thoại khác vào vị trí tương ứng trong Nokia N93 và thẻ nhớ của bạn (nếu có). Thời gian sao chép tùy thuộc vào dung lượng bộ

nhớ được chuyển. Bạn có thể hủy lệnh sao chép và tiếp tục lại sau.

Để xem thông tin nhật ký của một phiên chuyển dữ liệu trước đó, trong giao diện chính, chọn **Transfer log (Nhật ký chuyển dữ liệu)**.

Để xem những thiết bị mà bạn đã sao chép hoặc chuyển dữ liệu từ đó, chọn **Phones (Các điện thoại)**.

Các chỉ báo cần biết

 Điện thoại đang được sử dụng trong mạng GSM.

3G Điện thoại đang được sử dụng trong mạng UMTS (dịch vụ mạng).

 Bạn nhận được một hoặc nhiều tin nhắn chưa đọc trong thư mục **Inbox (Hộp thư đến)** trong menu **Messag.** (**Tin nhắn**).

 Bạn nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa.

 Có các tin nhắn đang chờ để gửi trong thư mục **Outbox (Hộp thư đi)**.

 Bạn có cuộc gọi bị nhỡ.

 Được hiển thị nếu **Ringling type (Kiểu chuông)** được cài là **Silent (Im lặng)** và **Message alert tone (Âm báo tin nhắn)**, **IM alert tone (Âm báo IM)**, và **E-mail alert tone (Âm báo e-mail)** được cài là **Off (Tắt)**.

 Bàn phím điện thoại bị khóa.

 Chức năng báo thức được kích hoạt.

2 Số máy điện thoại thứ hai đang được sử dụng (dịch vụ mạng).

 Tất cả cuộc gọi đến điện thoại sẽ được chuyển tiếp đến một số điện thoại khác. Nếu bạn có hai số máy để gọi đi (dịch vụ mạng), chỉ báo cho số máy đầu tiên là **1** và số thứ hai là **2**.

 Một tai nghe được nối với điện thoại.

 Mất kết nối với bộ tai nghe Bluetooth.

 Một bộ trợ thính được nối với điện thoại.

 Một Text phone được kết nối với điện thoại.

D Cuộc gọi data được kích hoạt.

 Hiện có kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE.

 Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang hoạt động.

 Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang ở trạng thái chờ.

 Hiện có kết nối dữ liệu gói UMTS.

 Kết nối dữ liệu gói UMTS đang hoạt động.

 Kết nối dữ liệu gói UMTS đang được giữ.

 Bạn đã cài điện thoại dò tìm mạng LAN không dây, và có một mạng LAN không dây. Xem phần "[Wireless LAN \(Mạng LAN không dây\)](#)", trên trang 122.

 Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng có mã hóa.

 Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng không có mã hóa.

 Kết nối Bluetooth đang bật.

 Dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth.

 Kết nối USB được kích hoạt.

 Một kết nối hồng ngoại đang được kích hoạt. Nếu chỉ báo này nhấp nháy, điện thoại đang tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

Khóa bàn phím (bảo vệ phím)

Sử dụng chức năng khóa bàn phím để ngăn việc tình cờ bấm phím.

Để bật đèn màn hình khi bàn phím đang bị khóa, bấm phím nguồn.

- Để khóa: Khi ở chế độ chờ, bấm , sau đó bấm . Khi bàn phím bị khóa, biểu tượng  sẽ hiển thị trên màn hình.

- Để mở khóa trong chế độ Nắp gấp mở: Bấm , sau đó bấm *.
- Để mở khóa trong chế độ Nắp gấp đóng: Bấm phím di chuyển. Hộp thoại mở khóa sẽ hiển thị trên màn hình phụ: Chọn **Yes (Có)** bằng cách sử dụng phím di chuyển.

Khi bạn phím bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Điều chỉnh loa và âm lượng

Để tăng hoặc giảm mức âm lượng, khi bạn đang đàm thoại hoặc đang nghe nhạc, bấm  hoặc .



Loa tích hợp cho phép bạn đàm thoại và nghe ở một khoảng cách ngắn mà không cần cầm điện thoại gần tai.

 **Cảnh báo:** Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Để sử dụng loa trong khi gọi, chọn **Options (Tùy chọn) > Activate loudsp. (Bật loa)**.

Để tắt loa, chọn **Options (Tùy chọn) > Activate handset (Bật chế độ điện thoại)**.



Đồng hồ

Bấm , và chọn **Clock (Đồng hồ)**. Để cài âm báo mới, chọn **Options (Tùy chọn) > Set alarm (Cài báo thức)**. Khi báo thức được kích hoạt,  sẽ hiển thị.

Để tắt báo thức, chọn **Stop (Ngừng)**, hoặc để tạm ngừng báo thức trong 5 phút, chọn **Snooze (Báo lại)**.

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn **Stop (Ngừng)**, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện thoại không. Chọn **No (Không)** để tắt điện thoại hoặc **Yes (Có)** để gọi và nhận cuộc gọi. Không được chọn **Yes (Có)** khi điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để hủy báo thức, chọn **Clock (Đồng hồ) > Options (Tùy chọn) > Remove alarm (Xóa báo thức)**.

Cài đặt đồng hồ

Để thay đổi cài đặt đồng hồ, chọn **Clock (Đồng hồ) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**.

Để thay đổi thời gian và ngày tháng, chọn **Time (Giờ)** hoặc **Date (Ngày)**.

Để thay đổi dạng hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ, chọn **Clock type (Kiểu đồng hồ) > Analogue (Đồng hồ cổ điển)** hoặc **Digital (Đồng hồ số)**.

Để cho phép mạng điện thoại di động cập nhật thông tin về thời gian, ngày tháng, và múi giờ cho điện thoại của bạn (dịch vụ mạng), chọn **Network operator time (Thời gian theo nhà điều hành mạng) > Auto-update (Tự động cập nhật)**.

Để thay đổi âm báo, chọn **Clock alarm tone (Âm báo thức)**.

Đồng hồ thế giới

Để mở giao diện đồng hồ thế giới, mở **Clock (Đồng hồ)**, và bấm . Trên màn hình đồng hồ thế giới, bạn có thể xem giờ ở những thành phố khác nhau.

Để thêm thành phố vào danh sách, chọn **Options (Tùy chọn) > Add city (Thêm thành phố)**. Bạn có thể thêm tối đa 15 thành phố vào danh sách.

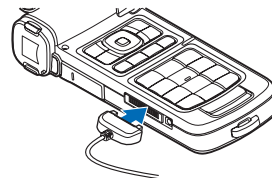
Để cài thành phố hiện bạn đang ở, di chuyển đến một thành phố và chọn **Options (Tùy chọn) > My current city (Thành phố tôi hiện đang sống)**. Thành phố sẽ được hiển thị trong cửa sổ đồng hồ chính và thời gian trong điện thoại của bạn sẽ thay đổi tương ứng với thành phố được chọn. Kiểm tra xem thời gian có chính xác và khớp với múi giờ của bạn hay không.

Tai nghe

Nổi bộ tai nghe tương thích vào cổng kết nối Pop-Port™ của điện thoại.



Cảnh báo: Khi sử dụng tai nghe, khả năng nghe âm thanh bên ngoài của bạn có thể bị ảnh hưởng. Không sử dụng tai nghe tại nơi nó có thể gây nguy hiểm cho bạn.



Dây đeo cổ tay và dây giữ nắp ống kính

Xỏ dây đeo như được thể hiện trên hình vẽ, và thắt chặt lại.



Mạng LAN không dây

Điện thoại của bạn hỗ trợ mạng nội bộ không dây (mạng LAN không dây). Với mạng LAN không dây, bạn có thể kết nối điện thoại của bạn vào Internet và các thiết bị tương thích có mạng LAN không dây. Để có thêm thông tin về sử dụng điện thoại trong một mạng gia đình, xem phần "[Mạng gia đình](#)", trên trang 17.

Một số nơi, như ở Pháp, có những hạn chế về sử dụng mạng LAN không dây. Kiểm tra với các nhà chức trách địa phương để biết thêm thông tin.

Các tính năng sử dụng mạng LAN không dây, hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin.

Điện thoại của bạn hỗ trợ các tính năng mạng LAN không dây sau:

- Chuẩn IEEE 802.11b/g
- Hoạt động ở tần số 2,4 GHz
- Tính bảo mật tương đương với các biện pháp mã hóa của mạng hữu tuyến (WEP) với các mã khóa tối đa 128 bit, truy cập Wi-Fi được bảo vệ (WPA), và 802.1x. Các chức năng này chỉ có thể được sử dụng nếu được mạng hỗ trợ.

Bạn có thể tạo một điểm truy cập Internet (IAP) trong mạng LAN không dây, và sử dụng điểm truy cập này cho các ứng dụng cần kết nối vào Internet.

Tạo một điểm truy cập Internet

- 1 Bấm , và chọn **Connect (Kết nối) > Conn mgr (Quản lý kết nối) > Avail. (Tính khả dụng) WLAN**.
- 2 Điện thoại sẽ tìm kiếm các mạng LAN không dây trong phạm vi. Di chuyển đến mạng bạn muốn tạo điểm truy cập Internet, và chọn **Options (Tùy chọn) > Define access point (Xác định điểm truy cập)**.
- 3 Điện thoại sẽ tạo một điểm truy cập Internet với cài đặt mặc định. Để xem hoặc thay đổi các cài đặt này, xem phần "[Access points \(Điểm truy cập\)](#)", trên trang 119.

Khi một ứng dụng yêu cầu bạn chọn một điểm truy cập, chọn điểm truy cập đã tạo, hoặc để tìm kiếm các mạng LAN không dây trong phạm vi, chọn **Search for WLAN (Tìm WLAN)**.

Một kết nối mạng LAN không dây sẽ được thiết lập khi bạn tạo một kết nối dữ liệu sử dụng một điểm truy cập Internet của mạng LAN không dây. Kết nối mạng LAN không dây hiện hành sẽ kết thúc khi bạn ngừng kết nối dữ liệu này. Để ngắt kết nối, xem phần "[Quản lý kết nối](#)", trên trang 100.

Bạn có thể sử dụng mạng LAN không dây trong khi có một cuộc gọi thoại hoặc khi có kết nối dữ liệu gói hoạt động. Một lần bạn chỉ có thể kết nối vào một thiết bị điểm truy cập của mạng LAN không dây, nhưng nhiều ứng dụng có thể sử dụng cùng một kết nối mạng LAN không dây.

Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**, bạn vẫn có thể sử dụng mạng LAN không dây (nếu có). Hãy nhớ tuân theo các yêu cầu an toàn có thể áp dụng khi thiết lập và sử dụng kết nối mạng LAN không dây.

Có hai chế độ hoạt động trong mạng LAN không dây: cơ sở hạ tầng và ad hoc.

Chế độ hoạt động cơ sở hạ tầng cho phép hai loại giao tiếp: các thiết bị không dây được kết nối với nhau qua thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây, hoặc các thiết bị không dây được kết nối với một mạng LAN thông thường qua một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây.

Trong chế độ hoạt động ad hoc, các thiết bị có thể gửi và nhận dữ liệu trực tiếp với nhau. Để tạo một điểm truy cập Internet cho mạng ad hoc, xem phần **"Access points (Điểm truy cập)"**, trên trang 119.

 **Mẹo!** Để kiểm tra địa chỉ điều khiển truy cập media (MAC) dùng để nhận dạng điện thoại của bạn, nhập ***#62209526#** ở chế độ chờ.

Mạng gia đình

Điện thoại của bạn tương thích với Universal Plug and Play (UPnP). Với một thiết bị điểm truy cập LAN không dây, bạn có thể tạo một mạng gia đình và kết nối các thiết bị tương thích với UPnP có hỗ trợ mạng LAN không dây vào mạng gia đình này, chẳng hạn như Nokia N93, một máy PC tương thích, một máy in tương thích, và một dàn âm thanh hoặc tivi tương thích, hoặc một dàn âm thanh hoặc tivi được trang bị một bộ nhận đa phương tiện không dây tương thích.

Sau khi cấu hình mạng gia đình, bạn có thể sao chép, xem hoặc phát các tập tin media tương thích hoặc in hình ảnh trong **Gallery (Bộ sưu tập)** trên các thiết bị tương thích được kết nối khác, ví dụ xem hình ảnh được lưu trong Nokia N80 trên một tivi tương thích. Xem phần **"Mạng gia đình"**, trên trang 102 và phần **"In ảnh"**, trên trang 43.

Các biện pháp bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chuyển tiếp, xem, phát, hoặc in một số hình ảnh, nhạc (bao gồm cả kiểu chuông), và các nội dung khác.

Để thiết lập mạng gia đình trong mạng LAN không dây của bạn, trước tiên tạo và cấu hình điểm truy cập Internet trong nhà của mạng LAN không dây, sau đó cấu hình các thiết bị. Trên Nokia N93, cấu hình các cài đặt trong ứng dụng **Home network (Mạng**

gia đình). Để kết nối một máy PC tương thích với mạng gia đình, trên máy PC, bạn phải cài đặt phần mềm Media Server trong DVD-ROM đi kèm với Nokia N93 của bạn.

Sau khi bạn đã hoàn tất các cấu hình cần thiết trong tất cả các thiết bị được kết nối vào mạng, bạn có thể bắt đầu sử dụng **Home network (Mạng gia đình)** để chia sẻ các tập tin media. Xem phần "[Xem các tập tin media](#)", trên trang 104.

Mạng gia đình sử dụng cài đặt bảo mật của kết nối mạng LAN không dây. Sử dụng tính năng mạng gia đình trong một mạng cơ sở hạ tầng của một mạng LAN không dây với một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây và bật mã hóa.

 **Chú ý:** Luôn bật một trong những biện pháp mã hóa hiện có để tăng độ bảo mật cho kết nối mạng LAN không dây. Việc sử dụng mã hóa sẽ giảm nguy cơ bị truy cập trái phép vào dữ liệu của bạn.

Điện thoại của bạn chỉ được kết nối với mạng gia đình nếu bạn chấp nhận yêu cầu kết nối từ một thiết bị khác, hoặc trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, chọn tùy chọn để xem, phát, in, hoặc sao chép các tập tin media trên Nokia N93 hoặc tìm các thiết bị khác trong thư mục **Home network (Mạng gia đình)**.

Thông tin bảo mật quan trọng

Khi bạn cấu hình mạng gia đình LAN không dây, bật một biện pháp bảo mật, trước tiên trên thiết bị điểm truy cập của bạn, sau đó trên các thiết bị khác bạn định kết nối vào mạng gia đình. Tham khảo tài liệu của các thiết bị này. Giữ bí mật tất cả các mã khóa và lưu chúng ở một nơi an toàn tách biệt với các thiết bị này.

Để xem hoặc thay đổi các cài đặt của điểm truy cập Internet mạng LAN không dây trong Nokia N93 của bạn, xem phần "[Access points \(Điểm truy cập\)](#)", trên trang 119.

Nếu bạn sử dụng chế độ hoạt động ad hoc để tạo một mạng gia đình với một thiết bị tương thích, bật một trong các biện pháp mã hóa trong **WLAN security mode (Chế độ bảo mật WLAN)** khi cấu hình điểm truy cập Internet. Bước này sẽ giảm nguy cơ bị một bên không mong muốn tham gia vào mạng ad hoc.

Điện thoại sẽ thông báo cho bạn biết nếu có một thiết bị khác tìm cách kết nối với điện thoại của bạn và mạng gia đình. Không chấp nhận các yêu cầu kết nối từ những thiết bị không rõ nguồn gốc.

Nếu bạn sử dụng mạng LAN không dây trong một mạng không có mã hóa, tắt chức năng chia sẻ các tập tin của Nokia N93 với các thiết bị khác, hoặc

không chia sẻ bất kỳ tập tin media cá nhân nào. Để thay đổi cài đặt, xem phần "[Cài đặt mạng gia đình](#)", trên trang 103.

Thẻ nhớ

Bạn có thể mua một thẻ nhớ miniSD tương thích và sử dụng thẻ này làm bộ nhớ bổ sung để dành bộ nhớ trên máy của bạn cho tính năng khác. Bạn cũng có thể sao lưu thông tin từ điện thoại của bạn vào thẻ nhớ này.

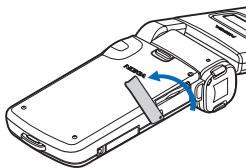


Chỉ sử dụng những thẻ nhớ miniSD tương thích với điện thoại này. Các loại thẻ nhớ khác, ví dụ như thẻ RS-MMC, sẽ không vừa với khe thẻ nhớ này và cũng không tương thích với điện thoại này. Sử dụng thẻ nhớ không tương thích có thể làm hư thẻ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị mất.

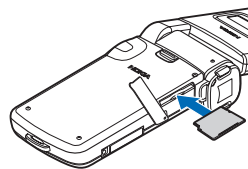
Giữ tất cả thẻ nhớ ngoài tầm tay trẻ em.

Lắp thẻ nhớ

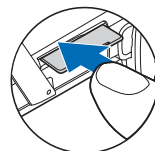
- 1 Để mở nắp khe chứa thẻ nhớ, xoay nắp lên theo chiều ngược chiều kim đồng hồ.



- 2 Lắp thẻ nhớ vào khe. Đảm bảo rằng vùng tiếp xúc trên thẻ hướng lên.



- 3 Nhấn thẻ vào. Bạn sẽ nghe thấy một tiếng tách khi thẻ khớp vào vị trí.
- 4 Đóng nắp lại. Bạn không thể sử dụng thẻ nhớ khi nắp còn mở.



Đẩy thẻ nhớ ra

- 1 Trước khi đẩy thẻ ra, bấm phím nguồn, và chọn **Remove mem. card (Tháo thẻ nhớ)**. Tất cả các ứng dụng sẽ được đóng lại.
- 2 Khi thông báo **Remove memory card and press 'OK' (Tháo thẻ nhớ ra và bấm 'OK')** hiển thị, hãy xoay để mở cửa khe chứa thẻ nhớ.
- 3 Nhấn vào thẻ để đẩy thẻ ra khỏi khe chứa.
- 4 Tháo thẻ nhớ ra. Nếu điện thoại đang bật, chọn **OK** khi được yêu cầu xác nhận tháo.



Chú ý: Không tháo thẻ nhớ trong khi đang truy cập vào thẻ. Việc tháo thẻ trong khi đang sử dụng có thể làm hư thẻ cũng như điện thoại, và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị lỗi.



Công cụ thẻ nhớ

Bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Memory (Bộ nhớ)**. Bạn có thể sử dụng một thẻ nhớ miniSD làm bộ nhớ bổ sung và sử dụng cho việc sao lưu thông tin trên bộ nhớ của máy.

Để lưu dự phòng các thông tin trên bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn) > Backup phone mem. (Sao lưu bộ nhớ điện thoại)**.

Để khôi phục thông tin trong thẻ nhớ vào bộ nhớ điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Restore from card (Khôi phục từ thẻ nhớ)**.

Định dạng thẻ nhớ

Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất.

Một số thẻ nhớ được định dạng sẵn khi bán ra nhưng một số thẻ nhớ khác yêu cầu phải định dạng. Tham khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không.

Để định dạng thẻ nhớ, chọn **Options (Tùy chọn) > Format mem. card (Định dạng thẻ nhớ)**. Chọn **Yes (Có)** để xác nhận.



Mẹo! Để có được hiệu suất cao nhất, hãy sử dụng Nokia N93 để định dạng tất cả các thẻ miniSD mới.



Trình quản lý tập tin

Nhiều chức năng của điện thoại, như là danh bạ, tin nhắn, hình ảnh, video, nhạc chuông, ghi chú lịch, tài liệu, và các ứng dụng được tải về, sử dụng bộ nhớ để lưu dữ liệu. Dung lượng bộ nhớ trống tùy thuộc vào lượng dữ liệu đã được lưu trong bộ nhớ điện thoại.

Bạn có thể sử dụng thẻ nhớ làm vùng lưu trữ thêm. Các thẻ nhớ đều có thể ghi lại nhiều lần, vì vậy bạn có thể xóa thông tin cũ và lưu dữ liệu mới trên thẻ nhớ.

Để trình duyệt các tập tin và thư mục lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ (nếu thẻ được gắn vào máy), bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > File mgr. (Quản lý tập tin)**. Giao diện bộ nhớ điện thoại () sẽ mở ra. Bấm  để mở giao diện thẻ nhớ () (nếu có).

Để di chuyển hoặc sao chép các tập tin vào thư mục, bấm  và  cùng lúc để đánh dấu tập tin, và chọn **Options (Tùy chọn) > Move to folder (Đời đến thư mục)** hoặc **Copy to folder (Sao chép vào thư mục)**.

Để tìm một tập tin, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Find (Tìm)** và bộ nhớ mà bạn sẽ dùng cho việc tìm kiếm, và nhập tên tập tin tương ứng cần tìm.

Xem mức sử dụng bộ nhớ

Để xem trong điện thoại có những loại dữ liệu nào và dung lượng bộ nhớ mà mỗi loại dữ liệu khác nhau sử dụng, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Memory details (Chi tiết bộ nhớ)**. Dung lượng bộ nhớ còn trống sẽ được hiển thị trong **Free memory (Bộ nhớ còn trống)**.

Không đủ bộ nhớ — làm trống bộ nhớ

Điện thoại sẽ thông báo khi bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ gần hết.

Để làm trống bộ nhớ điện thoại, chuyển dữ liệu sang một thẻ nhớ, nếu có. Đánh dấu các tập tin sẽ được chuyển, và chọn **Move to folder (Đời đến thư mục)** > **Memory card (Thẻ nhớ)**, và chọn thư mục sẽ chuyển đến.

Bạn cũng có thể chuyển các tập tin media vào một máy PC tương thích, ví dụ sử dụng tùy chọn chuyển trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Xem phần "**Các tập tin dự phòng**", trên trang 44.



Mẹo! Sử dụng Nokia Phone Browser trong Nokia PC Suite để xem các bộ nhớ khác nhau trong điện thoại và chuyển dữ liệu.

Để làm trống bộ nhớ bằng cách xóa dữ liệu, sử dụng **File mgr. (Quản lý tập tin)** hoặc ứng dụng tương ứng. Ví dụ bạn có thể xóa các dữ liệu sau:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox (Hộp thư đến)**, **Drafts (Nháp)**, và **Sent (Đã gửi)** trong menu **Messag. (Tin nhắn)**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang Web đã lưu
- Các tập tin âm thanh, phim và hình ảnh đã lưu
- Thông tin về số liên lạc
- Ghi chú lịch
- Các ứng dụng được tải về. Xem thêm phần "**Quản lý ứng dụng**", trên trang 129
- Tất cả các dữ liệu bạn không còn cần dùng đến nữa



Trợ giúp

Điện thoại của bạn có các văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh. Khi một ứng dụng đang mở, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Help (Trợ giúp)** để truy cập phần trợ giúp trong giao diện hiện tại.

Khi bạn đọc hướng dẫn, để chuyển giữa chức năng trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn, bấm và giữ .

Để mở phần trợ giúp trong menu chính, chọn **Tools (Công cụ)** > **Help (Trợ giúp)**. Chọn ứng dụng theo ý muốn để xem các chủ đề trợ giúp.



Tutorial (Hướng dẫn)

Trình hướng dẫn cung cấp cho bạn thông tin về các chức năng của điện thoại. Để truy cập trình hướng dẫn trong menu, bấm , và chọn **Menu** > **My own (Cá nhân)** > **Tutorial (Hướng dẫn)** và chọn phần mà bạn muốn xem.

Camera

Điện thoại Nokia N93 có hai camera, một camera với độ phân giải cao nằm ở mặt bên của điện thoại (camera chính) và một camera có độ phân giải thấp hơn trên nằm ở đầu trên của điện thoại (camera phụ). Bạn có thể sử dụng cả hai camera để chụp ảnh và quay phim ở dạng chân dung hoặc phong cảnh.

Điện thoại Nokia N93 hỗ trợ chụp ảnh có độ phân giải 2048x1536 pixel sử dụng camera chính. Độ phân giải hình ảnh trong tài liệu này có thể hiển thị khác.

Ảnh và các video clip tự động được lưu trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Ảnh chụp từ các camera có dạng .jpeg. Các video clip được ghi lại dưới dạng tập tin .mp4, hoặc dạng 3GPP có tên mở rộng của tập tin .3gp (chế độ **Sharing (Chia sẻ)**). Xem phần "**Cài đặt phim**", trên trang 25.

Bạn có thể gửi hình ảnh hoặc video clip dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail, hoặc sử dụng kết nối Bluetooth.

Quay phim

Kích hoạt camera chính bằng cách xoay màn hình sang chế độ Imaging. Nếu camera ở **Switch to image mode (Chuyển sang chế độ hình ảnh)**, sử dụng phím chế độ camera để chọn **Switch to video mode (Chuyển sang chế độ video)**.

Nhấn phím chụp ảnh để bắt đầu quay. Ký hiệu quay  sẽ xuất hiện. Chỉ báo quay phim màu đỏ nhấp nháy chậm và âm báo phát ra, cho biết đang ghi video.

- 1 Để ngừng quay video bất kỳ lúc nào, bấm phím chụp ảnh.
- 2 Bấm phím chụp ảnh một lần nữa để bắt đầu quay. Video clip sẽ tự động được lưu vào thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** của **Gallery (Bộ sưu tập)**. Xem phần "**Gallery (Bộ sưu tập)**", trên trang 31.

Để hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc trước khi quay phim ở chế độ Imaging, sử dụng phím bên để di chuyển qua thanh công cụ. Xem phần "**Thiết lập cài đặt — Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**", trên trang 29 và phần "**Các chế độ chụp ảnh**", trên trang 30.

Để phóng to hoặc thu nhỏ đối tượng (zoom quang học 3x và zoom kỹ thuật số tối đa 20x liên tục), xoay phím chỉnh tỷ lệ ở mặt bên của điện thoại.

Kính ngắm video sẽ hiển thị thông tin sau đây:

- Các chỉ báo trạng thái (1) cho biết tắt tiếng, bật ổn định, và chế độ chụp ảnh hiện thời.
- Thanh công cụ (2), bạn có thể di chuyển qua thanh công cụ này trước khi quay phim để chọn chế độ quay, cân bằng trắng, và tông màu (thanh công cụ sẽ không được hiển thị trong khi quay phim).
- Tổng thời lượng quay phim khả dụng (3). Khi quay phim, chỉ báo độ dài video hiện thời cũng sẽ hiển thị thời lượng đã ghi và thời lượng còn lại.
- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại (4) và thẻ nhớ (5) (4) cho biết nơi lưu trữ video.



- Chỉ báo chất lượng video (5) cho biết chất lượng video là **TV (high) (Tivi (cao))**, **TV (normal) (Tivi (bình thường))**, **Handset (high) (Điện thoại (cao))**, **Handset (normal) (Điện thoại (bình thường))**, hoặc **Sharing (Chia sẻ)**.
 - Loại tập tin video clip (6).
- ☀ **Mẹo!** Chọn **Options (Tùy chọn) > Turn icons on (Bật biểu tượng)** để hiển thị tất cả các chỉ báo kính ngắm hoặc **Turn icons off (Tắt biểu tượng)** để chỉ hiển thị các chỉ báo tình trạng video.

Sau khi quay một video clip, chọn một trong những tùy chọn sau từ thanh công cụ:

- Để phát lại ngay đoạn phim mà bạn vừa quay, chọn **Play (Phát)**.
- Nếu bạn không muốn giữ lại video này, chọn **Delete (Xóa)**.
- Để gửi video sử dụng tin nhắn đa phương tiện, e-mail, Bluetooth, hoặc hồng ngoại, bấm phím thoại, hoặc chọn **Send (Gửi)**. Để biết thêm thông tin, xem phần "**Nhắn tin**", trên trang 45 và phần "**Kết nối Bluetooth**", trên trang 95. Tùy chọn này sẽ không có trong khi cuộc gọi đang diễn ra. Bạn không thể gửi các video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện.
- Để quay một video clip mới, chọn **New video (Video mới)**.

 **Mẹo!** Kích hoạt cấu hình **Offline (Không trực tuyến)** để đảm bảo rằng việc quay video không bị gián đoạn bởi các cuộc gọi hoặc tin nhắn đến.

Cài đặt phim

Có hai kiểu cài đặt dành cho máy quay phim: Cài đặt **Video setup (Cài đặt video)** và cài đặt chính. Để hiệu chỉnh **Video setup (Cài đặt video)**, xem phần "**Thiết lập cài đặt — Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**", trên trang 29. Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chính sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt chính, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn các tùy chọn sau:

Audio recording (Ghi âm) — Chọn **On (Bật)** nếu bạn muốn ghi tiếng.

Video quality (Chất lượng video) — Cài chất lượng video clip là **TV (high) (Tivi (cao))** (chất lượng tốt nhất để sử dụng lâu dài và xem trên một tivi hoặc máy PC tương thích và điện thoại), **TV (normal) (Tivi (bình thường))**, **Handset (high) (Điện thoại (cao))**, **Handset (normal) (Điện thoại (bình thường))**, hoặc **Sharing (Chia sẻ)** (kích cỡ video clip giới hạn để gửi qua tin nhắn đa phương tiện (MMS)). Nếu bạn muốn xem đoạn video trên TV hoặc trên máy PC, chọn **TV (high) (Tivi (cao))** có độ phân giải VGA (640x480) và

định dạng tập tin .mp4. Để gửi video clip qua MMS, chọn **Sharing (Chia sẻ)** (có độ phân giải QCIF, định dạng .3gp). Kích cỡ của video clip được ghi với **Sharing (Chia sẻ)** có giới hạn trong khoảng 300 KB (thời lượng khoảng 20 giây), vì vậy rất thuận tiện khi bạn muốn gửi đến một thiết bị tương thích dưới dạng tin nhắn đa phương tiện.

Video stabilisation (Ổn định video) — Chọn **On (Bật)** để giảm hiện tượng rung camera khi quay phim.

Add to album (Thêm vào album) — Chọn thêm hoặc không thêm video clip đã ghi vào một album trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Chọn **Yes (Có)** để mở danh sách các album hiện có.

Show captured video (Hiển thị video đã quay) — Chọn hiển thị hoặc không hiển thị ảnh đầu tiên của video clip được ghi trên màn hình sau khi ngừng ghi. Chọn **Play (Phát)** từ thanh công cụ (camera chính) hoặc **Options (Tùy chọn) > Play (Phát)** (camera phụ) để xem video clip này.

Optical zoom during recording (Zoom kỹ thuật số trong khi quay phim) — Chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**. Chọn **Off (Tắt)** để loại bỏ tiếng ồn cơ do ống kính chuyển động trong khi chỉnh tỷ lệ kỹ thuật số khi quay phim.

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Chọn bộ nhớ mặc định: bộ nhớ trên máy hoặc thẻ nhớ (nếu được lắp).

Chụp hình

Kích hoạt camera chính bằng cách xoay màn hình sang chế độ Imaging. Nếu camera ở **Switch to video mode (Chuyển sang chế độ video)**, sử dụng phím camera để **Switch to image mode (Chuyển sang chế độ hình ảnh)**.

Để khóa tiêu điểm trên một đối tượng, bấm nút chụp nửa chừng (chỉ camera chính). Chỉ báo tiêu điểm đã khóa màu xanh sẽ xuất hiện trên màn hình. Nếu tiêu điểm không bị khóa, chỉ báo tiêu điểm màu đỏ sẽ xuất hiện. Thả phím chụp ra và bấm nửa chừng lại một lần nữa. Tuy nhiên, bạn có thể chụp hình mà không cần khóa tiêu điểm.

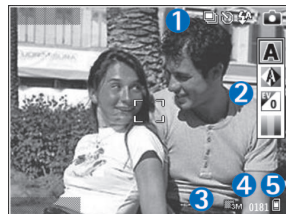
Để chụp ảnh, ở chế độ camera chính, bấm phím chụp ảnh. Giữ nguyên điện thoại cho tới khi ảnh được lưu.

Bạn có thể hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc trước khi chụp ảnh ở chế độ Imaging bằng cách sử dụng phím bên để di chuyển qua thanh công cụ. Xem phần "**Thiết lập cài đặt — Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**", trên trang 29.

Việc lưu lại ảnh chụp có thể mất nhiều thời gian hơn nếu bạn thay đổi các cài đặt của tính năng chỉnh tỉ lệ, ánh sáng hoặc màu sắc.

Kính ngắm camera sẽ hiển thị thông tin sau đây:

- Các chỉ báo tình trạng (1) cho chức năng chụp liên tục bật, chụp tự động bật; **Automatic (Tự động)** (⚡), **On (Bật)** (⚡), hoặc **Off (Tắt)** (⏻) chế độ flash, và chế độ chụp hiện thời.
- Thanh công cụ (2), bạn có thể di chuyển qua thanh công cụ này trước khi chụp ảnh để chọn chế độ quay, cân bằng trắng, độ phơi sáng, và tông màu (thanh công cụ sẽ không được hiển thị trong khi lấy nét và chụp ảnh).
- Chỉ báo độ phân giải hình (3) cho biết chất lượng hình ảnh là **Print 3M - Large (In 3M - Lớn)** (độ phân giải 2048x1536), **Print 2M - Med. (In 2M - Trung bình)** (độ phân giải 1600x1200), **Print 1.3M - Small (In 1,3M - Nhỏ)** (độ phân giải 1280x960), hoặc **MMS 0.3M (MMS 0,3M)** (độ phân giải 640x480).
- Bộ đếm hình (4) hiển thị ước tính số lượng hình bạn có thể chụp sử dụng cài đặt chất lượng ảnh hiện thời và bộ nhớ được sử dụng (bộ đếm này không hiển thị trong khi lấy nét và chụp ảnh).
- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại (📁) và thẻ nhớ (📁) (5) cho biết nơi lưu trữ các hình ảnh.





Mẹo! Chọn **Options (Tùy chọn) > Turn icons on (Bật biểu tượng)** để hiển thị tất cả các chỉ báo kính ngắm hoặc **Turn icons off (Tắt biểu tượng)** để chỉ hiển thị các chỉ báo tình trạng camera.

Khi chụp hình, bạn nên lưu ý những vấn đề sau:

- Sử dụng cả hai tay để giữ cố định camera.
- Chất lượng của hình được điều chỉnh tỷ lệ kỹ thuật số sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỷ lệ.
- Camera sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm pin nếu không có phím nào được bấm trong một khoảng thời gian xác định. Để tiếp tục chụp hình, bấm .

Sau khi chụp ảnh, chọn một trong những tùy chọn sau từ thanh công cụ:

- Nếu bạn không muốn giữ lại hình ảnh này, chọn **Delete (Xóa)**.
- Để gửi video sử dụng tin nhắn đa phương tiện, e-mail, Bluetooth, hoặc hồng ngoại, bấm phím thoại, hoặc chọn **Send (Gửi)**.
- Để chụp ảnh mới, chọn **New image (Hình mới)**.
- Để in ảnh, chọn **Print (In)**. Xem phần "In ảnh", trên trang 43.

Cài đặt camera hình tĩnh

Có hai kiểu cài đặt dành cho camera hình tĩnh:

Image setup (Cài đặt hình) và cài đặt chính. Để hiệu chỉnh **Image setup (Cài đặt hình)**, xem phần "**Thiết lập cài đặt — Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**", trên trang 29. Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chính sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt chính, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và chọn các tùy chọn sau:

Image quality (Chất lượng ảnh) — Print 3M - Large (In 3M - Lớn) (độ phân giải 2048x1536), **Print 2M - Med. (In 2M - Trung bình)** (độ phân giải 1600x1200), **Print 1.3M - Small (In 1,3M - Nhỏ)** (độ phân giải 1280x960), hoặc **MMS 0.3M (MMS 0,3M)** (độ phân giải 640x480). Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ. Nếu bạn muốn in ảnh, chọn **Print 3M - Large (In 3M - Lớn)**, **Print 2M - Med. (In 2M - Trung bình)**, hoặc **Print 1.3M - Small (In 1,3M - Nhỏ)**. Nếu bạn muốn gửi hình qua e-mail, chọn **Print 1.3M - Small (In 1,3M - Nhỏ)**. Để gửi hình qua MMS, chọn **MMS 0.3M (MMS 0,3M)**.

Những độ phân giải này chỉ có trong máy ảnh chính.

Add to album (Thêm vào album) — Chọn lưu hoặc không lưu hình ảnh đã ghi vào một album trong bộ sưu tập. Nếu bạn chọn **Yes (Có)**, danh sách các album hiện có sẽ mở ra.

Show captured image (Hiển thị ảnh đã chụp) — Chọn **Yes (Có)** nếu bạn muốn xem hình đã chụp sau khi chụp, hoặc chọn **No (Không)** nếu bạn muốn tiếp tục chụp hình ngay.

Extended zoom (Zoom mở rộng) (chỉ camera chính) — Chọn **On (continuous) (Bật (liên tục))** để cho phép tăng tỷ lệ phóng từ từ và liên tục giữa chỉnh tỷ lệ kỹ thuật số và chỉnh tỷ lệ kỹ thuật số mở rộng, **On (paused) (Bật (tạm ngưng))** để cho phép tăng việc tăng chỉnh tỷ lệ ngừng tại thời điểm chuyển bước giữa chỉnh tỷ lệ kỹ thuật số và kỹ thuật số mở rộng. Nếu bạn muốn giới hạn zoom ở mức chất lượng hình đã chọn được duy trì, chọn **Off (Tắt)**.

Flicker cancellation (Hủy ánh sáng lung linh) — Chọn **50Hz** hoặc **60Hz**.

Shutter tone (Âm chụp) — Chọn âm bạn muốn nghe khi chụp ảnh.

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Chọn nơi lưu hình ảnh của bạn.

Chụp hình liên tiếp

Sequence mode (Chế độ chụp liên tiếp) chỉ có trong camera chính.

Để cài camera chụp tối đa sáu ảnh liên tiếp (nếu có đủ bộ nhớ), chọn **Options (Tùy chọn)** > **Sequence mode (Chế độ chụp liên tiếp)**.

Để chụp ảnh, bấm phím chụp.

Sau khi chụp ảnh, ảnh chụp sẽ được hiển thị ở dạng khung lưới trên màn hình. Để xem ảnh, bấm  để mở ảnh.

Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp liên tục với chế độ chụp tự động.

Để trở về kính ngắm của chế độ chụp liên tục, bấm phím chụp.

Chụp hình cho chính bạn — chụp tự động

Chế độ chụp tự động chỉ có trong camera chính.

Sử dụng chế độ chụp tự động để làm chậm quá trình chụp ảnh và do đó bạn có thể tự chụp mình. Để cài thời gian chờ chụp tự động, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Self timer (Chụp tự động)** > **2 seconds (2 giây.)**, **10 seconds (10 giây.)**, hoặc **20 seconds (20 giây.)**. Để khởi động chức năng chụp tự động, chọn

Activate (Khởi động). Chỉ báo chụp tự động (📷) sẽ nhấp nháy và điện thoại phát những tín hiệu bíp trong khoảng thời gian chờ chụp. Camera sẽ chụp hình sau khi hết thời gian đã định.

Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp tự động trong chế độ chụp liên tục.

💡 **Mẹo!** Chọn **Options (Tùy chọn) > Self timer (Chụp tự động) > 2 seconds (10 giây.)** để giữ chắc tay khi chụp ảnh.

Flash

Đèn flash chỉ khả dụng với camera chính.

Giữ một khoảng cách an toàn khi sử dụng đèn flash. Không sử dụng đèn flash khi ở gần người hoặc động vật. Không che đèn flash khi đang chụp hình.

Camera được trang bị đèn flash để chụp hình trong điều kiện ánh sáng yếu. Các chế độ đèn flash gồm: **Automatic (Tự động)** (🔧), **On (Bật)** (🔧), và **Off (Tắt)** (🔧).

Để chuyển qua lại giữa các chế độ đèn flash, bấm phím flash.

Thiết lập cài đặt — Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc

Để cho phép camera tái tạo màu sắc và ánh sáng trung thực hơn, hoặc để thêm hiệu ứng cho ảnh hoặc video, sử dụng phím di chuyển bên để di chuyển qua thanh công cụ, và chọn một trong những tùy chọn sau:

Shooting mode (Chế độ chụp ảnh) — Chọn một chế độ chụp thích hợp với điều kiện chụp ảnh. Mỗi chế độ chụp sử dụng thông số cài đặt độ sáng riêng đã được điều chỉnh theo loại môi trường nhất định.

White balance (Cân bằng trắng) — Chọn điều kiện ánh sáng hiện tại trong danh sách. Điều này cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn.

Exposure value (Giá trị phơi sáng) (chỉ dành cho hình ảnh) — Hiệu chỉnh độ phơi sáng của camera.

Colour tone (Tông màu) — Chọn hiệu ứng màu từ danh sách.

Mọi thay đổi đều được thể hiện ngay trên màn hình, giúp bạn thấy được tác động của sự thay đổi đối với hình ảnh hoặc phim.

Các cài đặt khả dụng tùy thuộc vào camera được chọn.

Mỗi camera có các cài đặt riêng; nếu bạn thay đổi cài đặt cho camera phụ, cài đặt cho camera chính không thay đổi. Tuy nhiên, cài đặt có chuyển giữa chế độ hình ảnh và video.

Các chế độ chụp ảnh

Một chế độ chụp sẽ giúp bạn tìm thông số cài đặt ánh sáng và màu sắc thích hợp với điều kiện hiện tại. Chọn một chế độ chụp thích hợp từ danh sách chế độ chụp để chụp hình hoặc quay phim. Cài đặt của mỗi chế độ chụp được đã được đặt theo một kiểu hoặc một môi trường nhất định.

Các chế độ chụp này chỉ có trong máy ảnh chính.

Sử dụng phím di chuyển bên để di chuyển qua thanh công cụ, và chọn một trong những tùy chọn sau:

Các chế độ quay video

Normal (Bình thường) () (mặc định) và **Night (Đêm)** ()

Các chế độ chụp hình ảnh

Automatic (Tự động) () (mặc định), **User (Người sử dụng)** (), và **Close-up mode (Chế độ chụp gần)** (), **Landscape (Phong cảnh)** (), **Night (Đêm)** (), và **Night portrait (Chụp chân dung ban đêm)** ().

Khi bạn chụp ảnh, chế độ chụp mặc định là **Automatic (Tự động)**.

Để cài chế độ chụp riêng của bạn phù hợp với một môi trường cụ thể, di chuyển đến **User (Người sử dụng)**, và chọn **Options (Tùy chọn) > Change (Thay đổi)**. Trong chế độ chụp do người dùng tạo, bạn có thể hiệu chỉnh các cài đặt độ sáng và màu sắc khác nhau. Để sao chép cài đặt từ một chế độ khác, chọn **Based on shooting mode (Dựa trên chế độ chụp)** và chọn chế độ bạn muốn.



Gallery (Bộ sưu tập)

Để lưu và sắp xếp các hình ảnh, video clip, đoạn âm thanh, danh sách nhạc, và các liên kết trực tuyến, hoặc chia sẻ các tập tin của bạn với những thiết bị tương thích bằng tính năng Universal Plug and Play khác qua mạng LAN không dây, bấm , và chọn **Gallery (Bộ sưu tập)**. Để mở bộ sưu tập trong ứng dụng **Camera**, chọn **Options (Tùy chọn) > Go to Gallery (Đến Bộ sưu tập)**. Ở chế độ **Camera**, chỉ có thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)**.

 **Mẹo!** Để chuyển từ **Gallery (Bộ sưu tập)** sang camera, trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)**, bấm phím chụp ảnh hoặc phím chế độ camera, hoặc chọn **Options (Tùy chọn) > Camera**.

Chọn **Images & video (Hình ảnh & video)** , **Tracks (Đoạn nhạc)** , **Sound clips (Đoạn âm thanh)** , **Streaming links (Các đường dẫn đến nội dung trực tuyến)** , **Presentations (Diễn thuyết)** , **All files (Tất cả các tập tin)** , hoặc **Home network (Mạng gia đình)** , và bấm  để mở.

Các video clip, tập tin .ram, và các đường dẫn trực tuyến sẽ được mở và phát trong ứng dụng RealPlayer. Xem phần **"RealPlayer"**, trên trang 88.

Bạn cũng có thể tạo album; và đánh dấu, và thêm các mục vào album. Xem phần **"Album"**, trên trang 38.

Để mở một tập tin, bấm . Các video sẽ mở ra trong **RealPlayer**, và các đoạn nhạc và âm thanh sẽ mở ra trong **Music player (Máy nghe nhạc)**. Xem phần **"Xem hình ảnh và video clip"**, trên trang 32.

Để sao chép hoặc di chuyển các tập tin vào thẻ nhớ (nếu có) hoặc vào bộ nhớ trên máy, chọn một tập tin và chọn **Options (Tùy chọn) > Move and copy (Chuyển và sao chép) > Copy to memory card (Sao chép vào thẻ nhớ)/Move to memory card (Chuyển vào thẻ nhớ)** hoặc **Copy to phone mem. (Sao chép vào bộ nhớ điện thoại)/Move to phone mem. (Đời vào bộ nhớ điện thoại)**.

Các tập tin lưu trữ trong thẻ nhớ (nếu có) được chỉ báo bằng . Các tập tin lưu trữ trong bộ nhớ điện thoại được chỉ báo bằng .

Để giảm kích thước các hình ảnh bạn đã sao chép sang các vị trí khác, chẳng hạn như một máy PC tương thích, chọn **Options (Tùy chọn) > Transfer and memory (Truyền dữ liệu và bộ nhớ) > Shrink (Thu nhỏ)**. Chọn **Shrink (Thu nhỏ)** sẽ giảm độ phân giải của hình xuống còn 640x480. Để tăng chỗ

trống trong bộ nhớ sau khi bạn sao chép các mục vào các vị trí hoặc thiết bị khác, chọn một tập tin và chọn **Options (Tùy chọn) > Free memory (Bộ nhớ còn trống)**. Xem phần "**Các tập tin dự phòng**", trên trang 44.

Để tải các tập tin về **Gallery (Bộ sưu tập)** trong một trong các thư mục chính bằng trình duyệt, chọn **Graphic downl. (Tải đồ họa xuống từ mạng)**, **Video downl. (Video tải xuống)**, **Track downl. (Đoạn nhạc tải xuống)**, hoặc **Sound downl. (Âm thanh tải xuống)**. Trình duyệt sẽ mở ra và bạn có thể chọn một chỉ mục của trang sẽ tải về.

Để chia sẻ các tập tin media được lưu trong **Gallery (Bộ sưu tập)** với các thiết bị tương thích với UPnP qua mạng LAN không dây, trước tiên bạn phải tạo và đặt cấu hình điểm truy cập Internet của mạng LAN không dây gia đình, sau đó đặt cấu hình ứng dụng **Home network (Mạng gia đình)**. Xem phần "**Mạng LAN không dây**", trên trang 16.

Các tùy chọn liên quan tới **Home network (Mạng gia đình)** không có trong **Gallery (Bộ sưu tập)** trước khi đặt cấu hình cài đặt **Home network (Mạng gia đình)**.

Xem hình ảnh và video clip

Hình chụp và các video clip được quay bằng camera sẽ được lưu trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Bạn cũng có thể nhận được hình ảnh và video clip dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail, qua kết nối Bluetooth, hoặc qua cổng hồng ngoại. Để có thể xem một hình hoặc video clip nhận được trong bộ sưu tập hoặc trong media player, bạn phải lưu chúng vào bộ nhớ trên máy hoặc trên một thẻ nhớ (nếu có).

Mở thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Hình ảnh và video clip sẽ ở trong một vòng tròn và được sắp xếp theo ngày tháng. Số lượng tập tin sẽ được hiển thị. Để trình duyệt từng tập tin, di chuyển sang trái hoặc phải. Để trình duyệt tập tin theo nhóm, di chuyển lên hoặc xuống.

Để chỉnh sửa video clip hoặc ảnh, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Chương trình chỉnh sửa hình ảnh hoặc video sẽ mở ra. Xem phần "**Biên tập các đoạn phim**", trên trang 33. Xem phần "**Chỉnh sửa hình ảnh**", trên trang 35.

Để thêm một hình ảnh hoặc một đoạn phim vào album trong bộ sưu tập, chọn **Options (Tùy chọn) > Albums (Album) > Add to album (Thêm vào album)**. Xem phần "**Album**", trên trang 38.

Để tạo các đoạn video clip tùy chỉnh, chọn một đoạn video clip hoặc một vài clip trong bộ sưu tập và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Xem phần "**Biên tập các đoạn phim**", trên trang 33.

Để in hình ảnh trên một máy in tương thích, hoặc để lưu hình vào thẻ nhớ (nếu có) để in, chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**. Xem phần "**In ảnh**", trên trang 43.

Để gửi một tin nhắn đa phương tiện tới dịch vụ tải lên tập tin media của nhà cung cấp dịch vụ (dịch vụ mạng), bấm phím đàm thoại, và chọn **Upload (Tải lên)** (nếu có). Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để có thêm thông tin.

Để xem hình ảnh, di chuyển đến một hình ảnh và bấm  để xem hình ảnh này.

Khi hình được mở, để chỉnh tỷ lệ hình, chọn **Options (Tùy chọn) > Zoom in (Phóng to)** hoặc **Zoom out (Thu nhỏ)**. Tỷ lệ phóng to/thu nhỏ sẽ hiển thị ở phía trên màn hình. Tỷ lệ sẽ không được lưu cố định.

Để sử dụng hình ảnh làm hình nền, chọn hình ảnh bạn muốn sử dụng và chọn **Options (Tùy chọn) > Assign (Gán) > Set as wallpaper (Cài làm hình nền)**.

Để xóa hình hoặc video clip, bấm .

Biên tập các đoạn phim

Để chỉnh sửa các video clip trong **Gallery (Bộ sưu tập)** và tạo các video clip tùy chỉnh, di chuyển đến một video clip, và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Xem phần "**Gallery (Bộ sưu tập)**", trên trang 31. Để hiệu chỉnh các đoạn phim, kết hợp và cắt cảnh các đoạn phim và thêm vào hình ảnh, tập tin âm thanh, các đoạn chuyển cảnh, và hiệu ứng. Chuyển cảnh là các hiệu ứng hình ảnh mà bạn có thể thêm vào khi bắt đầu và kết thúc đoạn phim hoặc giữa các đoạn phim.

Bạn cũng có thể sử dụng ứng dụng **Movie director (Đạo diễn phim)** để tạo các video clip tùy chỉnh. Chọn những video clip và hình ảnh bạn muốn tạo một muvee và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa) > Create muvee (Tạo muvee)**. Xem phần "**Movie director (Đạo diễn phim)**", trên trang 92.

Trong chế độ biên tập phim, bạn có thể thấy hai thanh thời gian: một dành cho đoạn phim và một dành cho đoạn âm thanh. Có thể thêm hình ảnh, văn bản, và các đoạn chuyển cảnh vào một video clip đang được hiển thị trên thanh thời gian của video clip. Để chuyển giữa các thanh thời gian, di chuyển lên hoặc xuống.

Biên tập phim, âm thanh, hình ảnh, văn bản và đoạn chuyển cảnh

Để tạo các video clip tùy chỉnh, đánh dấu và chọn một hoặc nhiều video clip, và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**.

Để chỉnh sửa phim, chọn một trong các tùy chọn sau:

Edit video clip (Chỉnh sửa video clip):

Cut (Cắt) — Cắt đoạn phim trong giao diện cut video clip.

Add color effect (Thêm hiệu ứng màu) — Chèn hiệu ứng màu cho đoạn video clip.

Use slow motion (Sử dụng quay chậm) — Giảm tốc độ chiếu của video clip.

Mute sound (Tắt âm)/Unmute sound (Bật âm) — Tắt hoặc bật tiếng của video clip gốc.

Move (Di chuyển) — Di chuyển video clip đến vị trí đã chọn.

Remove (Xóa) — Xóa video clip khỏi video.

Duplicate (Nhân bản) — Để tạo bản sao của đoạn video clip được chọn.

Edit text (Chỉnh sửa văn bản) (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm văn bản vào) — Để chuyển, xóa, hoặc nhân đôi văn bản; thay đổi màu và kiểu văn bản; xác định thời gian văn bản hiển thị trên màn hình; và thêm một số hiệu ứng cho văn bản.

Edit image (Chỉnh sửa hình) (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm hình ảnh vào) — Để chuyển, xóa, hoặc nhân đôi hình; xác định thời gian hình sẽ hiển thị trên màn hình; và cài nền hoặc hiệu ứng màu cho hình ảnh.

Edit sound clip (Chỉnh sửa đoạn âm thanh) (chỉ hiển thị nếu bạn đã thêm một đoạn âm thanh) — Để cắt hoặc chuyển một đoạn âm thanh, để hiệu chỉnh độ dài, hoặc để chuyển hoặc nhân đôi đoạn âm thanh.

Edit transition (Chỉnh sửa đoạn chuyển cảnh) — Có ba kiểu chuyển cảnh: ở đầu phim, ở cuối phim, và ở giữa các đoạn phim. Bạn có thể chọn đoạn chuyển cảnh ở đầu video clip khi đoạn chuyển cảnh đầu tiên của video clip đang được bật.

Insert (Chèn) — Chọn **Video clip (Đoạn phim)**, **Image, Text (Văn bản)**, **Sound clip (Đoạn âm thanh)**, hoặc **New sound clip (Đoạn âm thanh mới)**.

Movie (Phim) — Xem trước movie ở chế độ vừa màn hình hoặc dưới dạng hình thu nhỏ, lưu lại hoặc gửi movie, hoặc cắt movie với kích thước hợp lý để gửi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện.

Để chụp hình các cảnh trong một video clip, ở giao diện cắt video, chọn **Options (Tùy chọn) > Take snapshot (Chụp cảnh)**. Trong giao diện xem trước hình thu nhỏ, bấm , và chọn **Take snapshot (Chụp cảnh)**.

Để lưu video của bạn, chọn **Options (Tùy chọn) > Movie (Phim) > Save (Lưu lại)**. Để chọn **Memory in use (Chọn bộ nhớ)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**. Mặc định là bộ nhớ máy.

Trong giao diện **Settings (Cài đặt)**, bạn cũng có thể chọn **Default video name (Tên video mặc định)**, **Default sc. shot name (Tên cảnh mặc định)**, **Resolution (Độ phân giải)**, và **Memory in use (Chọn bộ nhớ)**.

Để gửi đoạn video, chọn **Send (Gửi) > Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via e-mail (Qua e-mail)**, **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**, hoặc **Via infrared (Qua hồng ngoại)**. Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ của bạn để biết dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện có thể gửi đi được. Nếu video của bạn quá lớn không thể gửi đi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, biểu tượng  sẽ xuất hiện.



Mẹo! Nếu muốn gửi video với dung lượng lớn hơn dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện được nhà cung cấp dịch vụ quy định, bạn có thể gửi qua công nghệ không dây Bluetooth. Xem phần **"Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth"**, trên trang 97. Bạn cũng có thể chuyển video của bạn vào một máy PC tương thích sử dụng kết nối Bluetooth, hoặc bằng cách sử dụng phụ kiện đầu đọc thẻ nhớ.

Chỉnh sửa hình ảnh

Để chỉnh sửa hình ảnh sau khi chụp, hoặc hình ảnh đã lưu trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**.

Chọn **Apply effect (Áp dụng hiệu ứng)** để cắt và xoay hình; điều chỉnh độ sáng, màu sắc, độ tương phản, và độ phân giải; và thêm hiệu ứng, văn bản, hình nghệ thuật, hoặc khung cho hình chụp.

Để cắt ảnh, chọn **Options (Tùy chọn) > Apply effect (Áp dụng hiệu ứng) > Crop (Cắt)**. Để cắt kích thước hình theo cách thủ công, chọn **Manual (Thủ công)**, hoặc chọn một tỷ lệ co từ danh sách. Nếu bạn chọn **Manual (Thủ công)**, dấu thập sẽ xuất hiện ở góc trái phía trên của hình. Di chuyển phím di chuyển đến vùng để cắt, và chọn **Set (Cài)**. Một dấu thập khác sẽ xuất hiện ở góc dưới bên phải. Chọn lại vùng sẽ

được cắt. Để hiệu chỉnh vùng được chọn lúc đầu, chọn **Back (Trở về)**. Các vùng được chọn sẽ tạo thành hình chữ nhật, là dạng hình sẽ được cắt.

Nếu bạn chọn một tỷ lệ co định sẵn, chọn góc trái phía trên của vùng sẽ được cắt. Để chỉnh lại kích thước của vùng đã chọn, sử dụng phím di chuyển. Để cố định vùng đã chọn, bấm . Để di chuyển vùng này trong hình, sử dụng phím di chuyển. Để chọn vùng sẽ được cắt, bấm .

Để giảm hiện tượng mắt đỏ trong một hình, chọn **Options (Tùy chọn) > Apply effect (Áp dụng hiệu ứng) > Red eye redu. (Giảm hiện tượng mắt đỏ)**. Di chuyển dấu thập vào mắt, và bấm . Một vòng tròn sẽ xuất hiện trên màn hình. Để chỉnh lại kích thước của vòng tròn cho vừa khít với mắt, di chuyển phím di chuyển. Để giảm hiện tượng mắt đỏ, bấm .

Các phím tắt trong chế độ chỉnh sửa hình ảnh:

- Để xem ảnh ở chế độ vừa màn hình, bấm *****. Để trở lại xem bình thường, nhấn ***** lần nữa.
- Để xoay hình theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ, bấm **3** hoặc **1**.
- Để phóng to hoặc thu nhỏ hình, bấm **5** hoặc **0**.
- Để di chuyển hình đã được phóng to hoặc thu nhỏ, di chuyển lên, xuống, sang trái, hoặc phải.

Trình chiếu

Chọn **Options (Tùy chọn) > Slide show (Trình chiếu) > Start (Bắt đầu)** để xem các hình ảnh và video clip ở chế độ vừa màn hình. Trình chiếu sẽ bắt đầu từ tập tin đã chọn. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Play (Phát)** — để mở ứng dụng RealPlayer, và phát một video clip được chọn
- **Pause (Tạm ngưng)** — để tạm ngưng trình chiếu
- **Continue (Tiếp tục)** — để tiếp tục trình chiếu, nếu đã tạm ngưng
- **End (Kết thúc)** — để đóng trình chiếu

Để trình duyệt hình ảnh, bấm  (hình trước) hoặc  (hình kế tiếp).

Để điều chỉnh tốc độ trình chiếu, trước khi bắt đầu trình chiếu, chọn **Options (Tùy chọn) > Slide show (Trình chiếu) > Settings (Cài đặt) > Delay between slides (Thời gian trễ giữa hai trang)**.

Để thêm âm thanh vào trình chiếu, chọn **Options (Tùy chọn) > Slide show (Trình chiếu) > Settings (Cài đặt)** và chọn các tùy chọn sau:

- **Music (Nhạc)** — Chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**.
- **Track (Đoạn nhạc)** — Chọn một tập tin nhạc trong danh sách.

Để giảm hoặc tăng âm lượng trong khi trình chiếu, bấm  hoặc .

Chế độ ra tivi

Bạn có thể xem video và hình ảnh được lưu trong điện thoại trên một tivi tương thích. Cắm Cáp Video Ra của Nokia (CA-64U) từ đầu nối Pop-Port tivi ra trên điện thoại với đầu video vào của một tivi tương thích. Đối với tất cả các ứng dụng ngoài thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong **Gallery (Bộ sưu tập)** và **RealPlayer**, màn hình tivi hiển thị những gì được hiển thị trên màn hình điện thoại.

Khi bạn mở một hình ảnh trong giao diện hình thu nhỏ trong khi xem hình này trên tivi, sẽ không có tùy chọn **Zoom in (Phóng to)**. Khi hình không được chỉnh tỷ lệ, hình đã mở sẽ được hiển thị trên tivi ở chế độ vừa màn hình.

Bạn có thể xem video và hình ảnh dưới dạng trình chiếu. Tất cả các mục trong một album hoặc những video và hình ảnh được chọn sẽ được hiển thị trên tivi ở chế độ vừa màn hình trong khi phát nhạc đã chọn.

Khi mở một video clip được chọn, **RealPlayer** sẽ bắt đầu phát video clip này trên màn hình điện thoại và màn hình tivi. Xem phần **"RealPlayer"**, trên trang [88](#).

Tất cả âm thanh, bao gồm cả đoạn âm thanh của video clip âm thanh nổi, kiểu chuông, và âm phím, sẽ được chuyển sang tivi khi Cáp Video Ra của Nokia được cắm vào điện thoại. Bạn có thể sử dụng micrô của điện thoại như bình thường.

Phải đặt cấu hình hệ tivi tương thích và tỷ lệ co của tivi cho cài đặt tivi ra. Xem phần **"Cài cấu hình tivi"**, trên trang [128](#).

Diễn thuyết

Với các diễn thuyết, bạn có thể xem các tập tin SVG (đồ họa vector có thể thay đổi tỷ lệ), chẳng hạn như truyện tranh và bản đồ. Các hình ảnh SVG giữ nguyên hình dạng khi in và xem với các kích thước và độ phân giải màn hình khác nhau. Để xem các tập tin SVG, chọn thư mục **Presentations (Diễn thuyết)**, di chuyển đến một hình ảnh, và chọn **Options (Tùy chọn) > Play (Phát)**.

Để phóng to, bấm **5**. Để thu nhỏ, bấm **0**.

Để chuyển giữa chế độ xem vừa màn hình và chế độ xem bình thường, bấm *****.

Album

Với album, bạn có thể quản lý hình ảnh và các video clip một cách thuận tiện. Để xem danh sách album, trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Albums (Album) > View albums (Xem album)**.

Để thêm hình hoặc một đoạn phim vào album trong bộ sưu tập, di chuyển đến một hình hoặc đoạn phim và chọn **Options (Tùy chọn) > Albums (Album) > Add to album (Thêm vào album)**. Một danh sách các album sẽ mở ra. Chọn album bạn muốn thêm hình hoặc video clip vào và bấm .

Để xóa một tập tin trong album, bấm . Tập tin đó sẽ vẫn còn trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Chia sẻ trực tuyến



Lưu ý: Tính khả dụng của dịch vụ này có thể khác nhau tùy theo quốc gia hoặc khu vực bán hàng, và dịch vụ này có thể chỉ khả dụng trên một số ngôn ngữ.

Với ứng dụng **Publishing (Công bố)** bạn có thể chia sẻ hình ảnh và video trên các album trực tuyến, weblog, hoặc các dịch vụ chia sẻ trực tuyến khác trên Web. Bạn có thể tải lên nội dung, lưu những bài

viết chưa hoàn tất dưới dạng nháp và tiếp tục sau, và xem nội dung của các album. Những kiểu nội dung được hỗ trợ có thể khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Bắt đầu sử dụng

Để sử dụng **Publishing (Công bố)**, bạn phải đăng ký dịch vụ với một nhà cung cấp dịch vụ chia sẻ hình ảnh trực tuyến. Thông thường, bạn có thể đăng ký dịch vụ trên trang Web của nhà cung cấp dịch vụ này. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết chi tiết về việc đăng ký dịch vụ. Để biết thêm thông tin về các nhà cung cấp dịch vụ tương thích, hãy xem trên trang web www.nokia-asia.com/N93/support.

Lần đầu tiên mở dịch vụ trong ứng dụng **Publishing (Công bố)**, bạn sẽ được nhắc nhập tên thuê bao và mật mã. Bạn có thể truy cập vào các cài đặt này sau từ **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** trong ứng dụng **Publishing (Công bố)**. Xem phần "[Cài đặt chia sẻ trực tuyến](#)", trên trang 40.

Tải lên các tập tin

Bấm , và chọn **Gallery (Bộ sưu tập)** > **Images & video (Hình ảnh & video)**, chọn những tập tin bạn muốn tải lên, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send (Gửi)** > **Web upload (Tải lên Web)**. Bạn cũng có thể truy cập vào ứng dụng **Publishing (Công bố)** từ camera chính.

Giao diện **Select service (Chọn dịch vụ)** sẽ mở ra. Để tạo một tài khoản với một dịch vụ, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Add new account (Thêm tài khoản mới)** hoặc biểu tượng dịch vụ có dòng chữ **Create account (Tạo tài khoản)** trong danh sách dịch vụ. Nếu bạn đã tạo một tài khoản mới ở trạng thái không trực tuyến, hoặc chỉnh sửa một tài khoản hoặc cài đặt dịch vụ bằng trình duyệt Web trên một máy PC tương thích, để cập nhật danh sách dịch vụ trên điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Retrieve services (Nhận dịch vụ)**. Để chọn một dịch vụ, bấm phím di chuyển.

Khi chọn dịch vụ này, những hình ảnh và video được chọn sẽ hiển thị ở trạng thái chỉnh sửa. Bạn có thể mở và xem các tập tin, sắp xếp lại chúng, và thêm văn bản cho chúng, hoặc thêm các tập tin mới.

Để hủy quá trình tải lên Web, và lưu bài viết mới tạo dưới dạng nháp, chọn **Back (Trở về)** > **Save as draft (Lưu làm nháp)**. Nếu quá trình tải lên đã bắt đầu, chọn **Cancel (Hủy)** > **Save as draft (Lưu làm nháp)**.

Để kết nối với dịch vụ và tải các tập tin lên Web, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Upload (Tải lên)**, hoặc bấm .

Mở dịch vụ trực tuyến

Để xem hình ảnh và video đã được tải lên trong dịch vụ trực tuyến, và các mục nhập nháp và các mục nhập đã gửi, trong thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)**, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Online Services (Các dịch vụ trực tuyến)** > **Open service (Mở dịch vụ)**. Nếu bạn đã tạo một tài khoản mới ở trạng thái không trực tuyến, hoặc chỉnh sửa một tài khoản hoặc cài đặt dịch vụ bằng trình duyệt Web trên một máy PC tương thích, để cập nhật danh sách dịch vụ trên điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Retrieve services (Nhận dịch vụ)**. Chọn một dịch vụ trong danh sách.

Sau khi đã mở một dịch vụ, chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Open in Web browser (Mở trong trình duyệt web)** — để kết nối với dịch vụ đã chọn và xem các album đã tải lên và album nháp trong trình duyệt Web. Giao diện này có thể khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.
- **Drafts (Nháp)** — để xem và chỉnh sửa các mục nhập nháp, và tải chúng lên Web
- **Sent (Đã gửi)** — để xem 20 mục nhập mới nhất được tạo bằng điện thoại
- **New post (Bài đăng mới)** — để tạo mục nhập mới

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.

Cài đặt chia sẻ trực tuyến

Để chỉnh sửa cài đặt **Publishing (Công bố)**, trong ứng dụng **Publishing (Công bố)**, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)**.

My accounts (Tài khoản riêng)

Trong **My accounts (Tài khoản riêng)**, bạn có thể tạo các tài khoản mới hoặc chỉnh sửa các tài khoản đã có. Để tạo một tài khoản mới, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Add new account (Thêm tài khoản mới)**. Để chỉnh sửa một tài khoản đã có, chọn một tài khoản và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Edit (Chỉnh sửa)**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Account name (Tên tài khoản) — để nhập tên cho tài khoản

Service provider (Nhà cung cấp dịch vụ) — để chọn nhà cung cấp dịch vụ bạn muốn sử dụng. Bạn không thể thay đổi nhà cung cấp dịch vụ cho một tài khoản hiện có, bạn phải tạo một tài khoản mới cho nhà cung cấp dịch vụ mới. Nếu xóa một tài khoản trong **My accounts (Tài khoản riêng)**, các dịch vụ liên quan đến tài khoản này cũng sẽ bị xóa khỏi điện thoại, bao gồm cả các mục đã gửi cho dịch vụ này.

User name (Tên thuê bao) và **Password (Mật mã)** — nhập tên thuê bao và mật mã đã tạo cho tài khoản của bạn khi đăng ký với dịch vụ trực tuyến

Upload image size (Kích cỡ hình tải lên) — để chọn kích cỡ cho hình ảnh sẽ được tải lên dịch vụ này.

Application settings (Cài đặt ứng dụng)

Display image size (Kích cỡ hình hiển thị) — để chọn kích cỡ cho hình ảnh sẽ được hiển thị trên màn hình điện thoại. Cài đặt này sẽ không ảnh hưởng tới kích cỡ hình tải lên.

Display text size (Kích cỡ văn bản hiển thị) — để chọn cỡ chữ sử dụng để hiển thị văn bản trong các mục nhập nháp và mục nhập đã gửi, hoặc khi bạn thêm hoặc chỉnh sửa văn bản cho mục nhập mới.

Advanced (Nâng cao)

Service providers (Nhà cung cấp dịch vụ) — để xem hoặc chỉnh sửa cài đặt nhà cung cấp dịch vụ, thêm nhà cung cấp dịch vụ mới, hoặc xem chi tiết về một nhà cung cấp dịch vụ. Nếu bạn thay đổi nhà cung cấp dịch vụ, tất cả thông tin trong **My accounts (Tài khoản riêng)** cho nhà cung cấp dịch vụ trước đó sẽ bị mất. Bạn không thể thay đổi cài đặt cho các nhà cung cấp dịch vụ đã được định trước.

Default access point (Điểm truy cập mặc định) — để thay đổi điểm truy cập sử dụng để kết nối với dịch vụ trực tuyến, chọn điểm truy cập bạn muốn.

Các ứng dụng media



Máy nghe nhạc

Bấm , và chọn **Music player (Máy nghe nhạc)**. Với máy nghe nhạc, bạn có thể nghe các tập tin nhạc, tạo và nghe các danh sách nhạc.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Thêm nhạc

Khi bạn mở máy nghe nhạc lần đầu tiên, máy nghe nhạc sẽ tìm kiếm các tập tin nhạc trong bộ nhớ trên máy để tạo một thư viện nhạc.

Sau khi thêm hoặc xóa các tập tin nhạc trong điện thoại, hãy cập nhật thư viện nhạc của bạn. Chọn **Options (Tùy chọn) > Music library (Thư viện nhạc) > Options (Tùy chọn) > Update Music library (Cập nhật Thư viện nhạc)**.



Mẹo! Bạn có thể truyền tải các tập tin nhạc từ điện thoại vào thẻ nhớ tương thích (nếu có) bằng ứng dụng Nokia Audio Manager trong bộ Nokia PC Suite.

Phát nhạc

Khi mở máy nghe nhạc, bài nhạc hoặc danh sách nhạc được phát trước đó sẽ được hiển thị. Để xem thư viện nhạc, chọn  hoặc **Options (Tùy chọn) > Music library (Thư viện nhạc)** và chọn danh sách bài hát bạn muốn. Để bắt đầu phát các bài hát trong giao diện, chọn **Options (Tùy chọn) > Play (Phát)**.

Khi một bài hát đang được phát, để thay đổi giữa phát và tạm dừng, bấm  hoặc .

Để dừng bài hát, bấm . Để tiến nhanh về trước hoặc tua lại, bấm và giữ  hoặc . Để phát bài hát kế tiếp hoặc bài hát trước đó, bấm  hoặc .

Để xem danh sách bài hát đang được phát, chọn  hoặc **Options (Tùy chọn) > Open 'Now playing' (Mở 'Đang phát')**. Để lưu danh sách bài hát làm danh sách nhạc, chọn **Options (Tùy chọn) > Add to track list (Thêm vào danh sách nhạc)**, và tạo một danh sách nhạc mới, hoặc chọn một danh sách đã lưu.

Để điều chỉnh âm lượng, bấm  hoặc .

Để sửa đổi âm của nhạc đang phát, chọn **Options (Tùy chọn) > Equaliser (Bộ chỉnh âm)**.

Để thay đổi giữa chế độ phát ngẫu nhiên và phát bình thường, chọn **Options (Tùy chọn) > Random play (Phát ngẫu nhiên)**. Để chọn ngừng phát ở cuối danh sách nhạc hoặc bắt đầu lại từ đầu danh sách nhạc, chọn **Options (Tùy chọn) > Loop (Lặp lại)**.

Để mở các chỉ mục Web để tải nhạc xuống, chọn **Options (Tùy chọn) > Track downloads (Đoạn nhạc tải xuống)**.

Để trở về chế độ chờ và vẫn giữ máy nghe nhạc chạy ẩn, chọn **Options (Tùy chọn) > Play in background (Chạy ẩn)**.

Thư viện nhạc

Để xem thư viện nhạc, chọn **Options (Tùy chọn) > Music library (Thư viện nhạc)**. **All tracks (Tất cả các đoạn nhạc)** liệt kê tất cả các bài nhạc. Để xem các bài hát theo thứ tự, chọn **Albums (Album)**, **Artists (Nghệ sĩ)**, **Genres (Thể loại)**, hoặc **Composers (Nhạc sĩ)**. Thông tin về album, nghệ sĩ, thể loại và nhạc sĩ này được thu thập từ các tag ID3 hoặc M4A của các tập tin bài hát, nếu có.

Để thêm bài hát, album, nghệ sĩ, thể loại hoặc nhạc sĩ vào danh sách nhạc, chọn các mục và chọn

Options (Tùy chọn) > Add to track list (Thêm vào danh sách nhạc). Bạn có thể tạo danh sách bài hát mới hoặc thêm vào một danh sách hiện có.

Để xem các danh sách nhạc, chọn **Track lists (Danh sách đoạn nhạc)**. Để tạo một danh sách nhạc mới, chọn **Options (Tùy chọn) > New track list (Danh sách đoạn nhạc mới)**. Khi đang xem một danh sách nhạc do bạn tự tạo, để thêm bài hát, chọn **Options (Tùy chọn) > Add tracks (Thêm các đoạn nhạc)**.

Để xóa danh sách nhạc, bấm . Việc xóa danh sách bài hát chỉ có thể xóa danh sách bài hát, không xóa được các tập tin nhạc trong đó.

In ảnh

Sử dụng **Image print (In ảnh)** để in hình ảnh của bạn sử dụng một cáp dữ liệu, mạng LAN không dây (nếu có), kết nối Bluetooth, hoặc một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

Bạn chỉ có thể in hình ảnh ở dạng .jpeg. Hình ảnh được chụp bằng camera sẽ được tự động lưu ở dạng .jpeg.

Để in hình bằng **Image print (In ảnh)**, chọn hình bạn muốn in, và chọn tùy chọn in trong bộ sưu tập, camera, trình chỉnh sửa hình ảnh, hoặc giao diện hình ảnh.

Để in bằng một máy in tương thích với PictBridge, kết nối cáp dữ liệu trước khi chọn tùy chọn in.

Chọn máy in

Khi bạn sử dụng chức năng **Image print (In ảnh)** lần đầu tiên, danh sách các máy in hiện có sẽ hiển thị sau khi bạn chọn hình ảnh. Chọn một máy in. Máy in sẽ được cài làm máy in mặc định.

Nếu bạn đã kết nối một máy in tương thích với PictBridge sử dụng cáp CA-53, máy in sẽ tự động hiển thị.

Nếu máy in mặc định không có, danh sách các thiết bị in hiện có sẽ được hiển thị.

Để thay đổi máy in mặc định, chọn **Options (Tùy chọn) > Print settings (Cài đặt in) > Default printer (Máy in mặc định)**.

Xem trước bản in

Giao diện xem trước khi in chỉ mở ra khi bạn in một hình ảnh trong bộ sưu tập.

Hình ảnh đã chọn sẽ được hiển thị theo bố cục đã định trước. Để thay đổi bố cục này, di chuyển sang trái và phải để duyệt qua các bố cục có sẵn ứng với máy in đã chọn. Nếu hình ảnh không đủ để trình

bày trên một trang đơn, di chuyển lên hoặc xuống để xem tiếp các trang khác.

Cài đặt in ấn

Các tùy chọn được hiển thị sẽ khác nhau tùy vào tính năng của thiết bị in mà bạn chọn.

Để cài máy in mặc định, chọn **Options (Tùy chọn) > Default printer (Máy in mặc định)**.

Để chọn khổ giấy, chọn **Paper size (Kích cỡ giấy)**, chọn khổ giấy trong danh sách và bấm **OK**. Chọn **Cancel (Hủy)** để quay về màn hình trước đó.

Các tập tin dự phòng

Để chuyển và sao lưu các tập tin media từ điện thoại của bạn sang một máy PC tương thích qua mạng LAN không dây, chọn **Options (Tùy chọn) > Transfer (Nối chuyển) > Start (Bắt đầu)**. Xem phần "**Mạng LAN không dây**", trên trang 16.

Điện thoại sẽ bắt đầu dò tìm thiết bị. Chọn một thiết bị và chọn thư mục bạn muốn chuyển các tập tin media. Chọn **OK**.

Để thay đổi cài đặt **Storage device (Thiết bị lưu trữ)** hoặc **Storage folder (Thư mục lưu trữ)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**.



Nhắn tin

Bấm , và chọn **Messag. (Tin nhắn)**. Trong phần **Messag. (Tin nhắn)** bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, soạn thảo, và tổ chức các tin nhắn văn bản, các tin nhắn đa phương tiện, e-mail, và các tin nhắn văn bản đặc biệt chứa dữ liệu. Bạn cũng có thể nhận tin nhắn và dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại, nhận tin nhắn dịch vụ Web, tin nhắn quảng bá và gửi các lệnh dịch vụ.

Để tạo một tin nhắn mới, chọn **New message (Tin nhắn mới)**.

 **Lưu ý:** Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Messag. (Tin nhắn) chứa các thư mục sau:

 **Inbox (Hộp thư đến)** — Chứa các tin nhắn đã nhận, ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. Các tin e-mail được lưu trong **Mailbox (Hộp thư)**.

 **My folders (Thư mục riêng)** — Để sắp xếp tin nhắn của bạn vào trong các thư mục.

 **Mẹo!** Bạn có thể sử dụng các văn bản trong thư mục mẫu để tránh phải viết lại những tin nhắn thường gửi.

 **Mailbox (Hộp thư)** — Kết nối vào hộp thư từ xa của bạn để tải về các tin e-mail mới hoặc xem các tin e-mail đã được tải về từ trước ở chế độ không trực tuyến. Xem phần **"E-mail"**, trên trang 57.

 **Drafts (Nháp)** — Các tin nhắn nháp chưa gửi sẽ được lưu ở đây.

 **Sent (Đã gửi)** — Chứa 20 tin nhắn mới nhất đã gửi, ngoại trừ các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Để thay đổi số lượng tin nhắn sẽ được lưu, xem phần **"Other (Khác)"**, trên trang 60.

 **Outbox (Hộp thư đi)** — Tạm thời lưu các tin nhắn đang chờ để gửi.

 **Ví dụ:** Các tin nhắn sẽ được lưu trong hộp thư đi, ví dụ như trong trường hợp điện thoại bạn đang ở ngoài vùng phủ sóng. Bạn cũng có thể chỉ định thời điểm tin nhắn e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối kế tiếp với hộp thư từ xa.

 **Reports (Báo cáo)** — Bạn có thể yêu cầu mạng gửi báo cáo về những tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện mà bạn đã gửi (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

 **Mẹo!** Khi bạn đã mở bất kỳ thư mục mặc định nào, để chuyển đổi giữa các thư mục, bấm  hoặc .

Để nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là các lệnh USSD) đến nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ như những lệnh kích hoạt các dịch vụ mạng, chọn **Options (Tùy chọn) > Service command (Lệnh dịch vụ)** trong giao diện chính của **Messag. (Tin nhắn)**.

Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá) (dịch vụ mạng) cho phép bạn nhận tin nhắn về nhiều chủ đề khác nhau, ví dụ như thời tiết hoặc tình trạng giao thông, do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Trong cửa sổ chính của **Messaging (Nhắn tin)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá)**. Trong cửa sổ chính, bạn có thể thấy thông tin trạng thái của chủ đề, mã số của chủ đề, tên chủ đề và chủ đề có được đánh dấu (▶) cho biết có nhận những tin nhắn tiếp theo hay không.

Bạn không thể nhận các tin nhắn quảng bá qua mạng UMTS. Kết nối dữ liệu gói có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

Viết văn bản

ABC, **abc**, và **Abc** cho biết kiểu nhập ký tự đã chọn. **123** cho biết kiểu nhập số.

Kiểu nhập văn bản truyền thống

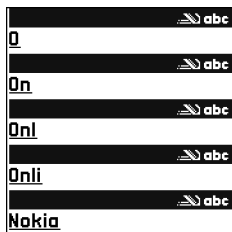
 sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống.

- Bấm một phím số (**1 – 9**) nhiều lần cho đến khi ký tự bạn cần dùng xuất hiện. Điện thoại sẽ cung cấp nhiều ký tự ứng với một phím số hơn số ký tự được in trên mặt của phím số đó.
- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc bấm ) để kết thúc khoảng thời gian nghỉ rồi nhập chữ đó vào.
- Để thêm khoảng trắng, bấm **0**. Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm **0** ba lần.

Kiểu nhập tiên đoán

Bạn chỉ cần nhấn mỗi phím một lần để nhập bất kỳ ký tự nào. Kiểu nhập tiên đoán dựa trên một từ điển cài sẵn trong điện thoại mà bạn có thể thêm từ mới vào. Chỉ báo  sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập tiên đoán.

- Để kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm , và chọn **Predictive text on (Bật văn bản tiên đoán)**. Thao tác này sẽ kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại.
- Để viết từ bạn muốn, bấm các phím **2 – 9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Ví dụ như để viết từ "Nokia" bằng từ điển tiếng Anh đã chọn, bấm **6** để nhập N, **6** để nhập o, **5** để nhập k, **4** để nhập i, và **2** để nhập a. Từ định viết sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.
- Khi bạn viết đúng một từ, bấm  để xác nhận lại, hoặc bấm **0** để chèn khoảng trắng. Nếu viết từ sai, bấm ***** nhiều lần để tìm lần lượt các từ phù hợp có thể có trong từ điển, hoặc bấm



, và chọn **Predictive text (Văn bản tiên đoán) > Matches (Các từ khác)**.

Nếu dấu **?** hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm từ vào từ điển, chọn **Spell (Thêm)**, nhập từ mới vào bằng kiểu nhập văn bản truyền thống, và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

- Bắt đầu viết từ kế tiếp.

Viết từ ghép

Soạn phần đầu của từ ghép, bấm  để xác nhận phần này. Soạn phần sau của từ ghép. Để hoàn tất việc soạn từ ghép, bấm **0** để chèn khoảng trắng.

Tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán

Để tắt kiểu nhập tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên máy, bấm , và chọn **Predictive text (Văn bản tiên đoán) > Off (Tắt)**.

 **Mẹo!** Để bật hoặc tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm nhanh **#** hai lần.

Mẹo khi nhập văn bản

Để chèn số khi ở chế độ nhập kiểu chữ, bấm và giữ phím số bạn cần.

Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ **#**.

Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm #.

Để xóa một ký tự, bấm . Để xóa nhiều ký tự, bấm và giữ .

Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong 1.

Để mở danh sách các ký tự đặc biệt, bấm và giữ *.

 **Mẹo!** Để chèn một vài ký tự đặc biệt cùng lúc, bấm 5 khi bạn chọn mỗi ký tự.

Soạn và gửi tin nhắn

Hình thức của tin nhắn đa phương tiện có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Trước khi bạn có thể soạn tin nhắn đa phương tiện hoặc viết e-mail, bạn phải có thông số cài đặt kết nối phù hợp. Xem phần "[Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail](#)", trên trang 50 và phần "[E-mail](#)", trên trang 57.

Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới

hạn này, điện thoại có thể giảm hình này xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua tin nhắn MMS.

1 Chọn **New message (Tin nhắn mới)** và chọn một trong các tùy chọn sau:
Text msg. (Tin nhắn văn bản) — để gửi tin nhắn văn bản.

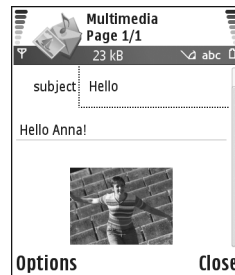
Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện) — để gửi tin nhắn đa phương tiện (MMS)

E-mail — để gửi e-mail

Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn

Start (Bắt đầu).

2 Trong trường **To (Tới)**, bấm  để chọn người hoặc nhóm người nhận trong danh bạ, hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào. Để thêm dấu chấm phẩy (;) phân cách những người nhận, bấm *. Bạn cũng có thể sao chép và dán số điện thoại hoặc địa chỉ trong clipboard.



- 3 Trong trường **Subject (Chủ đề)**, nhập chủ đề cho một tin nhắn đa phương hoặc e-mail. Để thay đổi các trường bạn nhìn thấy, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Address fields (Các trường địa chỉ)**.
- 4 Trong trường tin nhắn, viết tin nhắn. Để chèn một mẫu, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Insert (Chèn)** hoặc **Insert object (Chèn đối tượng)** > **Template (Mẫu)**.
- 5 Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Insert object (Chèn đối tượng)** > **Image (Hình ảnh)**, **Sound clip (Đoạn âm thanh)**, hoặc **Video clip (Đoạn phim)**. Khi âm thanh được thêm vào, biểu tượng  sẽ hiển thị.
Để thay đổi định dạng của các phim đã lưu, xem phần **"Cài đặt phim"**, trên trang 25.
- 6 Để chụp một hình hoặc ghi một đoạn ghi âm hoặc video mới cho một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Insert new (Chèn mới)** > **Image (Hình ảnh)**, **Sound clip (Đoạn âm thanh)**, hoặc **Video clip (Đoạn phim)**. Để chèn một trang mới vào tin nhắn, chọn **Slide (Trang)**.
Để xem trước tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Preview (Xem trước)**.
- 7 Để chèn tập tin đính kèm vào e-mail, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Insert (Chèn)** > **Image (Hình ảnh)**, **Sound clip (Đoạn âm thanh)**, **Video clip (Đoạn phim)**, hoặc **Note (Ghi chú)**. Các phần

đính kèm với e-mail được chỉ báo bởi biểu tượng .

 **Mẹo!** Để đính kèm các loại tập tin khác, mở ứng dụng tương ứng nếu có, và chọn **Send (Gửi)** > **Via e-mail (Qua e-mail)**.

- 8 Để gửi tin nhắn, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send (Gửi)**, hoặc bấm .

Điện thoại hỗ trợ việc gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn ký tự của một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn được gửi dưới dạng một chuỗi gồm hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể tính phí. Các ký tự sử dụng dấu trọng âm hoặc các ký hiệu khác và các ký tự trong một số tùy chọn ngôn ngữ như Tiếng Hoa, sẽ vượt quá số ký tự tối đa có thể được gửi trong một tin nhắn đơn. Trên thanh di chuyển, bạn có thể nhìn thấy chỉ báo độ dài tin nhắn đếm lùi. Ví dụ, 10(2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn.

Các tin nhắn e-mail sẽ được tự động lưu tạm trong **Outbox (Hộp thư đi)** trước khi gửi. Nếu không gửi được tin e-mail, tin này sẽ được giữ lại trong thư mục **Outbox (Hộp thư đi)** với trạng thái **Failed (Không gửi được)**.

 **Mẹo!** Bạn có thể kết hợp các hình ảnh, video, âm thanh, và văn bản vào một diễn thuyết và gửi diễn thuyết này trong một tin nhắn đa phương tiện. Bắt đầu tạo một tin nhắn đa phương tiện, và chọn **Options (Tùy chọn) > Create presentation (Tạo phần trình bày)**. Tùy chọn này chỉ được hiển thị nếu **MMS creation mode (Chế độ tạo MMS)** được cài là **Guided (Được hướng dẫn)** hoặc **Free (Bộ nhớ còn trống)**. Xem phần "**Tin nhắn đa phương tiện**", trên trang 56.

Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail

Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**", trên trang 52.

Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ dữ liệu, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Nhận các thông số cài đặt MMS bằng tay

- 1 Chọn , và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Connection (Kết nối) > Access points (Điểm truy cập)**, và xác định các thông số cài đặt

dùng cho điểm truy cập tin nhắn đa phương tiện. Xem phần "**Connection (Kết nối)**", trên trang 118.

- 2 Bấm , và chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multim. msg. (Tin đa phương tiện) > Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng)** và chọn điểm truy cập bạn đã tạo làm kết nối ưu tiên. Xem thêm phần "**Tin nhắn đa phương tiện**", trên trang 56.

Để có thể gửi, nhận, tải về, trả lời, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình đúng Điểm Truy cập Internet (IAP). Xem phần "**Connection (Kết nối)**", trên trang 118.
- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Nếu bạn chọn **Mailbox (Hộp thư)** trong màn hình chính của **Messag. (Tin nhắn)** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start (Bắt đầu)**. Xem thêm phần "**E-mail**", trên trang 57.

Bạn cần phải có tài khoản e-mail riêng. Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và từ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP).



Hộp thư đến — nhận tin nhắn

Trong thư mục **Inbox (Hộp thư đến)**, biểu tượng  cho biết tin nhắn văn bản chưa đọc, biểu tượng  cho biết tin nhắn đa phương tiện chưa đọc, biểu tượng  cho biết đã nhận dữ liệu qua cổng hồng ngoại, và biểu tượng  cho biết đã nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth.

Khi nhận tin nhắn, biểu tượng  và thông báo **1 new message (1 tin nhắn mới)** sẽ được hiển thị khi ở chế độ chờ. Để mở tin nhắn, chọn **Show (Hiển thị)**. Để mở tin nhắn trong **Inbox (Hộp thư đến)**, di chuyển đến tin nhắn này, và bấm .

Để trả lời một tin nhắn đã nhận, chọn **Options (Tùy chọn) > Reply (Trả lời)**.

Để in một tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện trên một máy in có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**.

Tin nhắn đa phương tiện



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các chủ đề tin nhắn đa phương tiện có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC.

Bạn có thể nhận được một thông báo rằng tin nhắn đa phương tiện đang chờ ở trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Để kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về điện thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Retrieve (Tải tin)**.

Khi mở một tin nhắn đa phương tiện () , bạn có thể thấy một hình ảnh và một tin nhắn. Điện thoại sẽ hiển thị biểu tượng  nếu có âm thanh, hoặc  nếu có video. Để phát âm thanh hoặc video, chọn biểu tượng được hiển thị.

Để xem các đối tượng media có trong tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options (Tùy chọn) > Objects (Đối tượng)**.

Nếu tin nhắn có một diễn thuyết đa phương tiện, biểu tượng  sẽ được hiển thị. Để phát diễn thuyết này, chọn biểu tượng được hiển thị.

Dữ liệu và các thông số cài đặt

Điện thoại có thể nhận nhiều loại tin nhắn có chứa dữ liệu (✉):

Configuration message (Tin nhắn cầu hình) — Bạn có thể nhận cài đặt từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc phòng quản lý thông tin của công ty dưới dạng một tin nhắn cầu hình. Để lưu các thông số cài đặt này, chọn **Options (Tùy chọn) > Save all (Lưu tất cả)**.

Business card (Danh thiếp) — Để lưu thông tin này vào **Contacts (Danh bạ)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Save business card (Lưu danh thiếp)**. Các chúng chỉ hoặc tập tin âm thanh được đính kèm với danh thiếp sẽ không được lưu.

Ringtone (Kiểu chuông) — Để lưu kiểu chuông, chọn **Options (Tùy chọn) > Save (Lưu lại)**.

Operat. logo (Logo mạng) — Để hiển thị logo mạng ở chế độ chờ thay cho tên nhận dạng nhà điều hành mạng, chọn **Options (Tùy chọn) > Save (Lưu lại)**.

Calen. entry (Mục nhập lịch) — Để lưu lời mời, chọn **Options (Tùy chọn) > Save to Calendar (Lưu sang lịch)**.

Web message (Tin nhắn Web) — Để chỉ mục vào danh sách chỉ mục trong trang Web, chọn **Options (Tùy chọn) > Add to bookmarks (Thêm vào chỉ**

mục). Nếu tin nhắn có chứa cả thông số cài đặt điểm truy cập lẫn các chỉ mục, để lưu lại các dữ liệu này, chọn **Options (Tùy chọn) > Save all (Lưu tất cả)**.

E-mail notif. (Thông báo E-mail) — Thông báo cho bạn biết số e-mail mới trong hộp thư từ xa của bạn. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.

Tin nhắn dịch vụ Web

Những tin nhắn dịch vụ Web (🌐) là những thông báo văn tắt (ví dụ như tiêu đề tin tức) và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc liên kết. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.



Hộp thư

Nếu bạn chọn **Mailbox (Hộp thư)** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start (Bắt đầu)**. Xem thêm phần "E-mail", trên trang 57.

Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế cho tên **Mailbox (Hộp thư)** trong cửa sổ chính của phần **Messaging (Nhắn tin)**. Bạn có thể tạo tối đa sáu hộp thư.

Mở hộp thư

Khi bạn mở hộp thư, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn kết nối với hộp thư không (**Connect to mailbox? (Kết nối vào hộp thư?)**).

Để kết nối với hộp thư của bạn và tải về các phần tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn mới, chọn **Yes (Có)**. Khi bạn xem tin nhắn trực tuyến, bạn phải kết nối thường trực tới một hộp thư từ xa bằng cách sử dụng một kết nối truyền dữ liệu. Xem thêm phần "**Connection (Kết nối)**", trên trang 118.

Để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái không trực tuyến, chọn **No (Không)**. Khi bạn xem tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến, điện thoại sẽ không kết nối với hộp thư từ xa.

Tải tin nhắn e-mail

Nếu bạn đang ở trạng thái không trực tuyến, chọn **Options (Tùy chọn) > Connect (Kết nối)** để bắt đầu kết nối với hộp thư từ xa.



Chú ý: Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các tin nhắn e-mail có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC của bạn.

- 1 Khi bạn đang kết nối vào hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Retrieve e-mail (Tải e-mail)** và chọn một trong các tùy chọn sau: **New (Mới)** — để tải tất cả các tin e-mail mới **Selected (Đã chọn)** — để chỉ tải về những e-mail được đánh dấu **All (Tất cả)** — để tải về tất cả các tin nhắn từ hộp thư
Để ngừng việc tải tin nhắn về, chọn **Cancel (Hủy)**.
- 2 Sau khi bạn tải các tin e-mail về, bạn vẫn có thể xem chúng trực tuyến, hoặc chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect (Ngắt kết nối)** để ngắt kết nối và xem các tin e-mail không trực tuyến.
Các chỉ báo tình trạng e-mail:
 E-mail mới (trạng thái không trực tuyến hoặc trực tuyến) chưa được tải về điện thoại.
 E-mail đã được tải về điện thoại.
 E-mail đã đọc, và chưa được tải về điện thoại.
 Tin nhắn e-mail đã đọc.
 E-mail có tiêu đề đã đọc và nội dung tin nhắn đã bị xóa khỏi điện thoại.

- 3 Để mở một tin e-mail, bấm . Nếu tin nhắn e-mail chưa được tải về và bạn chưa kết nối vào mạng, bạn sẽ được hỏi xem bạn có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.

Để xem những tập tin đính kèm với e-mail, mở tin nhắn được đánh dấu có phần đính kèm , và chọn **Options (Tùy chọn) > Attachments (Tập tin đính kèm)**. Nếu chỉ báo đính kèm bị mờ, có nghĩa là nội dung đó chưa được tải về điện thoại; chọn **Options (Tùy chọn) > Retrieve (Tải tin)**.

Bạn cũng có thể xem các yêu cầu hộp đã nhận trong hộp thư. Xem phần "**Yêu cầu hộp**", trên trang 84, và phần "**Tạo các mục nhập lịch**", trên trang 83.

Để in một tin e-mail trên một máy in có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**.

Tự động tải tin nhắn e-mail

Để tự động tải các tin nhắn, chọn **Options (Tùy chọn) > E-mail settings (Cài đặt e-mail) > Automatic retrieval (Nhận tự động) > Header retrieval (Nhận tiêu đề) > Always enabled (Luôn bật)** hoặc **Only in home net. (Chỉ trong mạng chủ)**, và chọn thời điểm và chu kỳ tải tin nhắn.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Xóa các tin nhắn e-mail

Để xóa nội dung của e-mail khỏi điện thoại nhưng vẫn giữ lại nội dung đó trên hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**. Trong menu **Delete msg. from: (Xóa tin nhắn trong:)**, chọn **Phone only (Chỉ trên máy)**.

Điện thoại sẽ sao lại tiêu đề e-mail trong hộp thư từ xa. Mặc dù bạn đã xóa nội dung tin nhắn, tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trong điện thoại. Nếu bạn muốn xóa cả tiêu đề, bạn phải xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa lại để cập nhật tình trạng.

Để xóa e-mail cả trên điện thoại lẫn trên hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**. Trong **Delete msg. from: (Xóa tin nhắn trong:)**, chọn **Phone and server (Điện thoại và server)**.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa trước. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa. Nếu bạn đang sử dụng giao thức POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

Để hủy thao tác xóa e-mail khỏi điện thoại lần trên server, di chuyển đến e-mail đã bị đánh dấu xóa khi đang ở phiên kết nối kế tiếp (☞), và chọn **Options (Tùy chọn) > Undelete (Hủy xóa)**.

Ngắt kết nối khỏi hộp thư

Khi bạn đang ở trạng thái trực tuyến, để ngắt kết nối dữ liệu với hộp thư từ xa, chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect (Ngắt kết nối)**.

Xem tin nhắn trên thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải sao chép các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại.

- 1 Trong cửa sổ chính của phần **Messag. (Tin nhắn)**, chọn **Options (Tùy chọn) > SIM messages (Tin nhắn trên thẻ SIM)**.
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn) > Mark/Unmark (Đánh dấu/Bỏ đánh dấu) > Mark (Chọn) hoặc Mark all (Đánh dấu tất cả)** để đánh dấu tin nhắn.
- 3 Chọn **Options (Tùy chọn) > Copy (Sao chép)**. Một danh sách các thư mục sẽ được mở ra.
- 4 Để bắt đầu sao chép, chọn một thư mục và chọn **OK**. Để xem các tin, mở thư mục này.

Cài đặt nhắn tin

Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined (Phải được xác định)**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Bạn cũng có thể nhận cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình.

Một số hoặc tất cả các trung tâm nhắn tin hoặc các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

Tin nhắn văn bản

Bấm ☞, và chọn **Messag. (Tin nhắn) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Text msg. (Tin nhắn văn bản)** và chọn một trong những tùy chọn sau đây:

Message centres (Trung tâm nhắn tin) — Xem danh sách tất cả các trung tâm nhắn tin văn bản mà bạn xác định.

Character encoding (Mã hóa ký tự) — Để sử dụng chuyển đổi ký tự sang một hệ thống mã hóa khác, nếu có, chọn **Reduced support (Hỗ trợ giới hạn)**.

Msg. centre in use (Trung tâm nhắn tin đang sử dụng) — Chọn trung tâm nhắn tin sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản.

Receive report (Nhận báo cáo) — Để yêu cầu mạng gửi báo cáo gửi cho tin nhắn của bạn (dịch vụ mạng).

Message validity (Thời hạn lưu tin) — Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

Message sent as (Tin nhắn được gửi dưới dạng) — Chỉ nên thay đổi tùy chọn này trong trường hợp bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin của bạn có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản sang các dạng tin khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.

Preferred conn. (Kết nối ưu tiên) — Chọn kết nối sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản: Mạng GSM hoặc dữ liệu gói, nếu mạng hỗ trợ. Xem phần "**Connection (Kết nối)**", trên trang 118.

Reply via same ctr. (Trả lời qua cùng trung tâm nhắn tin) — Chọn trả lời tin nhắn sử dụng cùng hoặc không cùng số trung tâm nhắn tin văn bản (dịch vụ mạng).

Tin nhắn đa phương tiện

Bấm , và chọn **Messag. (Tin nhắn) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện)** và chọn một trong những tùy chọn sau đây:

Image size (Kích cỡ hình) — Xác định kích thước hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện: **Original (Gốc)** (chỉ hiển thị khi **MMS creation mode (Chế độ tạo MMS)** được cài là **Guided (Được hướng dẫn)** hoặc **Free (Bộ nhớ còn trống)**), **Small (Nhỏ)**, hoặc **Large (Lớn)**.

MMS creation mode (Chế độ tạo MMS) — Nếu bạn chọn **Guided (Được hướng dẫn)**, điện thoại sẽ nhắc bạn nếu có tin nhắn được gửi đi nhưng có thể không được thiết bị nhận hỗ trợ. Chọn **Restricted (Bị hạn chế)**; điện thoại sẽ ngăn bạn gửi các tin nhắn không được hỗ trợ.

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn điểm truy cập sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Multimedia retrieval (Nhận nội dung đa phương tiện) — Chọn cách bạn muốn nhận tin nhắn đa phương tiện. Để tự động nhận tin nhắn đa phương tiện về khi ở trong mạng chủ, chọn **Aut. in home network (Tự động trong mạng chủ)**. Khi ở bên

ngoài mạng chủ, bạn sẽ nhận được thông báo có tin nhắn đa phương tiện mới có thể tải về từ trung tâm tin nhắn đa phương tiện.

Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, cước phí cho việc gửi và nhận các tin nhắn đa phương tiện có thể cao hơn.

Nếu bạn chọn **Multimedia retrieval (Nhận nội dung đa phương tiện) > Always automatic (Luôn tự động)**, điện thoại sẽ tự động tạo kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về cả khi ở trong và ngoài mạng chủ.

Allow anon. msgs. (Cho phép tin nhắn nặc danh) — Chọn từ chối hoặc chấp nhận các tin nhắn từ một người gửi nặc danh.

Receive adverts (Nhận tin nhắn quảng cáo) — Xác định việc bạn muốn nhận hoặc không nhận các tin nhắn quảng cáo đa phương tiện.

Receive report (Nhận báo cáo) — Chọn hiển thị hoặc không hiển thị tình trạng các tin đã gửi trong nhật ký (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

Deny report sending (Từ chối gửi báo cáo) — Chọn từ chối hoặc cho phép điện thoại gửi báo cáo đã nhận tin nhắn đa phương tiện.

Message validity (Thời hạn lưu tin) — Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

E-mail

Bấm **⌵**, và chọn **Messag. (Tin nhắn) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > E-mail** và chọn một trong những tùy chọn sau đây:

Mailboxes (Hộp thư) — Chọn một hộp thư để thay đổi các thông số cài đặt sau: **Connection settings (Cài đặt kết nối)**, **User settings (Cài đặt người dùng)**, **Retrieval settings (Cài đặt nhận)**, và **Automatic retrieval (Nhận tự động)**.

Mailbox in use (Hộp thư thoại đang dùng) — Chọn hộp thư bạn muốn sử dụng để gửi e-mail.

Để tạo một hộp thư mới, chọn **Options (Tùy chọn) > New mailbox (Hộp thư mới)** trong cửa sổ chính của hộp thư.

Connection settings (Cài đặt kết nối)

Để chỉnh sửa cài đặt cho e-mail bạn nhận được, chọn **Incoming e-mail (E-mail đến)** và chọn các tùy chọn sau:

User name (Tên thuê bao) — Nhập tên thuê bao của bạn do nhà cung cấp dịch vụ của bạn cấp.

Password (Mật mã) — Nhập mật mã của bạn. Nếu bạn để trống trường này, bạn sẽ được nhắc nhập mật mã khi bạn tìm cách kết nối với hộp thư từ xa.

Incoming mail serv. (Server thư đến) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên server nhận e-mail của bạn.

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn một điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần "[Connection \(Kết nối\)](#)", trên trang 118.

Mailbox name (Tên hộp thư) — Đặt tên cho hộp thư.

Mailbox type (Loại hộp thư) — Xác định giao thức e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ hộp thư từ xa khuyến nghị bạn sử dụng. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu sử dụng giao thức POP3, e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi bạn đang trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.

Security (ports) (Bảo mật (cổng)) — Chọn tùy chọn bảo mật được sử dụng để giữ an toàn cho kết nối đến hộp thư từ xa.

Port (Cổng) — Xác định cổng cho kết nối.

APOP secure login (Đăng nhập APOP an toàn) (chỉ cho POP3) — Sử dụng giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã tới server e-mail từ xa trong khi kết nối với hộp thư.

Để chỉnh sửa cài đặt cho e-mail bạn gửi, chọn **Outgoing e-mail (E-mail đi)** và chọn các tùy chọn sau:

My e-mail address (Địa chỉ e-mail riêng) — Nhập địa chỉ e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ cấp cho bạn. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.

Outgoing mail serv. (Server thư đi) — Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của server gửi e-mail. Bạn có thể chỉ sử dụng được server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để có thêm thông tin.

Access point in use (Điểm truy cập đang sử dụng) — Chọn một điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần "[Connection \(Kết nối\)](#)", trên trang 118.

Cài đặt cho **User name (Tên thuê bao)**, **Password (Mật mã)**, **Security (ports) (Bảo mật (cổng))**, và **Port (Cổng)** tương tự như các cài đặt trong **Incoming e-mail (E-mail đến)**.

User settings (Cài đặt người dùng)

My name (Tên thuê bao) — Nhập tên của bạn. Tên của bạn sẽ được hiển thị trên điện thoại của người nhận thay thế cho địa chỉ e-mail của bạn trong trường hợp điện thoại người nhận hỗ trợ chức năng này.

Send message (Gửi tin nhắn) — Xác định cách gửi e-mail từ điện thoại. Chọn **Immediately (Ngay lập tức)** để máy kết nối vào hộp thư khi bạn chọn **Send message (Gửi tin nhắn)**. Nếu bạn chọn **During next conn. (Trong lần kết nối tiếp theo)**, e-mail sẽ được gửi khi đang kết nối với hộp thư từ xa.

Send copy to self (Gửi bản sao cho chính mình) — Chọn lưu hoặc không bản sao e-mail vào hộp thư từ xa của bạn và vào địa chỉ được xác định trong phần **My e-mail address (Địa chỉ e-mail riêng)**.

Include signature (Có chữ ký) — Chọn đính kèm hoặc không đính kèm chữ ký vào các tin e-mail.

New e-mail alerts (Các thông báo e-mail mới) — Chọn nhận hoặc không nhận các chỉ báo e-mail, như âm báo hoặc ghi chú, khi tải e-mail mới về hộp thư.

Default encoding (Chế độ mã hóa mặc định) — Chọn chế độ mã hóa khác theo ngôn ngữ.

Retrieval settings (Cài đặt nhận)

E-mail to retrieve (E-mail sẽ tải về) — Xác định những phần e-mail sẽ nhận: **Headers only (Chỉ tiêu đề)**, **Partially (kB) (Một phần (kB))**, **Messages (Tin nhắn)** (chỉ IMAP4), hoặc **Msgs. & attachs. (Thư và tập tin đính kèm)**.

Retrieval amount (Số lượng sẽ nhận) — Xác định số tin e-mail mới sẽ được nhận về hộp thư.

IMAP4 folder path (Đường dẫn thư mục IMAP4) (chỉ IMAP4) — Xác định đường dẫn thư mục sẽ được đăng ký.

Folder subscriptions (Các đăng ký thư mục) (chỉ IMAP4) — Đăng ký các thư mục khác trong hộp thư từ xa và nhận nội dung từ các thư mục này.

Automatic retrieval (Nhận tự động)

E-mail notifications (Thông báo e-mail) — Chọn nhận hoặc không nhận các thông báo khi nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa.

Không thể kích hoạt thông báo e-mail và nhận tiêu đề cùng lúc.

Header retrieval (Nhận tiêu đề) — Chọn để điện thoại tự động nhận hoặc không nhận e-mail mới. Bạn có thể xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

Tin nhắn dịch vụ Web

Bấm , và chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Service message (Tin dịch vụ)**. Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn dịch vụ. Nếu bạn muốn điện thoại tự động kích hoạt trình duyệt và bắt đầu kết nối mạng để tải nội dung khi nhận tin nhắn dịch vụ, chọn **Download messages (Tải tin nhắn xuống) > Automatically (Tự động)**.

Tin nhắn quảng bá

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết các chủ đề hiện có và mã số chủ đề liên quan. Bấm , và chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Cell broadcast (Tin nhắn quảng bá)** và chọn các tùy chọn sau:

Reception (Nhận) — Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn quảng bá.

Language (Ngôn ngữ) — Chọn ngôn ngữ để nhận các tin nhắn: **All (Tất cả)**, **Selected (Đã chọn)**, hoặc **Other (Khác)**.

Topic detection (Dò chủ đề) — Chọn để điện thoại tự động hoặc không tự động tìm kiếm các mã số chủ đề mới, và lưu những mã số mới không có tên vào danh sách chủ đề.

Other (Khác)

Bấm , và chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Other (Khác)** và chọn các tùy chọn sau:

Save sent messages (Lưu tin nhắn đã gửi) —

Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của các tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail mà bạn đã gửi vào thư mục **Sent (Đã gửi)**.

No. of saved msgs. (Số lượng tin nhắn đã lưu) —

Xác định số lượng tin nhắn đã gửi sẽ được lưu vào thư mục **Sent (Đã gửi)** tại từng thời điểm. Giới hạn mặc định là 20 tin nhắn. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

Memory in use (Chọn bộ nhớ) — Nếu đã lắp một thẻ nhớ vào điện thoại, chọn bộ nhớ để lưu các tin nhắn: **Phone memory (Bộ nhớ điện thoại)** hoặc **Memory card (Thẻ nhớ)**.

Gọi điện

Cuộc gọi thoại

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, bấm  hoặc . Nếu bạn đã cài âm lượng sang chế độ **Mute (Tắt âm)**, bạn không thể điều chỉnh âm lượng bằng phím  hoặc . Để điều chỉnh âm lượng, chọn **Unmute (Bật âm)**, và bấm  hoặc .

Bạn có thể thực hiện cuộc gọi thoại ở chế độ Nắp gấp mở và chế độ Xem. Xem phần "[Các chế độ](#)", trên trang 8.

- 1 Để bắt đầu một cuộc gọi thoại, ở chế độ Nắp gấp mở, nhập số điện thoại ở chế độ chờ, bao gồm cả mã vùng. Để xóa một số, bấm .
Để gọi điện quốc tế, bấm * hai lần cho ký tự + (thay cho mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đứng trước nếu cần), và nhập số điện thoại cần gọi vào.
- 2 Bấm  để gọi số điện thoại đó.
- 3 Bấm  để ngừng cuộc gọi (hoặc hủy cuộc gọi).

Bấm  sẽ luôn kết thúc cuộc gọi, cho dù có một ứng dụng khác đang được kích hoạt.

Để thực hiện một cuộc gọi từ **Contacts (Danh bạ)**, bấm , và chọn **Contacts (Danh bạ)**. Di chuyển đến tên bạn muốn, hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào trường tìm. Các số liên lạc tương ứng sẽ được liệt kê. Để gọi, bấm . Chọn kiểu cuộc gọi **Voice call (Cuộc gọi thoại)**.

Bạn phải sao chép nội dung từ thẻ SIM vào **Contacts (Danh bạ)** trước khi bạn có thể thực hiện cuộc gọi theo cách này. Xem phần "[Copy số liên lạc](#)", trên trang 75.

Để gọi vào hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1** khi ở chế độ chờ. Xem thêm phần "[Call divert \(Chuyển hướng\)](#)", trên trang 126.

 **Mẹo!** Để thay đổi số hộp thư thoại, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Voic. mail (Thư thoại) > Options (Tùy chọn) > Change number (Đổi số)**. Nhập số vào (nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn số này) và chọn **OK**.

Để gọi tới một số mới gọi gần đây ở chế độ chờ, bấm . Di chuyển đến số điện thoại muốn gọi và bấm  để gọi số đó.

Gọi điện hội nghị

- 1 Gọi điện cho thành viên thứ nhất.
- 2 Để gọi điện cho một thành viên khác, chọn **Options (Tùy chọn) > New call (Cuộc gọi mới)**. Cuộc gọi đầu sẽ tự động ở trạng thái giữ.
- 3 Khi cuộc gọi mới được trả lời, để nối thành viên đầu tiên vào cuộc gọi hội nghị, chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị)**.
Để thêm người mới vào cuộc gọi, lặp lại bước 2, và chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị) > Add to conference (Thêm vào cuộc gọi)**. Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn.
Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị) > Private (Riêng)**. Chọn một thành viên và chọn **Private (Riêng)**. Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ. Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Khi kết thúc cuộc trò chuyện riêng, chọn **Options (Tùy chọn) > Add to conference (Thêm vào cuộc gọi)** để trở về cuộc gọi hội nghị.
Để loại một thành viên, chọn **Options (Tùy chọn) > Conference (Hội nghị) > Drop participant (Ngắt kết nối thành viên)**, di chuyển đến thành viên đó và chọn **Drop (Ngắt kết nối)**.
- 4 Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm .

Quay nhanh một số điện thoại

Để kích hoạt chức năng quay số nhanh, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Call (Gọi) > Speed dialling (Quay số nhanh) > On (Bật)**.

Để gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh (2 – 9), bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Spd. dial (Quay số nhanh)**. Di chuyển đến phím bạn muốn gán số điện thoại và chọn **Options (Tùy chọn) > Assign (Gán)**. 1 được dành cho hộp thư thoại.

Để gọi điện ở chế độ chờ, bấm phím quay số nhanh và .

Lệnh thoại

Điện thoại của bạn hỗ trợ các lệnh thoại được cải tiến. Lệnh thoại cải tiến không phụ thuộc vào giọng người nói; bạn không cần phải ghi âm khẩu lệnh trước. Thay vào đó, điện thoại sẽ tạo một khẩu lệnh dành cho các mục trong danh bạ và so sánh khẩu lệnh được nói với khẩu lệnh này. Bộ phận nhận dạng giọng nói trong điện thoại sẽ phân tích tiếng nói của người dùng chính để nhận dạng lệnh thoại tốt hơn.

Khẩu lệnh cho một số liên lạc là tên hoặc biệt danh được lưu trên thẻ liên lạc. Để nghe khẩu lệnh tổng hợp, mở một thẻ liên lạc, và chọn **Options (Tùy chọn) > Play voice tag (Phát khẩu lệnh)**.

Gọi điện bằng khẩu lệnh



Lưu ý: Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Khi bạn sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, loa sẽ được sử dụng. Giữ điện thoại ở khoảng cách gần khi phát âm khẩu lệnh.

- 1 Để khởi động chức năng quay số bằng khẩu lệnh, ở chế độ chờ, bấm và giữ **↵**. Nếu bạn đang sử dụng tai nghe tương thích có phím tai nghe, bấm và giữ phím tai nghe để bắt đầu quay số bằng khẩu lệnh.
- 2 Một âm ngắn sẽ phát ra, và thông báo **Speak now (Xin mời nói)** sẽ hiển thị. Đọc rõ tên hoặc biệt hiệu đã được lưu cho thẻ liên lạc.
- 3 Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh tổng hợp ứng với số liên lạc được nhận dạng bằng ngôn ngữ được chọn trong điện thoại, đồng thời hiển thị tên và số điện thoại của số liên lạc đó. Sau khoảng 2,5 giây chờ, điện thoại sẽ quay số điện thoại đó. Nếu số liên lạc được nhận dạng không đúng, chọn **Next (Kế tiếp)** để xem danh sách các số liên lạc tương ứng hoặc **Quit (Thoát)** để hủy chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

Nếu một tên có nhiều số điện thoại, máy sẽ chọn số mặc định nếu số này đã được cài. Nếu không, điện thoại sẽ chọn số điện thoại đầu tiên theo thứ tự sau: **Mobile (Di động)**, **Mobile (home) (Di động (nhà))**, **Mobile (business) (Di động (cơ quan))**, **Telephone (Điện thoại)**, **Tel. (home) (Điện thoại (nhà riêng))**, và **Tel. (business) (Điện thoại (cơ quan))**.

Video calls

Bạn có thể thực hiện cuộc gọi video ở chế độ Nấp gấp mở và chế độ Xem. Xem phần **"Các chế độ"**, trên trang 8.

Để thực hiện cuộc gọi video không cần dùng tay, sử dụng chế độ Xem.

Khi thực hiện cuộc gọi video, bạn có thể nhìn thấy hình ảnh hai chiều trong thời gian đàm thoại giữa bạn và người nhận cuộc gọi. Hình ảnh video trực tuyến, hoặc hình ảnh video được quay bằng camera trên điện thoại sẽ hiển thị trên điện thoại của người nhận trong cuộc gọi video.

Để thực hiện cuộc gọi video, bạn phải có thẻ USIM và trong vùng phủ sóng của mạng UMTS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ cuộc gọi video, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Cuộc gọi video chỉ có thể được thực hiện được giữa hai thành viên. Cuộc gọi video có thể

được áp dụng để gọi đến điện thoại di động tương thích hoặc một thuê bao ISDN. Cuộc gọi video không thể thực hiện được trong khi đang có cuộc gọi thoại, cuộc gọi video hoặc quá trình trao đổi dữ liệu đang diễn ra.

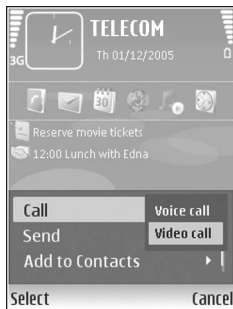
Biểu tượng:

 Bạn không nhận được video (người nhận không gửi hoặc mạng không chuyển video).

 Bạn đã từ chối gửi tín hiệu hình ảnh từ điện thoại của bạn. Để gửi hình tĩnh thay vào đó, xem phần **"Call settings (Cài đặt cuộc gọi)"**, trên trang 117.

- Để thực hiện cuộc gọi video, với Nắp gấp mở, nhập số điện thoại khi ở chế độ chờ hoặc chọn **Contacts (Danh bạ)**, và chọn một số liên lạc.
- Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Call (Gọi)** > **Video call (Cuộc gọi video)**.

Nếu bạn muốn thực hiện cuộc gọi video không cần dùng tay, kích hoạt chế độ Xem sau khi người nhận trả lời cuộc gọi.



Thời gian để khởi động một cuộc gọi video có thể kéo dài Thông báo **Waiting for video image (Đang chờ video)** sẽ hiển thị. Nếu cuộc gọi không thực hiện được (ví dụ như mạng không hỗ trợ cuộc gọi video, hoặc thiết bị nhận không tương thích), điện thoại sẽ yêu cầu bạn thực hiện cuộc gọi thông thường hoặc gọi tin nhắn thay vì dùng cuộc gọi video.

Cuộc gọi video hoạt động khi bạn nhìn thấy ảnh video của hai bên và nghe thấy âm thanh qua loa. Người nhận cuộc gọi có thể từ chối gửi hình ảnh () , và trong trường hợp này, bạn sẽ nghe thấy âm báo và nhìn thấy một hình tĩnh hoặc một hình nền màu xám.

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, di chuyển sang trái hoặc phải.

Để thay đổi giữa chế độ hiển thị video hoặc chỉ nghe âm thanh, chọn **Enable (Bật)/Disable (Vô hiệu)** > **Sending video (Đang gửi video)**, **Sending audio (Đang gửi âm thanh)**, hoặc **Sending audio & video (Đang gửi âm thanh & video)**.

Để phóng to/thu nhỏ hình ảnh của bạn, chọn **Zoom in (Phóng to)** hoặc **Zoom out (Thu nhỏ)**. Chỉ báo phóng to/thu nhỏ sẽ được hiển thị ở phía trên màn hình.

Để chuyển đổi vị trí của các hình ảnh video đã gửi và nhận trên màn hình, chọn **Change image order (Đổi thứ tự hình ảnh)**.

Mặc dù bạn đã ngăn không gửi tin hiệu phim khi sử dụng chức năng cuộc gọi video, cuộc gọi này sẽ vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra cách tính phí với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .

Chia sẻ video (dịch vụ mạng)

Sử dụng chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)** để gửi video thực hoặc một đoạn video clip từ điện thoại di động của bạn đến một thiết bị di động tương thích trong cuộc gọi thoại. Đơn giản, bạn chỉ cần mời người nhận cuộc gọi xem phim thực, hoặc một video clip mà bạn muốn chia sẻ. Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời và bạn kích hoạt chế độ thích hợp. Xem phần "**Chia sẻ video**", trên trang 66.

Yêu cầu chia sẻ hình ảnh

Vì **Video sharing (Chia sẻ video)** yêu cầu kết nối mạng UMTS (Hệ thống Viễn thông Di động Toàn cầu) 3G, khả năng sử dụng **Video sharing (Chia sẻ video)** tùy thuộc vào khả năng hỗ trợ 3G của mạng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết khả năng đáp ứng của mạng và chi phí liên quan đến việc sử

dụng ứng dụng này. Để sử dụng **Video sharing (Chia sẻ video)** bạn phải:

- Bảo đảm chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)** đã được cài trên điện thoại Nokia N93.
- Bảo đảm điện thoại đã được thiết lập các kết nối một chiều. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 66.
- Bảo đảm bạn có một kết nối UMTS đang hoạt động và đang trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 66. Nếu bạn khởi động phiên dịch vụ chia sẻ trong khi đang ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS và đang trong quá trình kết nối mạng GSM, phiên dịch vụ chia sẻ sẽ bị ngừng lại, cuộc gọi thoại của bạn vẫn tiếp tục.
- Bảo đảm cả người gửi và người nhận đã đăng ký mạng UMTS. Nếu bạn mời một người tham gia phiên dịch vụ chia sẻ và điện thoại của người đó tắt, hoặc người đó không nằm trong phạm vi mạng UMTS, người đó sẽ không biết bạn gửi lời mời đến họ. Tuy nhiên, bạn sẽ nhận được một thông báo cho biết người nhận không thể nhận lời mời.

Cài đặt

Cài đặt kết nối một chiều

Kết nối một chiều còn được biết là kết nối SIP. Thông số cài đặt cấu hình SIP phải được cấu hình trong điện thoại trước khi bạn có thể sử dụng chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)**. Việc thiết lập cấu hình SIP cho phép bạn thiết lập kết nối một chiều đến một điện thoại tương thích khác. Cấu hình SIP cũng phải được thiết lập để nhận phiên chia sẻ dữ liệu.

Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ để có được thông số cài đặt cấu hình SIP và lưu các thông số này vào điện thoại của bạn. Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể gửi các thông số cài đặt qua mạng.

Nếu bạn biết địa chỉ SIP của người nhận, bạn có thể nhập địa chỉ này vào thẻ liên lạc của người đó. Mở **Contacts (Danh bạ)** từ menu chính của điện thoại, và mở thẻ liên lạc (hoặc tạo một thẻ liên lạc mới cho người đó). Chọn **Options (Tùy chọn) > Add detail (Thêm chi tiết) > SIP**. Nhập địa chỉ SIP theo định dạng sip: username@domainname (bạn có thể sử dụng địa chỉ IP thay cho tên miền).

Cài đặt kết nối UMTS

Để thiết lập kết nối UMTS, theo các bước sau:

- Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để thỏa thuận sử dụng dịch vụ mạng UMTS.
- Bảo đảm thông số cài đặt kết nối điểm truy cập UMTS được cấu hình đúng. Để nhận trợ giúp, xem phần **"Connection (Kết nối)"**, ở trang 118.

Chia sẻ video

Để nhận một phiên chia sẻ dữ liệu, người nhận phải cài đặt chức năng **Video sharing (Chia sẻ video)** và cấu hình các thông số cài đặt theo yêu cầu trên điện thoại di động của họ. Cả bạn và người nhận phải đăng ký dịch vụ trước khi có thể chia sẻ dữ liệu.

Để nhận lời mời chia sẻ, bạn phải đăng ký với dịch vụ chia sẻ, đã kết nối vào mạng UMTS, và phải ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS.

Video thực

- 1 Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options (Tùy chọn) > Share video (Chia sẻ video) > Live (Trực tiếp)**.
- 2 Điện thoại sẽ gửi lời mời đến địa chỉ SIP mà bạn đã thêm vào thẻ liên lạc của người nhận.

Nếu người nhận có nhiều địa chỉ SIP trong thẻ liên lạc, chọn địa chỉ SIP mà bạn muốn gửi lời mời và chọn **Select (Chọn)** để gửi lời mời.

Nếu không có địa chỉ SIP của người nhận, nhập địa chỉ SIP vào. Chọn **OK** để gửi lời mời.

- 3 Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.
Loa đã được kích hoạt. Bạn cũng có thể sử dụng tai nghe để tiếp tục cuộc gọi thoại trong khi truyền video.
- 4 Chọn **Pause (Tạm ngưng)** để tạm ngưng phiên chia sẻ dữ liệu. Chọn **Continue (Tiếp tục)** để tiếp tục việc chia sẻ.
- 5 Để kết thúc phiên chia sẻ, chọn **Stop (Ngừng)**.
Để kết thúc cuộc gọi thoại, bấm phím kết thúc.

Video clip

- 1 Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options (Tùy chọn) > Share video (Chia sẻ video) > Clip (Đoạn)**.
Một danh sách các đoạn video clip sẽ mở ra.
- 2 Chọn video clip bạn muốn chia sẻ. Màn hình xem trước sẽ mở ra. Để xem trước đoạn video clip, chọn **Options (Tùy chọn) > Play (Phát)**.
- 3 Chọn **Options (Tùy chọn) > Invite (Mời)**.
Bạn cần phải chuyển đoạn video clip sang định dạng thích hợp để có thể chia sẻ được. Thông báo **Clip must be converted for sharing. (Đoạn**

phải được chuyển đổi để chia sẻ.) Continue? (Tiếp tục?) sẽ xuất hiện. Chọn **OK**.

Điện thoại sẽ gửi lời mời đến địa chỉ SIP mà bạn đã thêm vào thẻ liên lạc của người nhận.

Nếu người nhận có nhiều địa chỉ SIP trong thẻ liên lạc, chọn địa chỉ SIP mà bạn muốn gửi lời mời và chọn **Select (Chọn)** để gửi lời mời.

Nếu không có địa chỉ SIP của người nhận, nhập địa chỉ SIP vào. Chọn **OK** để gửi lời mời.

- 4 Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.
- 5 Chọn **Pause (Tạm ngưng)** để tạm ngưng phiên chia sẻ dữ liệu. Chọn **Options (Tùy chọn) > Continue (Tiếp tục)** để tiếp tục việc chia sẻ.
- 6 Để kết thúc phiên chia sẻ, chọn **Stop (Ngừng)**.
Để kết thúc cuộc gọi thoại, bấm phím kết thúc.

Nhận một lời mời

Khi có một người gửi cho bạn lời mời chia sẻ dữ liệu, một thông báo mời sẽ hiển thị cho biết tên hoặc địa chỉ SIP của người gửi. Nếu điện thoại không được cài **Silent (Im lặng)**, điện thoại sẽ đổ chuông khi bạn nhận được lời mời.

Nếu một người nào đó gửi cho bạn lời mời chia sẻ và bạn không ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS, bạn sẽ không biết mình nhận được lời mời.

Khi nhận được lời mời, bạn có thể chọn:

- **Accept (Nhận)** để bắt đầu phiên chia sẻ dữ liệu. Nếu người gửi muốn chia sẻ video trực tuyến, khởi động chế độ Xem.
- **Reject (Từ chối)** để từ chối lời mời. Người nhận sẽ nhận được thông báo cho biết bạn từ chối lời mời. Bạn cũng có thể bấm phím kết thúc để từ chối phiên chia sẻ và ngắt kết nối với cuộc gọi thoại.

Để kết thúc phiên chia sẻ, chọn **Stop (Ngừng)**. Nếu bạn chia sẻ một video clip, chọn **Exit (Thoát)**. Thông báo **Video sharing ended (Chia sẻ video đã kết thúc)** sẽ hiển thị.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Để trả lời cuộc gọi khi chế độ Nắp gấp mở, bấm . Nếu chức năng **Anykey answer (Phím bất kỳ)** được cài là **On (Bật)**, để trả lời một cuộc gọi ở chế độ Nắp gấp đóng, mở nắp gấp, sau đó cuộc gọi sẽ tự động bắt đầu. Nếu không, mở nắp gấp, và bấm .

Để tắt âm báo khi có cuộc gọi đến, chọn **Silence (Im lặng)**.

 **Mẹo!** Nếu tai nghe tương thích được nối với điện thoại, bấm phím tai nghe để trả lời và kết thúc cuộc gọi.

Nếu bạn không muốn trả lời một cuộc gọi, bấm  để từ chối. Người gọi sẽ nghe âm báo bận máy. Nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call divert (Chuyển hướng)** > **If busy (Nếu bận)** để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi đến cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi. Xem phần **"Call divert (Chuyển hướng)"**, trên trang 126.

Khi từ chối một cuộc gọi đến ở chế độ Nắp gấp mở, bạn cũng có thể gửi tin nhắn văn bản cho người gọi để báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send msg. (Gửi tin nhắn)**. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản trước khi gửi. Để cài đặt tùy chọn này và viết một tin nhắn văn bản chuẩn, xem phần **"Call settings (Cài đặt cuộc gọi)"**, trên trang 117.

Nếu bạn trả lời một cuộc gọi thoại khi đang có một cuộc gọi video, cuộc gọi video sẽ bị ngắt. Chức năng **Call waiting (Cuộc gọi chờ)** sẽ không có trong cuộc gọi video.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video

Khi có cuộc gọi video, biểu tượng  sẽ hiển thị.

 **Mẹo!** Bạn có thể gán kiểu chuông cho cuộc gọi video. Bấm  và chọn **Tools (Công cụ)** > **Profiles (Cấu hình)**, chọn một cấu hình, và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Personalise (Cài đặt riêng)** > **Video call tone (Âm cuộc gọi video)**.

Ở chế độ Nắp gấp mở, bấm  để trả lời cuộc gọi video.

Để gửi video, kích hoạt chế độ Xem, và hình ảnh video thực, đoạn video clip đã được quay, hoặc hình ảnh được chụp bằng camera của điện thoại sẽ hiển thị trên máy người gọi. Nếu bạn muốn gửi hình ảnh video thực, xoay camera về hướng mà bạn muốn gửi hình ảnh video. Nếu bạn không muốn kích hoạt chế độ xem, video sẽ không được gửi, nhưng bạn vẫn có thể nghe thấy người kia nói. Một màn hình màu xanh sẽ hiển thị thay thế cho hình ảnh phim. Để thay màn hình màu xanh bằng một hình tĩnh, xem phần "**Call settings (Cài đặt cuộc gọi)**", **Image in video call (Hình trong cuộc gọi video)**, trên trang 117.



Lưu ý: Ngay cả khi bạn từ chối gửi tín hiệu video khi sử dụng chức năng cuộc gọi video, cuộc gọi này vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra cách tính phí với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Để kết thúc cuộc gọi video, trong chế độ Xem hoặc chế độ Nắp gấp mở, bấm .

Call waiting (Cuộc gọi chờ) (dịch vụ mạng)

Bạn có thể trả lời một cuộc gọi trong khi có một cuộc gọi khác đang diễn ra nếu bạn đã kích hoạt **Call waiting (Cuộc gọi chờ)** trong **Tools (Công cụ)** > **Settings (Cài đặt)** > **Call (Gọi)** > **Call waiting (Cuộc gọi chờ)**.

Để trả lời cuộc gọi chờ, bấm . Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ.

Để chuyển giữa hai cuộc gọi, chọn **Swap (Hoán đổi)**. Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Transfer (Nối chuyển)** để kết nối cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi đang chờ vào cuộc gọi hiện tại và thoát ra khỏi các cuộc gọi này. Để kết thúc cuộc gọi hiện tại, bấm . Để kết thúc cả hai cuộc gọi, chọn **Options (Tùy chọn)** > **End all calls (Kết thúc tất cả các cuộc gọi)**.

Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Chọn **Options (Tùy chọn)** trong khi gọi cho một số tùy chọn sau đây: **Mute (Tắt âm)** hoặc **Unmute (Bật âm)**, **Answer (Trả lời)**, **Reject (Từ chối)**, **Swap (Hoán đổi)**, **Hold (Giữ)** hoặc **Unhold (Nhả)**, **Activate handset (Bật chế độ điện thoại)**, **Activate loudsp. (Bật loa)**, hoặc **Activate handsfree (Bật chức năng nói chuyện trực tiếp qua loa)** (nếu bộ tai nghe Bluetooth tương thích được gắn vào), **End active call (Kết thúc cuộc gọi hiện tại)** hoặc **End all calls (Kết thúc tất cả các cuộc gọi)**, **New call (Cuộc gọi mới)**, **Conference (Hội nghị)**, và **Transfer (Nối chuyển)**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Replace (Thay thế) — Để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ.

Send MMS (Gửi DTMF) (chỉ trong mạng UMTS) — Để gửi một hình ảnh hoặc phim trong tin nhắn đa phương tiện cho thành viên khác trong cuộc gọi. Bạn có thể chỉnh sửa tin nhắn và thay đổi người nhận trước khi gửi. Bấm  để gửi tập tin đến một thiết bị tương thích.

Send DTMF (Gửi DTMF) — Để gửi các chuỗi âm DTMF, ví dụ, mật mã. Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong **Contacts (Danh bạ)**. Để nhập ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự tạm ngưng (**p**), bấm * liên tục. Chọn **OK** để gửi âm.

 **Mẹo!** Bạn có thể thêm âm DTMF vào các trường **Phone number (Số điện thoại)** hoặc **DTMF** trong thẻ liên lạc.

Các tùy chọn trong khi gọi video

Chọn **Options (Tùy chọn)** khi đang gọi video cho một số tùy chọn sau đây: **Enable (Bật)** hoặc **Disable (Vô hiệu)** (tiếng ở chế độ Nắp gấp mở; video, tiếng, hoặc cả hai ở chế độ Xem); **Activate handset (Bật chế độ điện thoại)** (nếu một tai nghe có kết nối Bluetooth được nối vào); **Activate loudsp. (Bật loa)**; hoặc **Activate handsfree (Bật chức năng nói chuyện trực tiếp qua loa)** (chỉ ở chế độ Nắp gấp mở, và nếu một tai nghe có kết nối Bluetooth được nối vào); **End active call (Kết thúc cuộc gọi hiện tại)**; **Change image order (Đổi thứ tự hình ảnh)** **Zoom in (Phóng to)**/**Zoom out (Thu nhỏ)** (chỉ ở chế độ Xem); và **Help (Trợ giúp)**.



Log (Nhật ký)

Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)

Để kiểm soát các số điện thoại của các cuộc gọi bị nhỡ, cuộc gọi đã nhận và đã gọi, bấm , và chọn **Menu > My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký) > Recent calls (Các cuộc gọi gần đây)** . Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhỡ và các cuộc gọi vừa nhận khi mạng hỗ trợ các chức năng này, khi điện thoại được bật và đang trong vùng phủ sóng.

Mẹo! Khi bạn thấy thông báo về các cuộc gọi bị nhỡ ở chế độ chờ, chọn **Show (Hiển thị)** để vào danh sách các cuộc gọi bị nhỡ. Để gọi lại, di chuyển đến một tên hoặc số và bấm .

Để xóa tất cả các danh sách cuộc gọi mới nhất, chọn **Options (Tùy chọn) > Clear recent calls (Xóa các cuộc gọi gần đây)** trong giao diện các cuộc gọi mới nhất. Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa và chọn **Options (Tùy chọn) > Clear list (Xóa danh sách)** . Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó và bấm .

Call duration (Thời lượng cuộc gọi)

Để kiểm soát thời lượng xấp xỉ của các cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi đi, bấm , và chọn **Menu > My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký) > Call duration (Thời lượng cuộc gọi)** .

Để cài màn hình hiển thị thời lượng cuộc gọi trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Connect (Kết nối) > Log (Nhật ký) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Show call duration (Hiển thị thời lượng cuộc gọi) > Yes (Có) hoặc No (Không)** .



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để xóa bộ đếm thời lượng cuộc gọi, chọn **Options (Tùy chọn) > Clear timers (Xóa bộ đếm giờ)** . Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa máy; xem phần **"Security (Bảo mật)", "Phone and SIM (Điện thoại và thẻ SIM)"** , ở trang 123.

Packet data (Dữ liệu gói)

Để kiểm tra lượng dữ liệu đã gửi và nhận qua các phiên kết nối dữ liệu gói, bấm , và chọn **Menu > My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký) > Packet data** .

(Dữ liệu gói). Ví dụ, bạn có thể phải trả phí cho những kết nối dữ liệu gói trên cơ sở lượng dữ liệu đã gửi và nhận.

Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc

Các biểu tượng trong **Log (Nhật ký)**:



Sự kiện đến



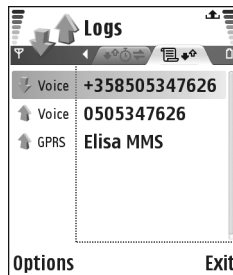
Sự kiện đi



Các sự kiện liên lạc bị nhỡ

Để kiểm soát tất cả các cuộc gọi thoại và video, tin nhắn văn bản hoặc những phiên kết nối dữ liệu được điện thoại ghi lại, bấm **☞**, chọn **Menu > My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký)**, và di chuyển sang phải để mở nhật ký chung. Đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể xem tên của người gửi

hoặc nhận, số điện thoại, tên nhà cung cấp dịch vụ, hoặc điểm truy cập. Bạn có thể lọc nhật ký chung để chỉ xem một loại sự kiện và tạo các thẻ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.



Mẹo! Để kiểm soát thời lượng của cuộc gọi thoại trên màn hình chính trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Show call duration (Hiển thị thời lượng cuộc gọi) > Yes (Có)**.



Mẹo! Để xem danh sách các tin nhắn đã gửi, bấm **☞**, and select **Messaging (Nhắn tin) > Sent (Đã gửi)**.

Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc. Các kết nối vào hộp thư thoại, trung tâm nhắn tin đa phương tiện hoặc trang Web sẽ được hiển thị dưới dạng các phiên kết nối dữ liệu gói.

Để lọc nhật ký, chọn **Options (Tùy chọn) > Filter (Lọc)** và một bộ lọc.

Để xóa nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi mới nhất và các báo cáo gửi tin nhắn cố định, chọn **Options (Tùy chọn) > Clear log (Xóa nhật ký)**. Chọn **Yes (Có)** để xác nhận. Để xóa một sự kiện đơn lẻ khỏi nhật ký, bấm **☒**.

Để cài **Log duration (Thời lượng nhật ký)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Log duration (Thời lượng nhật ký)**. Các sự kiện sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ điện thoại trong một số ngày nhất định, sau đó chúng sẽ bị xóa để làm trống bộ nhớ. Nếu bạn chọn **No log (Không có nhật ký)**, tất cả nội dung, nhật ký cuộc gọi gần đây và báo cáo gửi tin nhắn sẽ bị xóa vĩnh viễn.

Để xem các chi tiết của một sự kiện liên lạc, trong giao diện nhật ký chung, di chuyển đến một sự kiện và bấm phím di chuyển.

 **Mẹo!** Trong giao diện chi tiết, để sao chép số điện thoại vào clipboard, chọn **Options (Tùy chọn) > Copy number (Sao chép số)**.

Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối: Để xem có bao nhiêu dữ liệu, được đo bằng kb, đã được truyền và thời lượng của phiên kết nối dữ liệu gói, di chuyển đến một sự kiện đến hoặc đi được chỉ báo bằng **Pack. (Gói)**, và chọn **Options (Tùy chọn) > View details (Xem chi tiết)**.



Danh bạ (Danh bạ điện thoại)

Bấm và chọn **Contacts (Danh bạ)**. Trong **Contacts (Danh bạ)** bạn có thể thêm một kiểu chuông riêng hoặc một hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào một thẻ liên lạc. Bạn cũng có thể tạo các nhóm liên lạc, nhóm này cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới nhiều người nhận cùng lúc. Bạn có thể thêm các thông tin liên lạc đã nhận được (danh thiếp) vào danh bạ. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", trên trang 52. Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin về số liên lạc từ các thiết bị tương thích.

Lưu tên và số điện thoại

- 1 Chọn **Options (Tùy chọn) > New contact (Số liên lạc mới)**.
- 2 Điền vào các trường theo ý bạn và chọn **Done (Xong)**.

Để chỉnh sửa thẻ liên lạc trong **Contacts (Danh bạ)**, di chuyển đến thẻ liên lạc bạn muốn chỉnh sửa, và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**.

Mẹo! Để in các thẻ liên lạc trên một máy in tương thích có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**.

Để xóa một thẻ liên lạc trong **Contacts (Danh bạ)** chọn một thẻ, và bấm . Để xóa nhiều thẻ liên lạc cùng lúc, bấm và để chọn các số liên lạc và bấm để xóa.

Mẹo! Để tạo thêm và hiệu chỉnh các thẻ liên lạc, sử dụng ứng dụng Nokia Contacts Editor trong Nokia PC Suite.

Để đính kèm hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc, mở thẻ liên lạc và, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa) > Options (Tùy chọn) > Add thumbnail (Thêm hình nhỏ)**. Hình ảnh dạng thu nhỏ sẽ được hiển thị khi có người gọi cho bạn.

Mẹo! Quay số nhanh là một cách nhanh chóng để gọi đến các số điện thoại thường được sử dụng. Bạn có thể gán các phím quay số nhanh cho tám số điện thoại. Xem phần "[Quay nhanh một số điện thoại](#)", trên trang 62.

 **Mẹo!** Để gửi thông tin về số liên lạc, chọn thẻ mà bạn muốn gửi. Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send (Gửi)** > **Via text message (Dưới dạng tin nhắn văn bản)**, **Via multimedia (Qua đa phương tiện)**, **Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**, hoặc **Via infrared (Qua hồng ngoại)**. Xem phần "**Nhắn tin**", trên trang 45 và phần "**Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth**", trên trang 97.

Để thêm số liên lạc vào một nhóm, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Add to group: (Thêm vào nhóm:)** (chỉ hiển thị nếu bạn đã tạo một nhóm). Xem phần "**Tạo các nhóm liên lạc**", trên trang 77.

Để xem lượng bộ nhớ đã sử dụng cho các số liên lạc, nhóm, và bộ nhớ còn trống trong **Contacts (Danh bạ)**, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Contacts info (Thông tin liên lạc)**.

Các số điện thoại và địa chỉ mặc định

Bạn có thể gán các số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định vào một thẻ liên lạc. Theo cách này nếu một số liên lạc có nhiều số điện thoại hoặc nhiều địa chỉ, bạn có thể dễ dàng gọi hoặc gửi tin nhắn tới số liên lạc này theo một số điện thoại hoặc một địa chỉ nhất định. Số mặc định cũng được sử dụng trong chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

- 1 Trong danh bạ, chọn một số liên lạc, và bấm .
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Defaults (Mặc định)**.
- 3 Chọn một mục mặc định mà bạn sẽ thêm số điện thoại hoặc địa chỉ vào, và chọn **Assign (Gán)**.
- 4 Chọn một số điện thoại hoặc địa chỉ để cài làm giá trị mặc định.

Số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định được gạch chân trong thẻ liên lạc.

Copy số liên lạc

Để sao chép tên và số điện thoại từ thẻ SIM vào điện thoại, bấm , và chọn **Contacts (Danh bạ)** > **Options (Tùy chọn)** > **SIM contacts (Danh bạ IM)** > **SIM directory (Thư mục thẻ SIM)**. Chọn những tên bạn muốn sao chép và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Copy to Contacts (Sao chép vào Danh bạ)**.

Để sao chép các số liên lạc vào thẻ SIM, bấm , và chọn **Contacts (Danh bạ)**. Chọn các tên bạn muốn sao chép và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Copy to SIM direct. (Sao chép vào thư mục thẻ SIM)**, hoặc **Options (Tùy chọn)** > **Copy (Sao chép)** > **To SIM directory (Đến thư mục SIM)**. Chỉ những trường thẻ liên lạc được thẻ SIM hỗ trợ mới được sao chép.

 **Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ các số liên lạc với máy PC tương thích bằng Nokia PC Suite.

SIM directory (Thư mục thẻ SIM) và các dịch vụ SIM khác

Liên hệ với nhà cung cấp thẻ SIM để biết tính khả dụng và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Bấm , và chọn **Contacts (Danh bạ) > Options (Tùy chọn) > SIM contacts (Danh bạ IM) > SIM directory (Thư mục thẻ SIM)** để xem các tên và các số điện thoại được lưu trong thẻ SIM. Trong thư mục thẻ SIM bạn có thể thêm, chỉnh sửa, hoặc sao chép các số điện thoại vào các số liên lạc, và có thể thực hiện các cuộc gọi.

Để xem danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options (Tùy chọn) > SIM contacts (Danh bạ IM) > Fixed dialling contacts (Các số liên lạc quay số ẩn định)**. Cài đặt này chỉ hiển thị nếu được thẻ SIM hỗ trợ.

Để hạn chế các cuộc gọi từ điện thoại đến các số điện thoại đã chọn, chọn **Options (Tùy chọn) > Activ. fixed dialling (Kích hoạt gọi số ẩn định)**. Để thêm các số mới vào danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options (Tùy chọn) > New SIM contact (Số liên lạc IM mới)**. Bạn phải nhập mã PIN2 cho các chức năng này.

Khi bạn sử dụng chức năng **Fixed dialling (Gọi số ẩn định)**, bạn có thể sẽ không thực hiện được các kết nối dữ liệu gói, ngoại trừ việc gửi tin nhắn văn bản qua kết nối dữ liệu gói. Trong trường hợp này, số trung tâm nhắn tin và số điện thoại của người nhận phải có trong danh sách số gọi ẩn định.

Khi chức năng gọi số ẩn định được kích hoạt, bạn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Gán nhạc chuông cho các số liên lạc

Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).

- 1 Bấm  để mở thẻ liên lạc hoặc vào danh sách nhóm và chọn một nhóm liên lạc.
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn) > Ringing tone (Kiểu chuông)**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra.
- 3 Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng cho số liên lạc riêng hoặc nhóm được chọn.

Bạn cũng có thể sử dụng một video clip làm nhạc chuông.

Để xóa kiểu chuông, chọn **Default tone (Âm mặc định)** trong danh sách các kiểu chuông.

Tạo các nhóm liên lạc

- 1 Trong **Contacts (Danh bạ)**, bấm  để mở danh sách nhóm.
 - 2 Chọn **Options (Tùy chọn) > New group (Nhóm mới)**.
 - 3 Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định **Group (Nhóm)**, và chọn **OK**.
 - 4 Mở nhóm, và chọn **Options (Tùy chọn) > Add members (Thêm thành viên)**.
 - 5 Di chuyển đến một số liên lạc và bấm  để chọn số liên lạc đó. Để thêm cùng lúc nhiều thành viên, lặp lại thao tác này với tất cả các số liên lạc bạn muốn.
 - 6 Chọn **OK** để thêm các số liên lạc vào nhóm.
- Để đổi tên nhóm, chọn **Options (Tùy chọn) > Rename (Đổi tên)**, nhập tên mới, và chọn **OK**.

Xóa thành viên khỏi nhóm

- 1 Trong danh sách nhóm, mở nhóm bạn muốn sửa đổi.
- 2 Di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options (Tùy chọn) > Remove from group (Xóa khỏi nhóm)**.
- 3 Chọn **Yes (Có)** để xóa số liên lạc ra khỏi nhóm.



Mẹo! Để kiểm tra xem một số liên lạc đang thuộc nhóm nào, di chuyển đến số liên lạc này, và chọn **Options (Tùy chọn) > Belongs to groups (Thuộc các nhóm)**.



Web

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ thường có các trang web được đặc biệt thiết kế để dùng trên các thiết bị di động. Những trang Web này sử dụng ngôn ngữ đánh dấu không dây (WML), ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML), hoặc ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Bấm , và chọn **Services (Dịch vụ)**.

 **Phím tắt:** Để bắt đầu kết nối, bấm và giữ  khi ở chế độ chờ.

Điểm truy cập web

Để truy cập các trang, bạn cần các cài đặt dịch vụ Web cho trang bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp trang Web. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", trên trang 52. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

 **Mẹo!** Các cài đặt có thể được đăng tải sẵn trên trang Web của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhập cài đặt theo cách thủ công

- 1 Bấm , chọn **Tools (Công cụ)** > **Settings (Cài đặt)** > **Connection (Kết nối)** > **Access points (Điểm truy cập)**, và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Xem phần "[Connection \(Kết nối\)](#)", trên trang 118.
- 2 Bấm , và chọn **Services (Dịch vụ)** > **Options (Tùy chọn)** > **Bookmark manager (Quản lý chỉ mục)** > **Add bookmark (Lưu chỉ mục)**. Đặt một tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại.
- 3 Để cài điểm truy cập đã tạo làm điểm truy cập mặc định, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Settings (Cài đặt)** > **Access point (Điểm truy cập)**.

Giao diện chỉ mục

Màn hình chỉ mục mở khi bạn mở **Services (Dịch vụ)**.

Điện thoại của bạn có một số chỉ mục dẫn đến một số trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không chứng nhận hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về sự an toàn hoặc nội dung của chúng như ở bất kỳ trang Internet nào.

Biểu tượng  cho biết trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định.

Kết nối an toàn

Nếu chỉ báo bảo vệ  hiển thị trong quá trình kết nối, việc truyền dữ liệu giữa thiết bị và cổng Internet hoặc máy chủ được mã hóa.

Biểu tượng an toàn không chỉ báo việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn (hoặc nơi lưu nội dung nguồn yêu cầu) được bảo mật. Nhà cung cấp dịch vụ bảo mật việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Details (Chi tiết) > Security (Bảo mật)** để xem các thông tin chi tiết về tình trạng kết nối, trạng thái mã hóa, thông tin về máy chủ và việc xác nhận dành cho người sử dụng.

Các chứng chỉ bảo mật có thể được yêu cầu cho một số dịch vụ, ví dụ như các dịch vụ ngân hàng. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ

của bạn. Xem thêm phần "[Certif. management \(Quản lý chứng chỉ\)](#)", trên trang 124.

Trình duyệt

 **Chú ý:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng an toàn và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Để tải xuống một trang, chọn một chỉ mục hoặc điền địa chỉ vào trường .

Trên một trang trình duyệt, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch dưới màu xanh và các trang đã liên kết có màu tím. Những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

Để mở các liên kết và đánh dấu các hộp chọn, bấm .

 **Phím tắt:** Sử dụng # để chuyển nhanh xuống cuối trang và * để chuyển nhanh về đầu trang.

Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, chọn **Back (Trở về)**. Nếu tùy chọn **Back (Trở về)** không có, chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > History (Nhật ký)** để xem danh sách các trang mà bạn đã vào trong phiên trình duyệt theo thứ tự thời gian.

Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > Reload (Tải lại)**.

Để lưu một chỉ mục, chọn **Options (Tùy chọn) > Save as bookmark (Lưu làm chỉ mục)**.

 **Mẹo!** Để truy cập vào giao diện chỉ mục trong khi đang trình duyệt, bấm và giữ . Để trở về cửa sổ trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn) > Back to page (Trở về trang)**.

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Save page (Lưu trang)**. Bạn có thể lưu các trang trình duyệt vào bộ nhớ của máy hoặc thẻ nhớ (nếu được chèn vào) và duyệt lại chúng khi không kết nối mạng. Để truy cập các trang này sau, bấm  trong giao diện chỉ mục để mở giao diện **Saved pages (Những trang đã lưu)**.

Để nhập vào một địa chỉ URL mới, chọn **Options (Tùy chọn) > Navigation options (Tùy chọn điều hướng) > Go to web address (Tới địa chỉ web)**.

Để mở danh sách phụ chứa các lệnh hoặc tác vụ trên trang trình duyệt đang mở, chọn **Options (Tùy chọn) > Service options (Tùy chọn dịch vụ)**.

Bạn có thể tải về các tập tin không được hiển thị trên trang trình duyệt, ví dụ như kiểu chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề và đoạn phim. Để tải về mục nào đó, di chuyển đến liên kết đó, và bấm .

Khi bạn bắt đầu tải dữ liệu, một danh sách các tập tin ở trạng thái đang tải về, tạm ngưng hoặc đã tải về hoàn tất sẽ được hiển thị. Bạn cũng có thể xem danh sách này bằng cách chọn **Options (Tùy chọn) > Tools (Công cụ) > Downloads (Tải xuống)**. Trong danh sách, di chuyển tới một mục, và chọn **Options (Tùy chọn)** để tạm dừng, tiếp tục lại, hoặc hủy các tải xuống đang diễn ra, hoặc mở, lưu, hoặc xóa những tải xuống đã hoàn tất.

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục

Bạn có thể tải xuống các mục như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn phim. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng. Các mục tải về sẽ được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery (Bộ sưu tập)**.



Chú ý: Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

- 1 Để tải xuống, di chuyển đến liên kết tương ứng và bấm .
- 2 Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục đó, ví dụ, "Buy".
- 3 Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp. Để tiếp tục việc tải xuống, chọn **Accept (Nhận)**. Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel (Hủy)**.

Ngưng kết nối

Để ngắt kết nối và xem trang trình duyệt không trực tuyến, chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Disconnect (Ngắt kết nối)**, hoặc ngắt kết nối và đóng trình duyệt lại, chọn **Options (Tùy chọn) > Exit (Thoát)**.

Dọn cache

Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại.

Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo mật cần đến mật mã, làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ

mà bạn đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced options (Tùy chọn nâng cao) > Clear cache (Xóa bộ nhớ cache)**.

Cài đặt web

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và các tùy chọn sau:

Access point (Điểm truy cập) — Thay đổi điểm truy cập mặc định. Xem phần "**Connection (Kết nối)**", trên trang 118. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

Load imgs. & sounds (Tải hình ảnh & âm thanh) — Chọn xem bạn có muốn tải hình ảnh về trong khi đang duyệt không. Nếu bạn chọn **No (Không)**, để truy nhập vào các hình ảnh đó sau, chọn **Options (Tùy chọn) > Show images (Hiển thị hình ảnh)**.

Font size (Cỡ chữ) — Chọn một cỡ chữ.

Default encoding (Chế độ mã hóa mặc định) — Nếu các ký tự văn bản không hiển thị đúng, bạn có thể chọn cách mã hóa khác tùy theo ngôn ngữ.

Auto. bookmarks (Tự thu thập chỉ mục) — Bật hoặc tắt tính năng thu thập chỉ mục tự động. Nếu bạn muốn tiếp tục thu thập các chỉ mục tự động nhưng ẩn giấu thư mục khỏi giao diện chỉ mục, chọn **Hide folder (Ẩn thư mục)**.

Screen size (Kích thước màn hình) — Để chọn nội dung hiển thị khi bạn đang trình duyệt. **Select. keys only (Chỉ những phím đã chọn)** hoặc **Full screen (Toàn màn hình)**.

Homepage (Trang chủ) — Để xác định trang chủ.

Search page (Tìm trang) — Để xác nhận một trang Web sẽ được tải về khi bạn chọn **Navigation options (Tùy chọn điều hướng)** > **Open search page (Mở tìm kiếm web)** trong giao diện chỉ mục hoặc khi đang trình duyệt.

Volume (Âm lượng) — Nếu bạn muốn trình duyệt để phát các âm thanh được nhúng trong các trang web, hãy chọn một mức âm lượng.

Rendering (Hiển thị) — Nếu bạn muốn hiển thị trang thật chính xác khi ở chế độ **Small screen (Màn hình nhỏ)**, chọn **By quality (Theo chất lượng)**. Nếu bạn không muốn tải về các bảng chứa thuộc tính trình bày xếp tầng mở rộng, chọn **By speed (Theo tốc độ)**.

Cookies (Cookie) — Để cho phép hoặc không cho phép nhận và gửi các cookie.

Java/ECMA script (Mã script Java/ECMA) — Cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script.

Security warnings (Cảnh báo bảo mật) — Để ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật.

Conf. DTMF sending (Đang gửi DTMF) — Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm DTMF trong khi đang có cuộc gọi thoại hay không. Xem thêm phần "**Các tùy chọn trong khi gọi**", trên trang 70.



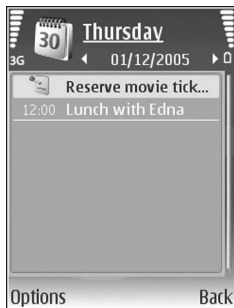
Lịch

Sử dụng **Calendar (Lịch)** để nhắc bạn về những cuộc họp, ngày kỷ niệm, và theo dõi công việc và các ghi chú khác.

Tạo các mục nhập lịch

💡 Phím tắt: Trong giao diện ngày, tuần, hoặc tháng, bấm phím bắt kỳ (**1** — **0**). Mục cuộc hẹn sẽ được mở và các ký tự mà bạn đã nhập vào sẽ được thêm vào trường **Subject (Chủ đề)**. Trong giao diện công việc, một mục nhập ghi chú công việc sẽ mở.

- 1 Bấm , và chọn **Calendar (Lịch)** > **Options (Tùy chọn)** > **New entry (Mục nhập mới)** và một trong các tùy chọn sau:
Meeting (Họp) — Để nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn.



Meeting request — để gửi yêu cầu họp qua e-mail (cần xác định một hộp thư trong điện thoại)

Memo (Ghi nhớ) — Để viết một mục chung trong ngày

Anniversary (Ngày kỷ niệm) — để nhắc bạn về ngày sinh nhật và các ngày đặc biệt (các mục nhập được lặp lại hàng năm)

To-do (Công việc) — để nhắc bạn về một công việc cần làm trước một ngày cụ thể.

- 2 Điền thông tin vào các trường cho sẵn. Để cài giờ báo thức, chọn **Alarm (Báo thức)** > **On (Bật)**, và nhập **Alarm time (Giờ báo thức)** và **Alarm date (Ngày báo thức)**.

Để thêm mô tả cho một cuộc hẹn hoặc một cuộc họp, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Add description (Thêm mô tả)**.

- 3 Để lưu các mục lịch, chọn **Done (Xong)**.

Khi lịch phát âm báo cho một ghi chú, chọn **Silence (Im lặng)** để tắt âm báo lịch. Văn bản nhắc nhở vẫn còn ở trên màn hình. Để tắt âm báo lịch, chọn **Stop (Ngừng)**. Để cài phát lại âm báo, chọn **Snooze (Báo lại)**.



Mẹo! Bạn có thể đồng bộ hóa lịch với một máy PC tương thích sử dụng bộ Nokia PC Suite. Khi tạo một mục nhập lịch, cài tùy chọn **Synchronisation (Đồng bộ)** bạn muốn.

Yêu cầu hợp

Nếu bạn nhận được một yêu cầu hợp trong hộp thư trên máy, yêu cầu này sẽ được lưu vào lịch khi bạn mở e-mail.

Bạn có thể xem các yêu cầu hợp đã nhận trong hộp thư hoặc trong lịch. Để trả lời yêu cầu hợp qua e-mail, chọn **Options (Tùy chọn) > Respond**.

Xem lịch



Mẹo! Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** để thay đổi ngày đầu tuần hoặc giao diện để hiển thị khi bạn mở lịch.

Trong chế độ xem tháng, những ngày có ghi chú lịch sẽ được đánh dấu bằng một hình tam giác nhỏ ở góc phải bên dưới. Trong giao diện tuần, các ghi nhớ và ngày kỷ niệm được đặt trước 8 giờ. Để chuyển giữa giao diện tháng, tuần, ngày và giao diện công việc, bấm *.

Để đến một ngày cụ thể, chọn **Options (Tùy chọn) > Go to date (Chọn ngày)**. Để nhảy về ngày hôm nay, bấm #.

Để gửi ghi chú lịch tới một thiết bị tương thích, chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi)**.

Để in các mục nhập lịch trên một máy in tương thích có tính năng Cấu Hình In Cơ Bản (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**.

Quản lý các mục nhập lịch của bạn

Việc xóa các mục cũ trong **Calendar (Lịch)** sẽ tiết kiệm bộ nhớ của điện thoại.

Để xóa nhiều sự kiện cùng lúc, mở giao diện tháng, và chọn, **Options (Tùy chọn) > Delete entry (Xóa mục nhập) > Before date (Trước ngày)** hoặc **All entries (Tất cả các mục nhập)**.

Để đánh dấu một công việc đã hoàn tất, di chuyển đến công việc đó trong giao diện công việc, và chọn **Options (Tùy chọn) > Mark as done (Đánh dấu đã hoàn thành)**.

Cài đặt lịch

Để chỉnh sửa **Calendar alarm tone** (Âm báo lịch), **Default view** (Giao diện mặc định), **Week starts on** (Tuần bắt đầu vào), **Week view title** (Tiêu đề giao diện tuần), và chọn **Options** (Tùy chọn) > **Settings** (Cài đặt).

My own (Cá nhân)



Visual Radio (dịch vụ mạng)

Bạn có thể sử dụng ứng dụng Visual Radio như một đài FM thông thường với chức năng tự động dò kênh và các kênh được lưu. Nếu bạn muốn chỉnh đến những đài cung cấp dịch vụ Visual Radio, bạn có thể xem thông tin trực quan trên màn hình liên quan đến chương trình radio này. Các dịch vụ Visual Radio sử dụng dữ liệu gói (dịch vụ mạng). Bạn có thể nghe đài FM trong khi sử dụng các ứng dụng khác trên điện thoại.

Để sử dụng dịch vụ Visual Radio, phải phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Điện thoại phải được bật lên.
- Điện thoại phải có một thẻ SIM hợp lệ.
- Đài bạn chọn nghe và nhà điều hành mạng phải hỗ trợ dịch vụ này.
- Điểm truy nhập Internet của bạn phải được xác định để truy nhập đến server visual radio của nhà điều hành. Xem phần "[Access points \(Điểm truy cập\)](#)", trên trang 119.

- Kênh radio phải có số ID dịch vụ Visual Radio đúng và có hỗ trợ dịch vụ Visual Radio. Xem phần "[Các kênh đã lưu](#)", trên trang 88.

Nếu bạn không có điểm truy cập vào dịch vụ Visual Radio, các nhà điều hành và trạm phát radio tại khu vực của bạn có thể không hỗ trợ dịch vụ này. Dịch vụ Visual Radio có thể không có tại tất cả các khu vực và quốc gia.

Chất lượng nghe Radio FM không phụ thuộc vào ăng-ten vô tuyến của điện thoại mà tùy thuộc vào ăng-ten radio. Bạn phải gắn tai nghe hoặc phụ kiện tương thích với điện thoại để đài FM hoạt động đúng.

Bạn có thể nghe radio bằng loa tích hợp hoặc tai nghe tương thích. Khi sử dụng loa, phải cắm tai nghe vào điện thoại. Dây dẫn của bộ tai nghe có chức năng như một ăng-ten radio, vì vậy không để dây xoắn lại.



Cảnh báo: Bạn nên nghe nhạc với âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể ảnh hưởng xấu đến thính giác của bạn. Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

Bạn có thể gọi hoặc trả lời cuộc gọi đến trong khi đang nghe radio. Chức năng radio sẽ tắt khi có cuộc gọi. Khi cuộc gọi kết thúc, radio sẽ được bật trở lại.

Radio chọn băng tần dựa trên thông tin nhận được từ mạng.

Có thể sử dụng dịch vụ Visual Radio để nghe khi nắp điện thoại đóng. Thông tin kênh có thể được hiển thị trên màn hình phụ. Để tắt hoặc bật radio, bấm phím trên nắp.

Nghe radio

Lưu ý chất lượng phát sóng radio phụ thuộc mức độ phủ sóng của đài phát thanh ở từng khu vực cụ thể.

Nổi một tai nghe tương thích với điện thoại. Dây dẫn của bộ tai nghe có chức năng như một ăng-ten radio, vì vậy không nên để dây xoắn lại. Bấm **Menu** > **My own (Cá nhân)** > **Radio (Đài FM)**.

Để dò tìm kênh, chọn **Auto** hoặc **Manual**. Việc tìm kiếm sẽ kết thúc khi đã dò đúng kênh. Để thay đổi tần số theo cách thủ công, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Manual tuning (Dò đài thủ công)**.

Nếu trước đó bạn đã các kênh radio, chọn **Next** hoặc **Previous** để đến kênh đã lưu kế tiếp hoặc kênh đã lưu trước đó. Để chọn vị trí bộ nhớ kênh, bấm phím số tương ứng.

Để điều chỉnh âm lượng, bấm **Volume Up** hoặc **Volume Down**. Để nghe radio qua loa, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Activate loudspeaker (Bật loa)**.

Để xem các kênh hiện có dựa trên vị trí, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Station directory (Danh mục kênh)** (dịch vụ mạng).

Để lưu kênh đã dò vào danh sách, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Save station (Lưu kênh)**. Để mở danh sách các kênh đã lưu, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Stations (Kênh)**. Xem phần "**Các kênh đã lưu**", trên trang 88.

Để trở về chế độ chờ và chức năng đài FM vẫn hoạt động ẩn, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Play in background (Chạy ẩn)**, hoặc bấm **Play**.



Xem nội dung trực quan

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ.

Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh đã dò, chọn , hoặc trong giao diện các kênh, chọn **Options (Tùy chọn) > Station (Kênh) > Start visual service (Khởi động dịch vụ trực quan)**. Nếu ID dịch vụ trực quan chưa được lưu, nhập số này vào hoặc chọn **Retrieve (Tải tin)** để tìm trong danh mục kênh (dịch vụ mạng).

Khi kết nối dịch vụ trực quan được thiết lập, màn hình sẽ hiển thị nội dung trực quan hiện tại do nhà cung cấp nội dung thiết kế.

Để điều chỉnh thông số cài đặt giao diện nội dung trực quan, chọn **Options (Tùy chọn) > Display settings (Cài đặt hiển thị) > Lighting (Ánh sáng)** hoặc **Power saver time-out (Thời gian chờ của chế độ tiết kiệm điện)**.

Các kênh đã lưu

Bạn có thể lưu tối đa 20 kênh radio trong Visual Radio. Để mở danh sách kênh, chọn **Options (Tùy chọn) > Stations (Kênh)**.

Để nghe kênh đã lưu, chọn **Options (Tùy chọn) > Station (Kênh) > Listen (Nghe)**. Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh với dịch vụ Visual Radio, chọn **Options (Tùy chọn) > Station (Kênh) > Start visual service (Khởi động dịch vụ trực quan)**.

Để thay đổi chi tiết kênh, chọn **Options (Tùy chọn) > Station (Kênh) > Edit (Chỉnh sửa)**.

Cài đặt

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và các tùy chọn sau:

Start-up tone (Âm khởi động) — Để chọn âm sẽ phát khi khởi động ứng dụng.

Auto-start service (Tự khởi động dịch vụ) — Để dịch vụ Visual Radio tự khởi động khi bạn chọn kênh đã lưu có cung cấp dịch vụ trực quan, chọn **Yes (Có)**.

Access point (Điểm truy cập) — Để chọn điểm truy cập dùng để kết nối dữ liệu. Bạn không cần phải có điểm truy cập để sử dụng ứng dụng như một đài FM thông thường.



RealPlayer

Bấm , và chọn **Menu > My own (Cá nhân) > RealPlayer**. Với trình **RealPlayer**, bạn có thể xem lại các video clip, hoặc thưởng thức các tập tin media trực tuyến. Bạn có thể kích hoạt liên kết trực tuyến khi trình duyệt các trang Web, hoặc lưu liên kết này vào bộ nhớ điện thoại hoặc một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

 **Mẹo!** Bạn cũng có thể xem các video clip hoặc các liên kết trực tuyến bằng các thiết bị khác tương thích với UPnP, chẳng hạn như một tivi hoặc một máy PC, qua mạng LAN không dây. Xem phần "[Xem các tập tin media](#)", trên trang 104.

RealPlayer hỗ trợ các tập tin có đuôi dạng .3gp, .mp4, hoặc .rm. Tuy nhiên, **RealPlayer** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng hay biến thể của các dạng tập tin này. Ví dụ, **RealPlayer** có thể phát các tập tin .mp4, nhưng một số tập tin .mp4 có thể chứa nội dung không tương thích với các chuẩn 3GPP, và vì vậy sẽ không được điện thoại hỗ trợ.

Phát video clip

- Để phát tập tin media được lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ (nếu có), chọn **Options (Tùy chọn)** > **Open (Mở)** và chọn một trong các tùy chọn sau:
Most recent clips (Những đoạn nhạc mới nhất) — để phát một trong sáu tập tin mới nhất được phát bằng **RealPlayer**.
Saved clip (Đoạn nhạc đã lưu) — để phát lại tập tin được lưu trong **Gallery (Bộ sưu tập)**
 Xem phần "[Gallery \(Bộ sưu tập\)](#)", trên trang 31.
- Di chuyển đến một tập tin và bấm  để phát tập tin đó.

 **Mẹo!** Để xem một video clip ở chế độ vừa màn hình, bấm **2**. Bấm một lần nữa để trở về chế độ màn hình bình thường.

Các phím tắt trong khi chạy chương trình:

- Để tiến nhanh về trước, bấm và giữ .
- Để trở về điểm đầu của tập tin media, bấm và giữ .
- Để tắt âm, bấm và giữ  cho đến khi chỉ báo  hiển thị. Để bật âm, bấm và giữ  cho đến khi bạn nhìn thấy chỉ báo .

Xem nội dung trực tuyến

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP.

Bạn có thể cài đặt các điểm truy cập khi bạn khởi động điện thoại lần đầu tiên.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để có thêm thông tin.

Trong ứng dụng **RealPlayer**, bạn chỉ có thể truy cập một địa chỉ URL rtsp://. Tuy nhiên, **RealPlayer** có khả năng nhận dạng liên kết http với tập tin .ram.

Để xem các nội dung trực tuyến, chọn một đường dẫn đến nội dung trực tuyến trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, trên trang Web, hoặc nhận đường dẫn trong tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện. Trước khi nội dung được phát trực tuyến, điện thoại của bạn sẽ kết nối với trang này và bắt đầu tải nội dung. Nội dung sẽ không được lưu vào điện thoại.

Nhận các thông số cài đặt RealPlayer

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt **RealPlayer** trong tin nhắn văn bản đặc biệt được gửi từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần **"Dữ liệu và các thông số cài đặt"**, trên trang 52. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Thay đổi các cài đặt của RealPlayer

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và các tùy chọn sau:

Video — để **RealPlayer** tự động phát lại các video clip đã phát xong.

Connection (Kết nối) — để chọn sử dụng một server proxy, thay đổi điểm truy cập mặc định, và cài khoảng trị số cổng được dùng khi kết nối. Liên hệ

với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Proxy sett. (Cài đặt proxy):

Use proxy (Sử dụng proxy) — Để sử dụng server proxy, chọn **Yes (Có)**.

Proxy serv. address (Địa chỉ server proxy) — Nhập địa chỉ IP của server proxy.

Proxy port number (Số cổng proxy) — Nhập số cổng của máy chủ proxy.

 **Chú giải:** Các máy chủ proxy là các máy chủ trung gian giữa các máy chủ cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng chúng để cung cấp các tính năng bảo mật bổ sung hoặc tăng tốc độ truy cập các trang web chứa các đoạn âm thanh hoặc các video clip.

Netw. sett. (Cài đặt mạng):

Default access point (Điểm truy cập mặc định) — Di chuyển đến điểm truy cập bạn muốn dùng để kết nối vào Internet và bấm .

Online time (Thời gian trực tuyến) — Cài thời lượng để **RealPlayer** ngắt khỏi mạng khi bạn ngưng phát đoạn media qua liên kết mạng. Chọn **User defined (Do người dùng tạo)**, và bấm . Nhập khoảng thời gian, và chọn **OK**.

Lowest UDP port (Cổng UDP thấp nhất) — Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực tiểu là 1024.

Highest UDP port (Cổng UDP cao nhất) — Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực đại là 65535.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced settings (Cài đặt nâng cao)** để hiệu chỉnh các giá trị bằng thông cho các mạng khác nhau.



Flash Player

Với Flash Player, bạn có thể xem, phát, và tương tác với các tập tin flash được tạo cho các thiết bị di động.

Sắp xếp các tập tin flash

Bấm , và chọn **Menu > My own (Cá nhân) > Flash Player**. Di chuyển sang phải.

Để mở một thư mục hoặc phát một tập tin flash, di chuyển đến tập tin này, và bấm .

Để gửi tập tin flash đến một thiết bị tương thích, di chuyển đến tập tin này, và bấm .

Để sao chép một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn **Organise (Sắp xếp) > Copy to folder (Sao chép vào thư mục)**.

Để chuyển một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn **Organise (Sắp xếp) > Move to folder (Đời đến thư mục)**.

Để tạo một thư mục để sắp xếp các tập tin flash, chọn **Organise (Sắp xếp) > New folder (Thư mục mới)**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Để xóa một tập tin flash, di chuyển đến tập tin đó và bấm .

Phát các tập tin flash

Bấm , và chọn **Menu > My own (Cá nhân) > Flash Player**. Di chuyển đến một tập tin flash và bấm .

Chọn **Options (Tùy chọn)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Lưu ý: Các tùy chọn có thể không khả dụng trong tất cả các tập tin flash.

- **Pause (Tạm ngưng)** để tạm ngưng phát.
- **Stop (Ngừng)** để ngừng phát.
- **Volume (Âm lượng)** để điều chỉnh âm lượng phát. Để tăng hoặc giảm âm lượng, di chuyển sang trái hoặc phải.

- **Quality (Chất lượng)** để chọn chất lượng phát. Nếu chất lượng phát có vẻ không đều hoặc chậm, thay đổi cài đặt **Quality (Chất lượng)** sang chế độ **Normal (Bình thường)** hoặc **Low (Thấp)**.
- **Full screen (Toàn màn hình)** để phát tập tin sử dụng cả màn hình. Để trở lại màn hình bình thường, chọn **Normal screen (Màn hình bình thường)**.
Mặc dù không hiện trên cả màn hình nhưng các phím chức năng vẫn khả dụng khi bạn bấm một trong các phím phía dưới màn hình.
- **Fit to screen (Vừa màn hình)** để phát tập tin ở dạng kích thước gốc sau khi điều chỉnh tỷ lệ.
- **Pan mode on (Bật chế độ Pan)** để có thể di chuyển qua lại trên màn hình bằng phím điều khiển khi bạn đã phóng to.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.



Movie director (Đạo diễn phim)

Bấm , và chọn **Menu > My own (Cá nhân) > Movie (Phim)**, hoặc khởi chạy ứng dụng này từ bộ sưu tập. Muvée là các video clip được biên tập có chứa video, hình ảnh, nhạc, và văn bản. Kiểu xác định các đoạn chuyển cảnh, hiệu ứng hình ảnh, đồ họa, nhạc, và văn bản được sử dụng trong muvée.

Tạo muvée

- 1 Trong giao diện chính của **Movie director (Đạo diễn phim)**, chọn những video và hình ảnh bạn muốn tạo một muvée và chọn **Options (Tùy chọn) > Create muvée (Tạo muvée)**, hoặc mở thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Chọn những video clip và hình ảnh bạn muốn tạo một muvée và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa) > Create muvée (Tạo muvée)**.
- 2 Chọn một kiểu muvée trong danh sách. **Movie director (Đạo diễn phim)** sử dụng văn bản và âm nhạc kết hợp với kiểu đã chọn.
- 3 Chọn **Create muvée (Tạo muvée)**.

Muvée sẽ tự động được tạo và một giao diện **Preview muvée (Xem trước muvée)** sẽ được hiển thị. Bạn có thể chọn **Save (Lưu lại)** để lưu muvée trong Bộ sưu tập, chọn **Recreate muvée (Tạo lại muvée)** để trộn các tập tin media và tạo một muvée mới, hoặc bấm **Back (Trở về)** để chọn một kiểu khác cho muvée của bạn. Bạn cũng có thể chọn **Customise (Tùy chỉnh)** để thay đổi cài đặt muvée và tạo một muvée tùy chỉnh, mà bạn có thể thêm hình ảnh, nhạc, và văn bản vào muvée này.

Tạo muvee tùy chỉnh

1 Trong giao diện chính của **Movie director (Đạo diễn phim)**, chọn những video và hình ảnh bạn muốn tạo một muvee và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Create muvee (Tạo muvee)**, hoặc chọn thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Chọn những video và hình ảnh bạn muốn tạo một muvee và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Edit (Chỉnh sửa)** > **Create muvee (Tạo muvee)**.

2 Chọn một kiểu muvee trong danh sách. Trong giao diện kiểu, chọn **Options (Tùy chọn)** > **Customise (Tùy chỉnh)**. Chọn một trong các tùy chọn sau:

Music (Nhạc) — để chọn một đoạn nhạc trong danh sách.

Message (Tin nhắn) — để chỉnh sửa **Beginning message (Đầu tin nhắn)** và **Ending message (Cuối tin nhắn)**.

Video/Image (Video/Hình ảnh) — chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Add/Remove (Thêm/Xóa)** để thêm hoặc xóa video clip và hình ảnh, hoặc **Add/Remove (Thêm/Xóa)** > **Capture (Chụp ảnh)** để mở ứng dụng camera để chụp ảnh và quay phim.
- **Move (Di chuyển)** để sắp xếp lại vị trí của các video clip và hình ảnh trong muvee tùy chỉnh.

- **Select contents (Chọn nội dung)** để chọn đoạn video sẽ có hoặc không có trong muvee.

Length (Độ dài) — để xác định thời lượng của muvee, chọn **User defined (Do người dùng tạo)**. Chọn **Multimedia message (Tin nhắn đa phương tiện)**, **Same as music (Giống như nhạc)**, hoặc **Auto-select (Chọn tự động)**. Nếu thời lượng của muvee ngắn hơn thời lượng nhạc, muvee sẽ được lặp lại để khớp với thời lượng nhạc. Nếu thời lượng của muvee dài hơn thời lượng nhạc, nhạc sẽ được lặp lại để khớp với thời lượng muvee.

Settings (Cài đặt) — để thay đổi cài đặt cho việc sản xuất muvee. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Memory in use (Chọn bộ nhớ)** — chọn nơi lưu các muvee của bạn.
- **Resolution (Độ phân giải)** — chọn độ phân giải cho các đoạn muvee của bạn.
- **Default muvee name (Tên muvee mặc định)** — đặt tên mặc định cho các muvee.

3 Chọn **Create muvee (Tạo muvee)**.

Muvee sẽ tự động được tạo và một giao diện **Preview muvee (Xem trước muvee)** sẽ được hiển thị. Bạn có thể chọn **Save (Lưu lại)** để lưu muvee trong Bộ sưu tập, chọn **Recreate muvee (Tạo lại muvee)** để trộn các tập tin media và tạo một muvee mới, hoặc chọn **Customise (Tùy chỉnh)** để trở về cài đặt muvee.

Trò chơi

Bấm , và chọn **Menu > My own (Cá nhân)** và chọn trò chơi. Để biết hướng dẫn về cách chơi trò chơi, chọn **Options (Tùy chọn) > Help (Trợ giúp)**.

Kết nối



Kết nối Bluetooth

Bạn có thể kết nối vô tuyến đến các thiết bị tương thích khác qua công nghệ không dây Bluetooth. Các thiết bị tương thích có thể là điện thoại di động, máy vi tính và phụ kiện nâng cấp như tai nghe và bộ phụ kiện trên xe. Bạn có thể sử dụng kết nối Bluetooth để gửi hình ảnh, video clip, nhạc và đoạn âm thanh, và ghi chú; để kết nối không dây với máy PC tương thích (ví dụ để truyền dữ liệu); và để kết nối với một máy in tương thích để in hình ảnh bằng chức năng **Image print (In ảnh)**. Xem phần "**In ảnh**", trên trang 43.

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau không quá 10 mét (33 bộ), tuy nhiên kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Thiết bị này tuân theo Thông số Bluetooth 2.0 hỗ trợ các cấu hình sau: Cấu hình In Cơ bản, Cấu hình Truy cập Chung, Cấu hình Cổng Song song, Cấu hình Mạng Dial-up, Cấu hình Tai nghe, Cấu hình

Rảnh tay, Cấu hình Trao đổi Đối tượng chung, Cấu hình Đẩy Đối tượng, Cấu hình Truyền Tập tin, Cấu hình Hình ảnh Cơ bản, Cấu hình Truy Cập SIM, và Cấu hình Thiết bị Giao diện Cá nhân. Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.



Chú giải: Một cấu hình sẽ tương ứng với một dịch vụ hoặc một chức năng, và xác định cách thức các thiết bị khác có thể kết nối. Ví dụ, Cấu hình Rảnh tay được sử dụng để kết nối thiết bị rảnh tay và điện thoại. Để các thiết bị tương thích với nhau, chúng phải hỗ trợ cấu hình giống nhau.

Có thể có các hạn chế khi sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Hãy kiểm tra với nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Các tính năng sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong

khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin.

Khi điện thoại được khóa, bạn không thể sử dụng kết nối Bluetooth. Xem phần "[Security \(Bảo mật\)](#)", trên trang [123](#) để biết thêm thông tin về cách khóa thiết bị.

Cài đặt

Bấm  và chọn **Connect (Kết nối) > Bluetooth**. Khi bạn mở ứng dụng lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu xác định tên thiết bị. Sau khi bạn đã kết nối Bluetooth và thay đổi **My phone's visibility (Phạm vi kết nối)** thành **Shown to all (Hiển thị tất cả)**, những người sử dụng thiết bị Bluetooth khác có thể nhìn thấy điện thoại của bạn và tên này.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Bluetooth — Chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**. Để kết nối không dây với một thiết bị tương thích khác, trước tiên cài Bluetooth **On (Bật)**, sau đó thiết lập kết nối.

My phone's visibility (Phạm vi kết nối) — Để cho phép các thiết bị có công nghệ Bluetooth khác nhận thấy điện thoại của bạn, chọn **Shown to all (Hiển thị tất cả)**. Để giấu không cho các thiết bị khác nhìn thấy, chọn **Hidden (Ẩn)**.

My phone's name (Tên điện thoại) — Chỉnh sửa tên của điện thoại.

Remote SIM mode (Chế độ sử dụng SIM từ xa) — Để cho phép một thiết bị khác, chẳng hạn như bộ phụ kiện tương thích sử dụng trên xe, sử dụng thẻ SIM trong điện thoại để kết nối vào mạng, chọn **On (Bật)**.

Chế độ sử dụng SIM từ xa

Để sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa với một bộ phụ kiện tương thích sử dụng trên xe, bật kết nối Bluetooth, và cho phép sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa cùng với điện thoại của bạn. Trước khi có thể kích hoạt chế độ này, hai thiết bị phải được ghép với nhau và việc ghép được khởi tạo từ phụ kiện. Khi ghép, sử dụng mật mã gồm 16 chữ số, và cài phụ kiện là được phép. Xem phần "[Ghép nối thiết bị](#)", trên trang [98](#). Kích hoạt chế độ sử dụng SIM từ xa từ phụ kiện.

Khi bật chế độ sử dụng SIM từ xa trong Nokia N93, **Remote SIM (SIM từ xa)** sẽ được hiển thị ở chế độ chờ. Kết nối với mạng không dây sẽ bị ngắt, như được chỉ báo bởi biểu tượng  trong vùng chỉ báo cường độ tín hiệu, và bạn không thể sử dụng các dịch vụ thẻ SIM hay các chức năng đòi hỏi điện thoại nằm trong vùng phủ sóng. Tuy nhiên, kết nối mạng LAN không dây vẫn hoạt động ở chế độ sử dụng SIM từ xa.



Cảnh báo: Trong chế độ sử dụng SIM từ xa, bạn không thể gọi hoặc nhận bất kỳ cuộc gọi nào sử dụng điện thoại của bạn, ngoại trừ gọi đến các số khẩn cấp nhất định, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi di, trước tiên bạn phải tắt chế độ sử dụng SIM từ xa. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã khóa vào.

Để tắt chế độ sử dụng SIM từ xa, bấm phím nguồn, và chọn **Exit rem. (Thoát chế độ từ xa) SIM mode (Chế độ thẻ SIM)**.

Các mẹo bảo mật

Khi bạn không sử dụng kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off (Tắt)** hoặc **My phone's visibility (Phạm vi kết nối) > Hidden (Ẩn)**.

Không ghép nối với thiết bị lạ.

Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth

Bạn có thể kích hoạt nhiều kết nối Bluetooth cùng một thời điểm. Ví dụ, nếu bạn kết nối với tai nghe, bạn cũng có thể truyền dữ liệu đến thiết bị tương thích khác cùng lúc.

Chỉ báo kết nối Bluetooth

- Khi  hiển thị ở chế độ chờ, có nghĩa là kết nối Bluetooth được bật.

- Khi biểu tượng  nhấp nháy, điện thoại của bạn đang tìm cách kết nối với thiết bị khác.
 - Khi biểu tượng  được hiển thị liên tục, dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth.
- 1 Mở một ứng dụng có lưu mục mà bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình ảnh đến một thiết bị tương thích khác, mở **Gallery (Bộ sưu tập)**.
 - 2 Chọn mục và chọn **Options (Tùy chọn) > Send (Gửi) > Via Bluetooth (Qua Bluetooth)**. Các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình. Các biểu tượng của điện thoại gồm có:  máy tính,  điện thoại,  thiết bị âm thanh hoặc video, và  thiết bị khác.
 - 3 Để hủy bỏ việc dò tìm, chọn **Stop (Ngừng)**.
 - 4 Chọn thiết bị bạn muốn kết nối đến.
 - 4 Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi dữ liệu có thể truyền, một âm báo sẽ phát ra và bạn được yêu cầu nhập mã khóa. Xem phần "**Ghép nối thiết bị**", trên trang 98.
 - 5 Khi kết nối đã được thiết lập, thông báo **Sending data (Đang gửi dữ liệu)** sẽ hiển thị.

Thư mục **Sent (Đã gửi)** trong **Messag. (Tin nhắn)** sẽ không lưu các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth.



Mẹo! Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ duy nhất (địa chỉ thiết bị). Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập mã ***#2820#** vào khi ở chế độ chờ.

Ghép nối thiết bị

Để mở giao diện các thiết bị đã ghép nối (🔗), trong giao diện chính của ứng dụng **Bluetooth**, bấm .

Trước khi ghép nối, tạo mã khóa cho riêng bạn (1–16 số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng cùng mã khóa. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước. Mật mã chỉ có thể sử dụng một lần.

Để ghép nối với một thiết bị, chọn **Options (Tùy chọn) > New paired device (Thiết bị ghép nối mới)**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình. Chọn thiết bị và nhập mã khóa vào. Bạn cũng cần nhập mã khóa này vào thiết bị kia. Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào giao diện các thiết bị ghép nối.

Các thiết bị đã ghép được hiển thị bởi 🔗 trong mục tìm kiếm thiết bị.

Để gán hoặc không gán quyền cho thiết bị, di chuyển đến một thiết bị, và chọn các tùy chọn sau:

Set as authorised (Gán quyền) — Các kết nối giữa điện thoại và thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc ủy quyền. Sử dụng trạng thái này cho các thiết bị của

bạn, ví dụ như tai nghe hoặc máy PC tương thích, hoặc các thiết bị của người mà bạn tin cậy.  cho biết các thiết bị được gán quyền trong giao diện thiết bị ghép nối.

Set as authorised (Gán quyền) — Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuần tự.

Để hủy một ghép nối, di chuyển đến thiết bị và chọn **Options (Tùy chọn) > Delete (Xóa)**. Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options (Tùy chọn) > Delete all (Xóa tất cả)**.

💡 **Mẹo!** Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ được xóa ngay và kết nối sẽ bị ngừng.

Nhận dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth

Khi bạn nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận, biểu tượng  sẽ hiển thị và mục này sẽ được đặt vào thư mục **Inbox (Hộp thư đến)** trong **Messag. (Tin nhắn)**. Các tin nhắn nhận được qua Bluetooth được chỉ báo bằng 🔗. Xem phần "**Hộp thư đến — nhận tin nhắn**", trên trang 51.

Tắt kết nối Bluetooth

Để tắt kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth** > **Off (Tắt)**.

Kết nối hồng ngoại

Qua hồng ngoại, bạn có thể truyền dữ liệu như danh thiếp, ghi chú lịch, và các tập tin media với một thiết bị tương thích.

Không nên hướng tia hồng ngoại (IR) vào mắt hoặc làm nhiễu sóng các thiết bị IR khác. Thiết bị này là sản phẩm laser Cấp 1.

Gửi và nhận dữ liệu qua hồng ngoại

- 1 Bảo đảm rằng cổng hồng ngoại của các thiết bị gửi và nhận đang hướng vào nhau và không có vật cản nào giữa các thiết bị. Khoảng cách tối ưu giữa hai thiết bị tối đa là 1 mét (3 bộ).
- 2 Người nhận sẽ kích hoạt cổng hồng ngoại. Để khởi động cổng hồng ngoại của điện thoại để nhận dữ liệu qua hồng ngoại, bấm , và chọn **Connect (Kết nối)** > **Infrared (Hồng ngoại)**.
- 3 Người gửi sẽ chọn chức năng hồng ngoại theo ý muốn để bắt đầu truyền dữ liệu. Để gửi dữ liệu qua hồng ngoại, tìm tập tin muốn gửi trong một ứng dụng hoặc trình quản lý tập tin,

và chọn **Options (Tùy chọn)** > **Send (Gửi)** > **Via infrared (Qua hồng ngoại)**.

Nếu việc truyền dữ liệu không bắt đầu trong vòng 1 phút sau khi khởi động cổng hồng ngoại, việc kết nối sẽ bị hủy và phải được bắt đầu lại.

Tất cả các mục nhận được qua hồng ngoại sẽ được chuyển vào thư mục **Inbox (Hộp thư đến)** trong **Messaging (Nhắn tin)**. Tin nhắn hồng ngoại mới được chỉ báo bằng .

Khi  nhấp nháy, điện thoại sẽ tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

Khi biểu tượng  hiển thị liên tục, kết nối hồng ngoại đã được kích hoạt và điện thoại sẵn sàng gửi và nhận dữ liệu qua cổng hồng ngoại.



Data cbl. (Cáp dữ liệu)

Bấm  và chọn **Connect (Kết nối)** > **Data cbl. (Cáp dữ liệu)**. Trong menu **Data cable mode (Chế độ cáp dữ liệu)**, chọn mục đích sử dụng kết nối cáp dữ liệu USB: **PC Suite**, **Data transfer (Truyền dữ liệu)**, hoặc **Image print (In ảnh)**. Để cài điện thoại hỏi mục đích kết nối mỗi lần cáp được nối, chọn **Ask on connection (Hỏi khi kết nối)**.

Kết nối PC

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các chương trình ứng dụng đa dạng của các truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC. Với bộ Nokia PC Suite bạn có thể, ví dụ, truyền hình ảnh giữa điện thoại của bạn và một máy PC tương thích.

Luôn tạo kết nối từ máy PC để đồng bộ dữ liệu với điện thoại.

Điện thoại của bạn như một modem

Bạn có thể sử dụng điện thoại làm modem để gửi và nhận e-mail, hoặc để kết nối vào Internet qua một máy PC tương thích bằng cách sử dụng một kết nối Bluetooth, hồng ngoại, hoặc cáp dữ liệu USB. Bạn có thể tìm thấy các hướng dẫn cài đặt chi tiết trong Hướng Dẫn Sử Dụng dành cho Nokia PC Suite.

 **Mẹo!** Để kết nối điện thoại và máy PC tương thích và để sử dụng Nokia PC Suite trong lần kết nối đầu tiên, hãy sử dụng chức năng Nokia PC Suite wizard hiện có trong Nokia PC Suite.



Quản lý kết nối

Bấm  và chọn **Connect (Kết nối) > Conn mgr (Quản lý kết nối)**. Để xem tình trạng của các kết nối dữ liệu hoặc ngừng kết nối trong mạng GSM và UMTS và mạng LAN không dây, chọn **Act. data conn. (Kích hoạt kết nối dữ liệu)**. Để tìm kiếm mạng LAN không dây trong phạm vi, chọn **Availab. (Tính khả dụng) WLAN**.

Kết nối dữ liệu

Trong giao diện các kết nối hoạt động, bạn có thể xem các kết nối dữ liệu mở: các cuộc gọi dữ liệu (**D**), các kết nối dữ liệu gói (**3G** hoặc **T**), và các kết nối mạng LAN không dây (**LAN**).



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để ngừng một kết nối, chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect (Ngắt kết nối)**. Để đóng tất cả các kết nối đang mở, chọn **Options (Tùy chọn) > Disconnect all (Ngắt tất cả kết nối)**.

Để xem chi tiết của một phiên kết nối, chọn **Options (Tùy chọn) > Details (Chi tiết)**. Các chi tiết được hiển thị tùy thuộc vào loại kết nối.

Mạng LAN không dây

Giao diện mạng LAN không dây khả dụng hiển thị một danh sách những mạng LAN không dây trong phạm vi, chế độ mạng của chúng (**Infrastructure (Cấu trúc thượng tầng)** hoặc **Ad-hoc**), và chỉ báo cường độ tín hiệu. Biểu tượng  được hiển thị cho các mạng có mã hóa, và biểu tượng  hiển thị nếu điện thoại của bạn có một kết nối hoạt động trong mạng này.

Để xem chi tiết của một mạng, chọn **Options (Tùy chọn) > Details (Chi tiết)**.

Để tạo một điểm truy cập Internet trong một mạng, chọn **Options (Tùy chọn) > Define access point (Xác định điểm truy cập)**.



Đồng bộ hóa

Bấm  và chọn **Connect (Kết nối) > Sync (Đồng bộ)**. Ứng dụng **Sync (Đồng bộ)** cho phép bạn đồng bộ ghi chú, lịch, danh bạ, hoặc e-mail với các ứng dụng lịch và danh bạ tương thích khác nhau trên

máy tính tương thích hoặc trên Internet. Bạn cũng có thể tạo hoặc chỉnh sửa các cài đặt đồng bộ hóa.

Ứng dụng đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để có thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu của điện thoại.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt đồng bộ dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt. Xem phần **"Dữ liệu và các thông số cài đặt"**, trên trang 52.

Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện chính của **Sync (Đồng bộ)**, bạn có thể thấy các cấu hình đồng bộ khác nhau.

- 1 Chọn một cấu hình đồng bộ và **Options (Tùy chọn) > Synchronise (Đồng bộ)**. Tình trạng đồng bộ sẽ hiển thị trên màn hình.
Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, chọn **Cancel (Hủy)**.
- 2 Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất. Chọn **Yes (Có)** để xem tập tin báo cáo cho biết tình trạng đồng bộ và số mục nhập đã được thêm vào, cập nhật, xóa, hoặc hủy (không đồng bộ) trong điện thoại của bạn hoặc trên server.



Trình quản lý thiết bị

Bấm  và chọn **Connect (Kết nối) > Dev. mgr. (Quản lý thiết bị)**. Bạn có thể nhận các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình khác nhau từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty. Các thông số cài đặt cấu hình này có thể bao gồm các cài đặt điểm truy cập để kết nối dữ liệu và các cài đặt khác được sử dụng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại.

Để kết nối với server và nhận thông số cài đặt cấu hình cho điện thoại, di chuyển đến một cấu hình và chọn **Options (Tùy chọn) > Start configuration (Khởi động cấu hình)**.

Để cho phép hoặc từ chối nhận các thông số cài đặt cấu hình từ nhà cung cấp dịch vụ, chọn **Options (Tùy chọn) > Enable config. (Bật cấu hình)** hoặc **Disable config. (Tắt cấu hình)**.

Cài đặt cấu hình server

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Server name (Tên server) — Nhập tên server cấu hình.

Server ID (Mã ID server) — Nhập mã ID để xác nhận server cấu hình.

Server password (Mật mã server) — Nhập mật mã để nhận dạng điện thoại với server.

Access point (Điểm truy cập) — Chọn một điểm truy cập sẽ được sử dụng khi kết nối với server.

Host address (Địa chỉ máy chủ) — Nhập địa chỉ URL của server.

Port (Cổng) — Nhập số cổng của server.

User name (Tên thuê bao) và **Password (Mật mã)** — Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn.

Allow configuration (Cho phép cấu hình) — Để nhận cài đặt cấu hình từ server, chọn **Yes (Có)**.

Auto-accept all reqs. (Tự động chấp nhận tất cả yêu cầu) — Nếu bạn muốn điện thoại yêu cầu xác nhận trước khi nhận một cấu hình từ server, chọn **No (Không)**.



Mạng gia đình

Điện thoại của bạn tương thích với cấu trúc Universal Plug and Play (UPnP). Bằng cách sử dụng một thiết bị điểm truy cập LAN không dây hoặc một bộ định tuyến mạng LAN không dây, bạn có thể

tạo một mạng gia đình và kết nối các thiết bị tương thích với UPnP có hỗ trợ mạng LAN không dây vào mạng, chẳng hạn như Nokia N93, một máy PC tương thích, một máy in tương thích, và một dàn âm thanh hoặc tivi tương thích được trang bị một bộ nhận đa phương tiện không dây tương thích.

Việc sử dụng chức năng mạng LAN không dây của Nokia N93 trong một mạng gia đình đòi hỏi phải có cài đặt kết nối mạng LAN không dây gia đình và các thiết bị mục tiêu sử dụng trong nhà khác phải tương thích với UPnP và phải được kết nối vào cùng một mạng gia đình.

Bạn có thể chia sẻ các tập tin media đã lưu trong **Gallery (Bộ sưu tập)** với các thiết bị tương thích với UPnP khác sử dụng mạng gia đình. Để quản lý cài đặt **Home network (Mạng gia đình)**, bấm , và chọn **Connect (Kết nối) > Home network (Mạng gia đình)**. Bạn cũng có thể sử dụng mạng gia đình để xem, phát, sao chép, hoặc in các tập tin media tương thích trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Xem phần "[Xem các tập tin media](#)", trên trang 104.

Cài đặt mạng gia đình

Để chia sẻ các tập tin media được lưu trong **Gallery (Bộ sưu tập)** với các thiết bị tương thích với UPnP qua mạng LAN không dây, trước tiên bạn phải tạo và đặt cấu hình điểm truy cập Internet của mạng LAN

không dây gia đình, sau đó đặt cấu hình ứng dụng **Home network (Mạng gia đình)**. Xem phần "[Mạng LAN không dây](#)", trên trang 16.

Các tùy chọn liên quan tới **Home network (Mạng gia đình)** không có trong **Gallery (Bộ sưu tập)** trước khi đặt cấu hình cài đặt **Home network (Mạng gia đình)**.

Cài đặt cấu hình

Để đặt cấu hình ứng dụng **Home network (Mạng gia đình)**, chọn **Connect (Kết nối) > Home network (Mạng gia đình) > Settings (Cài đặt)**, và chọn các tùy chọn sau:

Home access point (Điểm truy cập chủ) — Chọn **Always ask (Luôn hỏi)** nếu bạn muốn điện thoại yêu cầu điểm truy cập mạng gia đình mỗi lần kết nối vào mạng gia đình, **User defined (Do người dùng tạo)** để chọn điểm truy cập Internet mạng gia đình được sử dụng tự động khi bạn sử dụng **Home network (Mạng gia đình)**, hoặc **None (Không có gì)**. Nếu mạng gia đình không bật cài đặt bảo mật cho mạng LAN không dây, bạn sẽ nhận được một cảnh báo bảo mật. Bạn có thể tiếp tục, và bật tính năng bảo mật cho mạng LAN không dây sau, hoặc hủy việc xác định điểm truy cập, và bật tính năng bảo mật cho mạng LAN không dây trước. Xem mục Mạng LAN Không Dây trong phần "[Access points \(Điểm truy cập\)](#)", trên trang 119.

My device name (Tên điện thoại của tôi) — Nhập tên cho điện thoại của bạn, tên này sẽ được hiển thị cho các thiết bị tương thích khác trong mạng gia đình.

Bật chức năng chia sẻ và xác định nội dung chia sẻ

Chọn **Connect (Kết nối)** > **Home network (Mạng gia đình)** > **Share content (Chia nội dung)**.

Content sharing (Chia sẻ nội dung) — Cho phép hoặc từ chối chia sẻ các tập tin media với các thiết bị tương thích. Không bật **Content sharing (Chia sẻ nội dung)** trước khi bạn đặt cấu hình tất cả các cài đặt khác. Nếu bạn bật chức năng **Content sharing (Chia sẻ nội dung)**, các thiết bị tương thích với UPnP khác trong mạng gia đình có thể xem và sao chép các tập tin bạn đã chọn để chia sẻ trong các thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** và **Music (Nhạc)**.

Để chọn các tập tin media để chia sẻ với các thiết bị khác từ các thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** và **Music (Nhạc)**, hoặc để xem tình trạng chia sẻ của thư mục **Images & video (Hình ảnh & video)** hoặc thư mục **Music (Nhạc)**, chọn **Share content (Chia nội dung)**.

Xem các tập tin media

Để kết nối một máy PC tương thích với mạng gia đình, bạn phải cài đặt phần mềm liên quan trong

DVD-ROM được cung cấp cùng với điện thoại Nokia N93.

Nếu chức năng **Content sharing (Chia sẻ nội dung)** của điện thoại được bật, các thiết bị tương thích với UPnP khác trong mạng gia đình có thể xem và sao chép các tập tin media bạn đã chọn để chia sẻ trong **Share content (Chia nội dung)**. Nếu không muốn các thiết bị khác truy cập vào các tập tin của bạn, tắt **Content sharing (Chia sẻ nội dung)**. Ngay cả khi điện thoại của bạn được tắt **Content sharing (Chia sẻ nội dung)**, bạn vẫn có thể xem và sao chép các tập tin media được lưu trong thiết bị khác của mạng gia đình, nếu thiết bị này cho phép.

Hiển thị các tập tin media được lưu trong điện thoại của bạn

Để chọn hình ảnh, video, và đoạn âm thanh trong điện thoại của bạn, và hiển thị chúng trong một thiết bị mạng gia đình khác, chẳng hạn như một tivi tương thích, theo các bước sau:

- 1 Trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, chọn một hình ảnh, một video clip, hoặc một đoạn âm thanh.
- 2 Chọn **Options (Tùy chọn)** > **Show via home net. (Hiển thị qua mạng gia đình)**.
- 3 Chọn một thiết bị tương thích trong đó có tập tin media sẽ được hiển thị. Các hình ảnh sẽ được hiển thị trên cả thiết bị mạng gia đình khác và

điện thoại của bạn, còn các video clip và các đoạn âm thanh sẽ chỉ được phát trên thiết bị khác.

Hiển thị các tập tin media được lưu trong thiết bị khác

Để chọn các tập tin media được lưu trong một thiết bị mạng gia đình khác, và hiển thị chúng trên điện thoại (hoặc ví dụ, trên một tivi tương thích), thực hiện theo các bước sau:

- 1 Trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, chọn **Home network (Mạng gia đình)**. Điện thoại sẽ bắt đầu tìm kiếm các thiết bị tương thích khác. Tên các thiết bị sẽ bắt đầu xuất hiện trên màn hình.
- 2 Chọn một thiết bị trong danh sách.
- 3 Chọn loại media bạn muốn xem từ thiết bị khác. Các loại tập tin khả dụng trên các chức năng của thiết bị khác.
- 4 Chọn hình ảnh, video clip, hoặc đoạn nhạc bạn muốn xem, và chọn **Options (Tùy chọn) > Show via home net. (Hiển thị qua mạng gia đình)** (hình ảnh và video) hoặc chọn **Play via home network (Phát qua mạng gia đình)** (nhạc).
- 5 Chọn thiết bị sẽ hiển thị tập tin này.

Để ngừng chia sẻ tập tin media này, chọn **Options (Tùy chọn) > Stop showing (Ngừng hiển thị)**.

Để in những hình ảnh được lưu trong **Gallery (Bộ sưu tập)** qua **Home network (Mạng gia đình)** bằng

một máy in tương thích với UPnP, chọn tùy chọn in trong **Gallery (Bộ sưu tập)**. Xem phần **"In ảnh"**, trên trang 43. Không cần phải bật **Content sharing (Chia sẻ nội dung)**.

Để tìm kiếm các tập tin thỏa mãn các tiêu chí khác nhau, chọn **Options (Tùy chọn) > Find (Tìm)**. Để sắp xếp các tập tin đã tìm thấy, chọn **Options (Tùy chọn) > Sort by (Sắp xếp theo)**.

Sao chép các tập tin media

Để sao chép các tập tin media từ điện thoại sang một thiết bị tương thích khác, chẳng hạn như một máy PC tương thích với UPnP, chọn một tập tin trong **Gallery (Bộ sưu tập)**, và **Options (Tùy chọn) > Organise (Sắp xếp) > Copy to home network (Sao chép vào mạng gia đình)** hoặc **Move to home network (Chuyển vào mạng gia đình)**. Không cần phải bật **Content sharing (Chia sẻ nội dung)**.

Để sao chép các tập tin từ thiết bị khác sang điện thoại, chọn một tập tin trong thiết bị khác, và chọn **Options (Tùy chọn) > Copy to phone mem. (Sao chép vào bộ nhớ điện thoại)** hoặc chọn **Copy to memory card (Sao chép vào thẻ nhớ)** (tên của thẻ nhớ, nếu có thẻ nhớ). Không cần phải bật **Content sharing (Chia sẻ nội dung)**.

Các ứng dụng văn phòng



Máy tính

Để cộng, trừ, nhân, chia, tính căn bậc hai và tỷ lệ phần trăm, bấm , và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Calculator (Máy tính)**.



Lưu ý: Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.



Bộ chuyển đổi

Để chuyển đổi các số đo từ một đơn vị về một đơn vị khác, bấm , và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Converter (Bộ chuyển đổi)**.

Converter (Bộ chuyển đổi) có độ chính xác giới hạn, và có thể có các lỗi làm tròn.

- 1 Trong trường **Type (Loại)**, chọn số đo bạn muốn sử dụng.
- 2 Trong trường **Unit (Đơn vị)** đầu tiên, chọn đơn vị bạn muốn chuyển đổi. Trong trường **Unit (Đơn vị)** kế tiếp, chọn đơn vị bạn muốn đổi ra.

- 3 Trong trường **Amount (Số tiền)** đầu tiên, nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Các trường **Amount (Số tiền)** khác sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi

Chọn **Type (Loại) > Currency (Tiền tệ) > Options (Tùy chọn) > Currency rates (Tỷ giá chuyển đổi)**. Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn cần chọn một loại tiền tệ cơ sở và thêm các tỉ giá chuyển đổi. Tỷ giá của tiền tệ gốc luôn luôn là 1.



Lưu ý: Khi thay đổi tiền tệ gốc, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá được cài trước đó sẽ bị xóa.



Ghi chú

Để viết ghi chú, bấm , và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Notes (Ghi chú)**. Bạn có thể gửi ghi chú đến các thiết bị tương thích, và lưu các tập văn bản đơn giản (dạng .txt) nhận được vào **Notes (Ghi chú)**.

Để in một ghi chú trên một máy in có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options (Tùy chọn) > Print (In)**.



Trình duyệt Web

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ thường có các trang web được đặc biệt thiết kế để dùng trên các thiết bị di động. Những trang Web này sử dụng ngôn ngữ đánh dấu không dây (WML), ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML), hoặc ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuê của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Bấm , và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Web**.

Với trình duyệt bổ sung này, bạn có thể xem các trang Web thông thường, để phóng to và thu nhỏ trên một trang (Mini Map), để xem các trang Web chỉ có chứa văn bản ở dạng hẹp để văn bản có thể tự động xuống dòng, và để đọc các cấp dữ liệu và blog.

Để bật hoặc tắt Mini Map cho trang hiện thời, bấm **7**. Khi Mini Map đang được bật, tổng quan về trang đầy đủ sẽ được hiển thị khi bạn bấm và giữ phím di chuyển sang phải, trái, lên, hoặc xuống để dời trang này.

Xem thêm phần "**Điểm truy cập web**", trên trang **78**.



Máy ghi âm

Để ghi một memo thoại, bấm , và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Recorder (Máy ghi âm)**. Để ghi một cuộc trò chuyện điện thoại, mở **Recorder (Máy ghi âm)** trong khi nói chuyện điện thoại. Cả người gọi và người nhận sẽ nghe một âm báo mỗi 5 giây khi ghi âm.

Barcode reader (Đầu đọc mã vạch)

Sử dụng ứng dụng **Barcode reader (Đầu đọc mã vạch)** để giải những loại mã khác nhau (ví dụ mã vạch, mã trong các tạp chí). Những mã này có thể chứa những thông tin như là các liên kết URL, địa chỉ e-mail, và số điện thoại.

Để quét và giải mã vạch, bấm , và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Barcode reader (Đầu đọc mã vạch)**.

Để quét mã, chọn **Scan code (Quét mã)**. Đặt mã giữa hai đường đỏ trên màn hình. Ứng dụng **Barcode reader (Đầu đọc mã vạch)** sẽ quét và giải mã này, và thông tin được giải mã sẽ xuất hiện trên màn hình.

Để lưu ghi chú, chọn **Options (Tùy chọn) > Save (Lưu lại)**. Dữ liệu sẽ được lưu dưới dạng .bcr.

Để xem thông tin được giải mã đã lưu, ở giao diện chính, chọn **Saved data (Dữ liệu đã lưu)**. Để mở một mã, bấm .

Khi xem thông tin đã được giải mã, các liên kết, liên kết URL, số điện thoại, và các địa chỉ e-mail khác nhau, được chỉ báo bằng các biểu tượng ở phía trên cùng của màn hình theo hướng mà chúng xuất hiện trong thông tin được giải mã.

Trong giao diện **Saved data (Dữ liệu đã lưu)**, chọn **Options (Tùy chọn)** và chọn một trong các tùy chọn sau đây:

Scan new code (Quét mã mới) — Để quét một mã mới

Open link (Mở liên kết) — Để mở một liên kết URL

Add to bookmarks (Thêm vào chỉ mục) — Để lưu một liên kết URL vào chỉ mục trong menu **Web**

Create message (Tạo tin nhắn) — Để gửi một tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới một số điện thoại hoặc một địa chỉ e-mail

Add to Contacts (Thêm vào Danh bạ) — Để thêm một số điện thoại, địa chỉ e-mail, hoặc địa chỉ URL vào **Contacts (Danh bạ)**

Call (Gọi) — Để gọi cho một số điện thoại.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau, tùy thuộc và liên kết được chọn.

Điện thoại sẽ trở lại chế độ chờ để tiết kiệm pin nếu **Barcode reader (Đầu đọc mã vạch)** không kích hoạt được hoặc nếu không có phím nào được bấm trong 1 phút. Để tiếp tục quét hoặc xem thông tin đã lưu, bấm .



Quickoffice

Để sử dụng các ứng dụng của Quickoffice, bấm , và chọn **Office (Các ứng dụng văn phòng) > Quickoffice**. Danh sách các tập tin có dạng .doc, .xls, .ppt, và .txt đã lưu trong điện thoại sẽ mở ra.

Để mở một tập tin trong ứng dụng tương ứng, bấm . Để sắp xếp các tập tin, chọn **Options (Tùy chọn) > Sort files (Các tập tin ngắn)**.

Để mở ứng dụng **Quickword**, **Quicksheet**, hoặc **Quickpoint**, bấm  để đến cửa sổ bạn muốn.

Quickword

Với **Quickword**, bạn có thể đọc các tài liệu dạng Microsoft Word trên màn hình điện thoại. **Quickword** hỗ trợ màu, in đậm, in nghiêng, và gạch chân.

Quickword hỗ trợ đọc các tài liệu lưu dưới dạng .doc trong Microsoft Word 97, 2000, và XP. Ứng dụng này chỉ hỗ trợ một số biến thể hoặc tính năng liên quan đến các dạng tập tin nói trên.

Xem thêm phần "**Thông tin thêm**", trên trang 110.

Xem tài liệu dạng Word

Để di chuyển trong tài liệu, sử dụng phím di chuyển.

Để tìm tài liệu có chứa một đoạn văn bản, chọn **Options (Tùy chọn) > Find (Tìm)**.

Bạn cũng có thể chọn **Options (Tùy chọn)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Go to (Chọn) — để di chuyển đến phần đầu, phần cuối, hoặc vị trí được chọn của tài liệu.

Zoom (Chỉnh tỷ lệ) — Để phóng to hoặc thu nhỏ

Autoscroll (Tự động di chuyển) — để tự động di chuyển qua tài liệu. Để ngừng di chuyển, bấm .

Quicksheet

Với **Quicksheet**, bạn có thể đọc các tập tin Microsoft Excel trên màn hình điện thoại.

Quicksheet hỗ trợ đọc các tập tin bảng tính lưu dưới dạng .xls trong Microsoft Excel 97, 2000, 2003, và XP. Ứng dụng này chỉ hỗ trợ một số biến thể hoặc tính năng liên quan đến các dạng tập tin nói trên.

Xem thêm phần "**Thông tin thêm**", trên trang 110.

Xem các bảng tính

Để di chuyển trong bảng tính, sử dụng phím di chuyển.

Để chuyển giữa các bảng tính, chọn **Options (Tùy chọn) > Worksheet (Bảng tính)**.

Để tìm bảng tính có chứa một đoạn văn bản trong một giá trị hoặc công thức, chọn **Options (Tùy chọn) > Find**.

Để thay đổi dạng hiển thị của bảng tính, chọn **Options (Tùy chọn)** và chọn các tùy chọn sau:

Pan — để duyệt qua bảng tính hiện thời theo các khối. Một khối gồm các cột và các hàng được hiển thị bởi một màn hình. Để hiển thị các cột và các hàng, sử dụng phím di chuyển để chọn một khối và chọn **OK**.

Zoom (Chỉnh tỷ lệ) — Để phóng to hoặc thu nhỏ

Freeze (Giữ) — Để luôn hiển thị hàng, cột được chọn, hoặc cả hai khi di chuyển trong bảng tính

Resize (Chỉnh kích thước) — để hiệu chỉnh kích thước của các cột hoặc các hàng.

Quickpoint

Với **Quickpoint**, bạn có thể đọc các thuyết trình Microsoft PowerPoint trên màn hình điện thoại.

Quickpoint hỗ trợ đọc các tập tin thuyết trình dạng .ppt do Microsoft Powerpoint 97, 2000, và XP tạo ra. Ứng dụng này chỉ hỗ trợ một số biến thể hoặc tính năng liên quan đến các dạng tập tin nói trên.

Xem thêm phần "**Thông tin thêm**", trên trang 110.

Xem tập tin thuyết trình

Để di chuyển giữa giao diện trang, bố cục, và ghi chú, bấm  hoặc .

Để di chuyển đến trang kế tiếp hoặc trang trước trong phần thuyết trình, bấm  hoặc .

Để xem thuyết trình ở chế độ vừa màn hình, chọn **Options (Tùy chọn) > Full screen (Toàn màn hình)**.

Để mở rộng các mục trong bố cục phần thuyết trình ở chế độ xem theo dạng bố cục, chọn **Options (Tùy chọn) > Expand entry (Mở rộng mục nhập)**.

Thông tin thêm

Nếu bạn gặp vấn đề với **Quickword**, **Quicksheet**, hoặc **Quickpoint**, hãy ghé thăm trang web www.quickoffice.com để có thêm thông tin. Bạn cũng có thể yêu cầu trợ giúp bằng cách gửi e-mail đến địa chỉ supportS60@quickoffice.com.

Cài đặt riêng điện thoại

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Điện thoại của bạn cũng được cấu hình đặc biệt dành cho nhà cung cấp mạng. Cấu hình này có thể làm thay đổi tên menu, thứ tự menu và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để có thêm thông tin.

- Để sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh đến các ứng dụng được sử dụng thường xuyên, xem phần "**Chế độ Active standby**", trên trang 114.
- Để thay đổi hình nền ở chế độ chờ hoặc nội dung hiển thị của màn hình bảo vệ, xem phần "**Thay đổi giao diện điện thoại**", trên trang 113.
- Để cài đặt riêng kiểu chuông, xem phần "**Profiles (Cấu hình) — cài âm báo**", trên trang 112 và phần "**Gán nhạc chuông cho các số liên lạc**", trên trang 76.



- Để thay đổi các phím tắt được gán cho các hướng di chuyển khác nhau của phím di chuyển và các phím chọn trái và phải khi ở chế độ chờ, xem phần "**Standby mode (Chế độ chờ)**", trên trang 117.
- Để thay đổi đồng hồ hiển thị ở chế độ chờ, bấm , và chọn **Clock (Đồng hồ) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Clock type (Kiểu đồng hồ) > Analogue (Đồng hồ cổ điển)** hoặc **Digital (Đồng hồ số)**.
- Để thay lời chào bằng một hình tĩnh hoặc một hình động, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Phone (Trên máy) > General (Bình thường) > Welcome note / logo (Lời chào / logo)**.
- Để thay đổi kiểu xem menu chính, trong menu chính, chọn **Options (Tùy chọn) > Change view (Đổi giao diện) > Grid (Đường kẻ ô)** hoặc **List (Danh sách)**.
- Để sắp xếp lại menu chính, trong menu chính, chọn **Options (Tùy chọn) > Move (Di chuyển), Move to folder (Đời đến thư mục),** hoặc **New folder (Thư mục mới)**. Bạn có thể di chuyển các ứng dụng ít sử dụng vào trong các thư mục và sắp xếp các ứng dụng thường dùng vào menu chính.



Profiles (Cấu hình) — cài âm báo

Để cài đặt và tùy chỉnh nhạc chuông, âm báo tin nhắn, và các âm báo khác cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Profiles (Cấu hình)**.

Để thay đổi cấu hình, bấm khi ở chế độ chờ. Di chuyển đến cấu hình bạn muốn kích hoạt và chọn **OK**.

Để chỉnh sửa một cấu hình, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Profiles (Cấu hình)**. Di chuyển đến cấu hình, và chọn **Options (Tùy chọn) > Personalise (Cài đặt riêng)**. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm để mở các tùy chọn. Các nhạc chuông lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng . Bạn có thể xem qua danh sách nhạc chuông và nghe từng giai điệu trước khi quyết định chọn. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm báo.

Khi bạn chọn một kiểu chuông, **Tone downloads (Nhạc âm tải về)** sẽ mở danh sách các chỉ mục. Bạn có thể chọn một chỉ mục và bắt đầu kết nối với trang Web để tải các kiểu chuông đó về.

Nếu bạn muốn điện thoại đọc tên người gọi khi đổ chuông, chọn **Options (Tùy chọn) > Personalise (Cài đặt riêng)**, và cài **Say caller's name (Đọc tên người gọi)** là **On (Bật)**. Tên người gọi phải được lưu trong **Contacts (Danh bạ)**.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options (Tùy chọn) > Create new (Tạo hình mới)**.

Cấu hình không trực tuyến

Cấu hình **Offline (Không trực tuyến)** cho phép bạn sử dụng điện thoại mà không cần kết nối với mạng không dây. Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline (Không trực tuyến)** kết nối với mạng vô tuyến sẽ tắt và được chỉ báo bằng thanh chỉ báo cường độ tín hiệu . Tất cả tín hiệu điện thoại vô tuyến đi và đến điện thoại của bạn đều bị cấm. Nếu bạn cố gửi tin nhắn, chúng sẽ được đưa vào hộp thư đi để gửi sau.



Cảnh báo: Trong cấu hình không trực tuyến, bạn không thể gọi (hoặc nhận) bất kỳ cuộc gọi nào, ngoại trừ gọi đến các số khẩn cấp nhất định, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi điện, bạn phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng cách thay đổi các cấu hình. Nếu điện thoại đã bị khóa, nhập mã khóa vào.



Cảnh báo: Bạn phải tắt điện thoại để sử dụng cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**. Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Khi kích hoạt cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**, bạn vẫn có thể sử dụng mạng LAN không dây (nếu có), ví dụ, để đọc e-mail hoặc trình duyệt trên Internet. Hãy nhớ tuân theo các yêu cầu an toàn có thể áp dụng khi thiết lập và sử dụng kết nối mạng LAN không dây. Xem phần "**Mạng LAN không dây**", trên trang 16.

Để thoát khỏi cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**, bấm phím nguồn, và chọn một cấu hình khác. Điện thoại sẽ kích hoạt lại các phiên truyền vô tuyến (với điều kiện cường độ tín hiệu đủ mạnh). Nếu một kết nối Bluetooth được kích hoạt trước khi sử dụng cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**, kết nối này sẽ bị ngắt. Kết nối Bluetooth sẽ tự động được kích hoạt trở lại sau khi thoát khỏi cấu hình **Offline (Không trực tuyến)**. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 96.



Thay đổi giao diện điện thoại

Để thay đổi giao diện màn hình, ví dụ như hình nền và các biểu tượng, bấm **⚙**, và chọn **Tools (Công**

cụ) > Themes (Chủ đề). Chủ đề hiện hành được chỉ báo bằng **✓**. Trong **Themes (Chủ đề)**, bạn có thể nhóm các phần tử từ các chủ đề khác hoặc chọn các hình ảnh trong **Gallery (Bộ sưu tập)** để cá nhân hóa chủ đề hơn nữa. Các chủ đề trên thẻ nhớ (nếu có) được chỉ báo bằng biểu tượng **📁**. Các chủ đề trên thẻ nhớ sẽ không khả dụng khi thẻ nhớ không được lắp vào điện thoại. Nếu bạn muốn sử dụng các chủ đề được lưu trong thẻ nhớ mà không cần đến thẻ nhớ, lưu các chủ đề này vào bộ nhớ điện thoại trước.

Để mở một kết nối trình duyệt và tải về thêm nhiều chủ đề, chọn **Theme downloads (Chủ đề tải xuống)**.

Để kích hoạt một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó, và chọn **Options (Tùy chọn) > Apply (Áp dụng)**. Để xem một chủ đề trước khi kích hoạt, chọn **Options (Tùy chọn) > Preview (Xem trước)**.

Để chỉnh sửa các chủ đề, di chuyển đến một chủ đề, và chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)** để thay đổi **Wallpaper (Hình nền)** và cài đặt **Power saver (Trình tiết kiệm điện)**.

Để khôi phục chủ đề được chọn trở về cài đặt gốc, chọn **Options (Tùy chọn) > Restore orig. theme (Khôi phục chủ đề gốc)** khi bạn chỉnh sửa một chủ đề.

Chế độ **Active standby**

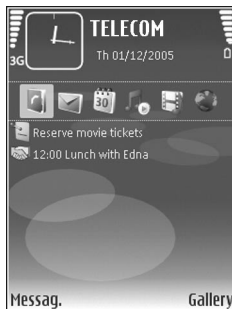
Sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh vào các ứng dụng bạn thường sử dụng. Theo mặc định, chế độ chờ sẽ được bật.

Bấm , chọn **Tools (Công cụ)** > **Settings (Cài đặt)** > **Phone (Trên máy)** > **Standby mode (Chế độ chờ)** > **Active standby (Chế độ active standby)**, và bấm  để bật hoặc tắt chế độ chờ.

Màn hình chờ sẽ được hiển thị với các ứng dụng mặc định ở phía trên màn hình, và lịch, công-việc, và các sự kiện của trình phát được liệt kê bên dưới.

Di chuyển đến một ứng dụng hoặc sự kiện và bấm .

Bạn không thể sử dụng các phím tắt của phím di chuyển chuẩn ở chế độ chờ khi chế độ chờ đang được kích hoạt.



Để thay đổi phím tắt của các ứng dụng mặc định, , chọn **Tools (Công cụ)** > **Settings (Cài đặt)** > **Phone (Trên máy)** > **Standby mode (Chế độ chờ)** > **Active standby apps. (Ứng dụng ở chế độ active standby)**, và bấm .

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.

Tools (Công cụ)



Media key (Phím media)

Để mở phím tắt được gán cho phím đa phương tiện, bấm . Để mở danh sách các ứng dụng đa phương tiện, bấm . Để mở ứng dụng bạn muốn, sử dụng phím di chuyển. Để thoát khỏi danh sách mà không chọn một ứng dụng, bấm và giữ .

Để đổi các phím tắt, bấm , và di chuyển xuống. Để đổi phím tắt mặc định, chọn **Multimedia key (Phím đa phương tiện)**. Để thay đổi các ứng dụng được hiển thị khi bấm , chọn **Top (Cao nhất)**, **Left (Trái)**, **Middle (Giữa)**, và **Right (Phải)** và chọn ứng dụng.

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.



Settings (Cài đặt)

Để thay đổi cài đặt, bấm và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt)**. Để mở một nhóm cài đặt, bấm . Di chuyển đến một cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm .

Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể cài sẵn một số cài đặt cho điện thoại, và có khả năng bạn không thể thay đổi các cài đặt này.



Phone settings (Cài đặt cho máy)

General (Bình thường)

Phone language (Ngôn ngữ điện thoại) — Việc thay đổi ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên điện thoại cũng sẽ ảnh hưởng đến dạng hiển thị ngày giờ và các dấu phân cách được sử dụng, ví dụ như trong các phép tính. **Automatic (Tự động)** chọn ngôn ngữ theo thông tin trên thẻ SIM. Sau khi thay đổi ngôn ngữ văn bản hiển thị, điện thoại sẽ khởi động lại.

Việc thay đổi các cài đặt của **Phone language (Ngôn ngữ điện thoại)** hoặc **Writing language (Ngôn ngữ viết)** sẽ ảnh hưởng lên mọi ứng dụng trong máy và những thay đổi vẫn có hiệu lực cho đến khi bạn lại thay đổi các cài đặt này lần nữa.

Writing language (Ngôn ngữ viết) — Việc thay đổi ngôn ngữ cũng tác động đến các ký tự và ký tự đặc biệt được sử dụng khi soạn thảo văn bản cũng như khi sử dụng từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán.

Predictive text (Văn bản tiên đoán) — Cài kiểu nhập văn bản tiên đoán là **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)** cho tất cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ không có sẵn cho tất cả ngôn ngữ.

Welcome note / logo (Lời chào / logo) — Biểu tượng chào hoặc lời chào sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại. Chọn **Default (Mặc định)** để sử dụng hình ảnh mặc định, **Text (Văn bản)** để nhập lời chào, hoặc **Image (Hình ảnh)** để chọn một hình ảnh trong **Gallery (Bộ sưu tập)**.

Orig. phone settings (Cài đặt gốc cho máy) — Bạn có thể cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần "**Security (Bảo mật)**", "**Phone and SIM (Điện thoại và thẻ SIM)**", trên trang 124. Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể khởi động lâu hơn. Các tài liệu và tập tin sẽ không bị ảnh hưởng.

Cover display (Màn hình phụ)

Personalisation (Cá nhân hóa)

Wallpaper (Hình nền) — Chọn hình nền hiển thị trên màn hình phụ khi ở chế độ chờ. Nếu bạn chọn **User defined (Do người dùng tạo)** trong cài đặt hình nền, khung công cụ cắt sẽ hiển thị ở phía trên cùng của hình bạn chọn. Khung công cụ cắt là kích cỡ của màn hình phụ, và bạn có thể chỉnh tỷ lệ, xoay, và cắt vùng của hình bạn muốn hiển thị trên màn hình phụ.

Closing animation (Đang đóng hoạt hình) — Chọn một hoạt hình ngắn để phát khi đóng nắp.

Closing tone (Âm đóng) — Chọn một đoạn nhạc ngắn để phát khi đóng nắp.

Opening tone (Âm mở) — Chọn một đoạn nhạc ngắn để phát khi mở nắp và khi điện thoại đang ở chế độ chờ.

Calls (Cuộc gọi):

Answer if fold opened (Trả lời nếu nắp gập mở) — Chọn **No (Không)** hoặc **Yes (Có)**.

If fold closed (Nếu nắp gập được đóng) — Chọn **End call (Ngưng gọi)** hoặc **Activate loudspeaker (Bật loa)**.

Standby mode (Chế độ chờ)

Active standby (Chế độ active standby) — Sử dụng các phím tắt tới các ứng dụng ở chế độ chờ. Xem phần "**Chế độ Active standby**", trên trang 114.

Left selection key (Phím chọn trái) — Gán một phím tắt cho phím chọn trái (↶) ở chế độ chờ.

Right selection key (Phím chọn phải) — Gán một phím tắt cho phím chọn phải (↷) ở chế độ chờ.

Active standby apps. (Ứng dụng ở chế độ active standby) — Chọn các phím tắt của ứng dụng bạn muốn hiển thị ở chế độ chờ. Cài đặt này chỉ có khi chế độ **Active standby (Chế độ active standby)** được bật.

Bạn cũng có thể gán các phím tắt trên bàn phím cho những thao tác khác nhau trên phím di chuyển. Phím tắt trên phím di chuyển sẽ không có hiệu lực khi điện thoại bật chế độ chờ.

Operator logo (Logo mạng) — Cài đặt này chỉ khả dụng nếu bạn đã nhận và lưu một logo mạng. Chọn **Off (Tắt)** nếu bạn không muốn hiển thị logo này.

Display (Màn hình)

Brightness (Độ sáng) — Điều chỉnh độ sáng màn hình sang mức sáng hơn hoặc tối hơn. Tuy nhiên, trong điều kiện vô cùng sáng, độ sáng của màn hình sẽ được điều chỉnh tự động.

Power saver time-out (Thời gian chờ của chế độ tiết kiệm điện) — Chọn thời gian chờ mà sau đó màn hình riêng sẽ được kích hoạt.

Light time-out (Thời gian chờ tắt đèn) — Chọn thời gian mà sau đó đèn nền trên màn hình sẽ tắt.



Call settings (Cài đặt cuộc gọi)

Send my caller ID (Báo số) — Bạn có thể cài hiển thị (**Yes (Có)**) hoặc ẩn (**No (Không)**) số điện thoại của bạn trên máy của người mà bạn đang gọi, hoặc giá trị này có thể được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cài đặt trước khi bạn đăng ký thuê bao (**Set by network (Lựa chọn gốc)**) (dịch vụ mạng).

Call waiting (Cuộc gọi chờ) — Nếu bạn đã kích hoạt chức năng cuộc gọi chờ (dịch vụ mạng), mạng sẽ thông báo cho bạn biết có cuộc gọi mới trong khi đang gọi. Bật (**Activate (Khởi động)**) hoặc tắt (**Cancel (Hủy)**) chức năng chờ cuộc gọi chờ, hoặc kiểm tra xem chức năng này có được kích hoạt hay không (**Check status (Hiện trạng)**).

Reject call with SMS (Từ chối cuộc gọi cùng với SMS) — Chọn **Yes (Có)** để gửi tin nhắn văn bản đến người gọi nhằm thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Xem phần "**Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi**", trên trang 68.

Message text (Tin nhắn văn bản) — Viết đoạn văn bản sẽ được gửi dưới dạng tin nhắn văn bản khi bạn từ chối một cuộc gọi.

Image in video call (Hình trong cuộc gọi video) — Bạn có thể từ chối gửi hình ảnh động khi nhận một cuộc gọi video. Chọn hình tĩnh sẽ được hiển thị thay cho video.

Automatic redial (Tự gọi lại) — Chọn **On (Bật)**, và điện thoại sẽ cố gọi lại tối đa 10 lần sau lần gọi không thành công. Để ngừng chức năng gọi lại tự động, bấm .

Summary after call (Chi tiết cuộc gọi) — Kích hoạt cài đặt này để điện thoại hiển thị văn tắt thời lượng xấp xỉ của cuộc gọi sau cùng.

Speed dialling (Quay số nhanh) — Chọn **On (Bật)**, bấm và giữ phím này để quay các số điện thoại đã được gán cho các phím quay nhanh (2 – 9). Xem thêm phần "[Quay nhanh một số điện thoại](#)", trên trang 62.

Anykey answer (Phím bất kỳ) — Chọn **On (Bật)**, và bạn có thể trả lời cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh phím bất kỳ, ngoại trừ phím , , , và .

Line in use (Số máy đang sử dụng) — Cài đặt này (dịch vụ mạng) chỉ được hiển thị khi thẻ SIM hỗ trợ hai số thuê bao, nghĩa là có hai số điện thoại thuê

bao. Chọn số điện thoại bạn muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn văn bản. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số máy nào. Nếu bạn chọn **Line 2 (Số máy 2)** nhưng chưa thuê bao dịch vụ mạng này, bạn sẽ không thực hiện được cuộc gọi. Khi số máy 2 được chọn, **2** sẽ hiển thị khi ở chế độ chờ.

 **Mẹo!** Để chuyển đổi giữa các số máy, bấm và giữ # khi ở chế độ chờ.

Line change (Đổi số máy) — Để ngăn việc lựa chọn số thuê bao (dịch vụ mạng), chọn **Disable (Vô hiệu)** nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Để thay đổi cài đặt này, bạn cần mã PIN2.



Connection (Kết nối)

Kết nối dữ liệu và điểm truy cập

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói, ví dụ như GPRS trong mạng GSM. Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS, các kết nối đa dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc và các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu.

Bạn cũng có thể sử dụng một kết nối dữ liệu mạng LAN không dây. Xem phần "[Mạng LAN không dây](#)", trên trang 16. Chỉ có thể có một kết nối hoạt động trong một mạng LAN không dây cùng một lúc.

Để thiết lập một kết nối dữ liệu, bạn cần phải có một điểm truy cập. Bạn có thể xác định nhiều điểm truy cập khác nhau, ví dụ như:

- Điểm truy cập MMS dùng để gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện,
- Điểm truy cập dành cho ứng dụng Web để xem các trang WML hoặc XHTML
- Điểm truy cập (IAP) dùng để gửi và nhận e-mail và kết nối vào Internet.

Đối với các dịch vụ bạn muốn truy cập, bạn cần phải tham khảo ý kiến nhà cung cấp dịch vụ về loại điểm truy cập. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ kết nối dữ liệu gói, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Access points (Điểm truy cập)

Bạn có thể nhận cài đặt điểm truy cập dưới dạng tin nhắn từ nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)", trên trang 52. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới,

chỉnh sửa, hay xóa chúng.  cho biết điểm truy cập được bảo vệ.

Biểu tượng  cho biết điểm truy cập dữ liệu gói, và  cho biết điểm truy cập mạng LAN không dây.

 **Mẹo!** Để tạo điểm truy cập Internet trong một mạng LAN không dây, bấm , và chọn **Connect (Kết nối) > Conn mgr (Quản lý kết nối) > Availab. (Tính khả dụng) WLAN > Options (Tùy chọn) > Define access point (Xác định điểm truy cập)**.

Để tạo một điểm truy cập mới, chọn **Options (Tùy chọn) > New access point (Điểm truy cập mới)**. Để chỉnh sửa cài đặt cho một điểm truy cập, chọn **Options (Tùy chọn) > Edit (Chỉnh sửa)**. Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Connection name (Tên kết nối) — Đặt tên mô tả cho kết nối.

Data bearer (Sóng mạng) — Chọn kiểu kết nối dữ liệu:

Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng. Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined (Phải được xác định)**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà cung cấp dịch vụ mạng phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

Dữ liệu gói

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Access point name (Tên điểm truy cập) — Bạn có thể nhập tên điểm truy cập do nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

User name (Tên thuê bao) — Máy sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, và tên thuê bao này thường do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Prompt password (Nhắc nhập mật mã) — Nếu bạn muốn nhập mật mã mỗi khi đăng nhập vào server, hoặc nếu bạn muốn lưu mật mã vào máy, chọn **Yes (Có)**.

Password (Mật mã) — Máy sẽ yêu cầu mật mã để thiết lập kết nối dữ liệu, và mật mã này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Authentication (Xác thực) — Chọn **Normal (Bình thường)** hoặc **Secure (An toàn)**.

Homepage (Trang chủ) — Tùy thuộc vào điểm truy cập bạn đang thiết lập, nhập địa chỉ trang Web hoặc địa chỉ của trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced settings (Cài đặt nâng cao)** để thay đổi các thông số cài đặt cấu hình sau:

Network type (Loại mạng) — Chọn loại giao thức Internet để sử dụng: **IPv4 settings (Cài đặt IPv4)** hoặc **IPv6 settings (Cài đặt IPv6)**. Các thông số cài đặt khác tùy thuộc vào loại mạng được chọn.

Phone IP address (Địa chỉ điện thoại IP) (chỉ IPv4) — Nhập địa chỉ IP của điện thoại.

DNS address (Địa chỉ DNS) — Trong **Primary name serv.: (Server tên chính:)**, nhập địa chỉ IP của server DNS chính. Trong **Second. name server: (Server tên phụ:)**, nhập địa chỉ IP của server DNS thứ hai. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.

Proxy serv. address (Địa chỉ server proxy) — Xác định địa chỉ của server proxy.

Proxy port number (Số cổng proxy) — Nhập số cổng proxy.

Mạng LAN không dây

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

WLAN netw. name (Tên mạng WLAN) — Chọn **Enter manually (Nhập theo cách thủ công)** hoặc **Search for netw. (Tìm mạng)**. Nếu bạn chọn một

mạng hiện có, **WLAN netw. mode (Chế độ mạng WLAN)** và **WLAN security mode (Chế độ bảo mật WLAN)** được xác định bởi các thông số cài đặt của thiết bị điểm truy cập của mạng.

WLAN netw. mode (Chế độ mạng WLAN) — Chọn **Ad-hoc** để tạo một mạng ad hoc và cho phép các thiết bị trực tiếp gửi và nhận dữ liệu; không cần thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây.

WLAN security mode (Chế độ bảo mật WLAN) — Chọn chế độ mã hóa được sử dụng: **WEP**, **802.1x** (không áp dụng với các mạng ad hoc), hoặc **WPA/WPA2**. Nếu bạn chọn **Open network (Mở mạng)**, sẽ không có mã hóa được sử dụng. Các chức năng WEP, 802.1x, và WPA chỉ có thể được sử dụng nếu được mạng hỗ trợ.

WLAN security sett. (Cài đặt bảo mật WLAN) — Nhập thông số cài đặt cho chế độ bảo mật đã chọn.

Cài đặt bảo mật cho **WEP**:

WEP key in use (Mã khóa WEP đang sử dụng) — Chọn mã khóa WEP. Bạn có thể tạo tối đa bốn khóa WEP. Thông số cài đặt cho thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây phải giống với các thông số này.

Authentication type (Kiểu xác thực) — Chọn **Open (Mở)** hoặc **Shared (Chia sẻ)** cho kiểu xác nhận giữa điện thoại của bạn và thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây.

WEP key settings (Cài đặt mã khóa WEP) — Nhập **WEP encryption (Mã hóa WEP)** (độ dài của khóa), **WEP key format (Định dạng mã khóa WEP) (ASCII hoặc Hexadecimal (Hệ thập lục phân))**, và **WEP key (Mã khóa WEP)** (dữ liệu khóa WEP theo định dạng đã chọn).

Cài đặt bảo mật cho **802.1x** và **WPA/WPA2**:

WPA mode (Chế độ thẻ SIM) — Chọn phương tiện xác nhận. **EAP** để sử dụng một plug-in giao thức xác nhận có thể mở rộng (EAP), hoặc **Pre-shared key (Mã khóa chia sẻ trước)** để sử dụng mật mã. Hoàn tất cài đặt thích hợp.

EAP plug-in settings (Cài đặt EAP plug-in) (chỉ với **EAP**) — Nhập thông số cài đặt như hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

Pre-shared key (Mã khóa chia sẻ trước) (chỉ với **Pre-shared key (Mã khóa chia sẻ trước)**) — Nhập một mật mã. Mật mã nhập trên thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây cũng phải giống mật mã này.

TKIP encryption (Mã hóa TKIP) — Chọn sử dụng hoặc không sử dụng Giao Thức Toàn Vẹn Khóa Thời Gian (TKIP).

Homepage (Trang chủ) — Xác định một trang chủ. Chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced settings (Cài đặt nâng cao)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

IPv4 settings (Cài đặt IPv4): Phone IP address (Địa chỉ điện thoại IP) (địa chỉ IP của điện thoại), **Subnet mask** (địa chỉ IP của mạng cấp dưới), **Default gateway (Cổng mặc định)** (cổng), và **DNS address (Địa chỉ DNS)** —nhập địa chỉ IP của server DNS chính và phụ. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.

IPv6 settings (Cài đặt IPv6) > DNS address (Địa chỉ DNS) — Chọn **Automatic (Tự động)**, **Well-known (Đã biết)**, hoặc **User defined (Do người dùng tạo)**.

Ad-hoc channel (Kênh Ad-hoc) (chỉ với **Ad-hoc**) — Để nhập mã số kênh (1-11) bằng tay, chọn **User defined (Do người dùng tạo)**.

Proxy serv. address (Địa chỉ server proxy) — Xác định địa chỉ của server proxy.

Proxy port number (Số cổng proxy) — Nhập số cổng proxy.

Packet data (Dữ liệu gói)

Các cài đặt dữ liệu gói ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Packet data conn. (Kết nối dữ liệu gói) — Nếu bạn chọn **When available (Khi khả dụng)** và bạn đang ở trong mạng có hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng để truyền dữ liệu. Việc bắt đầu một kết nối dữ liệu gói hiện hành (ví dụ để gửi và nhận e-mail)

sẽ được thực hiện nhanh hơn. Nếu không nằm trong vùng phủ sóng của dịch vụ dữ liệu, điện thoại sẽ tìm cách khởi tạo một kết nối dữ liệu gói theo định kỳ. Nếu bạn chọn **When needed (Khi cần)**, điện thoại sẽ chỉ sử dụng kết nối truyền dữ liệu khi nào bạn kích hoạt một ứng dụng hay tác vụ cần đến kết nối này.

Access point (Điểm truy cập) — Cần có tên điểm truy cập để sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy tính.

Wireless LAN (Mạng LAN không dây)

Show availability (Hiển thị tính khả dụng) — Chọn hiển thị hoặc không hiển thị biểu tượng  khi có một mạng LAN không dây.

Scan for networks (Quét mạng) — Nếu bạn cài **Show availability (Hiển thị tính khả dụng)** là **Yes (Có)**, chọn chu kỳ mà điện thoại sẽ dò tìm mạng LAN không dây và cập nhật chỉ báo này.

Để xem các cài đặt nâng cao, chọn **Options (Tùy chọn) > Advanced settings (Cài đặt nâng cao)**. Bạn không nên thay đổi cài đặt nâng cao của mạng LAN không dây.

Configs. (Cấu hình)

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt server tin cậy từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình, hoặc các thông số này có thể đã được lưu trong thẻ SIM hoặc thẻ

USIM. Bạn có thể lưu các thông số cài đặt này vào điện thoại, xem, hoặc xóa các thông số này trong **Configs. (Cấu hình)**.



Date and time (Ngày giờ)

Xem phần **"Cài đặt đồng hồ"**, trên trang 14 và mục cài đặt ngôn ngữ trong phần **"General (Bình thường)"**, trên trang 115.



Security (Bảo mật)

Phone and SIM (Điện thoại và thẻ SIM)

PIN code request (Hỏi mã PIN) — Khi kích hoạt tính năng này, bạn sẽ phải nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Một số thẻ SIM có thể không cho phép tắt tính năng yêu cầu mã số nhận dạng cá nhân (PIN). Xem phần **"Thuật ngữ mã PIN và mã khóa"**, trên trang 124.

PIN code (Mã UPIN), PIN2 code (Mã PIN2), và Lock code (Mã khóa) — Bạn có thể thay đổi mã khóa, mã PIN và mã PIN2. Các mã này có thể chỉ gồm các số từ 0 đến 9. Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của

bạn. Xem phần **"Thuật ngữ mã PIN và mã khóa"**, trên trang 124.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để tránh việc tình cờ quay số khẩn cấp.

Autolock period (Thời gian tự động khóa) —

Bạn có thể cài khoảng thời gian tự động khóa, thời gian chờ mà sau đó điện thoại sẽ tự động khóa lại. Để tắt thời gian tự động khóa, chọn **None (Không có gì)**.

Để mở khóa điện thoại, nhập mã khóa vào.

Khi điện thoại bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.



Mẹo! Để khóa điện thoại theo cách thủ công, bấm **(1)**. Danh sách các lệnh sẽ mở ra. Chọn **Lock phone (Khóa máy)**.

Lock if SIM changed (Khóa nếu đổi SIM) — Bạn có thể cài điện thoại yêu cầu nhập mã khóa khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc được lắp vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

Closed user group (Nhóm nội bộ) — Bạn có thể xác định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ hoặc ngược lại (dịch vụ mạng).

Mặc dù các cuộc gọi bị giới hạn trong các nhóm gọi nội bộ, bạn vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến các số khẩn cấp được lập trình trong máy.

Confirm SIM services (Xác nhận dịch vụ SIM) —

Bạn có thể cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM (dịch vụ mạng).

Thuật ngữ mã PIN và mã khóa

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Mã số nhận diện cá nhân (PIN) — Mã này dùng để bảo vệ thẻ SIM không bị sử dụng trái phép. Mã PIN (4 đến 8 chữ số) thường được cấp cùng với thẻ SIM. Sau khi nhập sai mã PIN ba lần liên tiếp, mã PIN sẽ bị khóa lại, và bạn cần có mã PUK để mở khóa.

Mã UPIN — Mã này có thể được cung cấp cùng với thẻ USIM. Thẻ USIM là phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được cung cấp cùng với điện thoại di động UMTS.

Mã PIN2 — Mã này (4 đến 8 chữ số) được cung cấp cùng với thẻ SIM, và cần để truy cập vào một số chức năng trong điện thoại.

Mã khóa (còn được gọi là mã bảo vệ) — Mã này (5 chữ số) có thể được sử dụng để khóa điện thoại, ngăn không cho sử dụng điện thoại trái phép. Giá

trị cài đặt gốc của mã khóa là **12345**. Để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng trái phép, hãy thay đổi mã khóa này. Giữ kỹ mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại. Nếu bạn quên mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Mã số Mở khóa Cá nhân (PUK) và mã PUK2 — Các mã này (8 chữ số) sẽ cần để thay đổi mã PIN hoặc mã PIN2 bị khóa tương ứng. Nếu các mã này không được cấp cùng với thẻ SIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ SIM bạn đang dùng.

Mã UPUK — Mã này (8 chữ số) cần để thay đổi mã UPIN bị khóa. Nếu mã này không được cấp cùng với thẻ USIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ USIM bạn đang dùng.

Certif. management (Quản lý chứng chỉ)

Các chứng chỉ kỹ thuật số không phải là sự bảo đảm an toàn, chứng chỉ được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm.

Trong giao diện quản lý chứng chỉ, bạn sẽ thấy một danh sách các chứng chỉ hợp lệ được lưu trong điện thoại của bạn. Bấm  để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân nếu có.

Bạn nên sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số nếu bạn muốn kết nối với một ngân hàng trực tuyến hoặc địa chỉ trang web hoặc server từ xa khác để thực hiện

các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao các thông tin mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virus hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để chắc chắn về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm.



Chú ý: Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng vẫn phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Các chứng chỉ này tự bản thân chúng không cung cấp các tính năng bảo mật; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ chính xác, xác thực hoặc đáng tin cậy để đảm bảo cải thiện tính an toàn khả dụng. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu thông báo **Expired certificate (Chứng chỉ hết hạn)** hoặc **Certificate not valid yet (Chứng chỉ chưa có hiệu lực)** hiển thị, ngay cả khi chứng nhận của bạn vẫn còn hợp lệ, bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy bạn có được cài đúng không.

Xem chi tiết chứng chỉ — kiểm tra tính xác thực

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của máy chủ được kiểm tra.

Bạn sẽ được thông báo nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ thích hợp trong điện thoại.

Để kiểm tra chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ, và chọn **Options (Tùy chọn) > Certificate details (Chi tiết chứng chỉ)**. Khi bạn mở xem chi tiết của chứng chỉ, tính hợp lệ của chứng chỉ sẽ được kiểm tra, và một trong số các thông báo sau đây có thể xuất hiện:

- **Certificate not trusted (Chứng chỉ không tin cậy)** — Bạn chưa cài đặt bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ này. Xem phần "[Thay đổi cài đặt về độ tin cậy](#)", trên trang 126.
- **Expired certificate (Chứng chỉ hết hạn)** — Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn đã kết thúc.
- **Certificate not valid yet (Chứng chỉ chưa có hiệu lực)** — Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn chưa bắt đầu.
- **Certificate corrupted (Chứng chỉ bị lỗi)** — Không thể sử dụng chứng chỉ. Liên hệ với nơi phát hành chứng chỉ.

Thay đổi cài đặt về độ tin cậy

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Di chuyển đến một chứng chỉ hợp lệ, và chọn **Options (Tùy chọn) > Trust settings (Cài đặt ủy thác)**. Tùy theo loại chứng chỉ được chọn, một danh sách các ứng dụng có thể dùng đến chứng chỉ này sẽ được hiển thị. Ví dụ:

- **Symbian installation (Cài đặt Symbian): Yes (Có)** — Chứng chỉ có thể xác nhận nguồn gốc của một ứng dụng hệ điều hành Symbian mới.
- **Internet: Yes (Có)** — Chứng chỉ có thể chứng nhận các server.
- **App. installation (Cài đặt ứng dụng): Yes (Có)** — Chứng chỉ có thể chứng nhận nguồn gốc của ứng dụng Java™ mới.

Chọn **Options (Tùy chọn) > Edit trust setting (Chỉnh sửa cài đặt tin cậy)** để thay đổi giá trị.

Track protect. object (Theo dõi đối tượng được bảo vệ)

Một số tập tin nhạc được bảo hộ bởi bản quyền tác giả có thể có chứa một tên nhận dạng giao dịch. Chọn cho phép hoặc không cho phép gửi tên nhận

dạng này cùng với tập tin nhạc nếu bạn gửi hoặc gửi chuyển tiếp tập tin này. Nhà cung cấp tập tin nhạc có thể sử dụng tên nhận dạng này để theo dõi việc phân phối các tập tin.

EAP plug-ins (EAP plug-in)

Bạn có thể xem các plug-in EAP hiện đang được cài trong điện thoại (dịch vụ mạng). Một số điểm truy cập Internet sử dụng mạng LAN không dây làm đường truyền dữ liệu và chế độ bảo mật WPA sử dụng các plug-in để xác nhận.



Call divert (Chuyển hướng)

Call divert (Chuyển hướng) cho phép bạn chuyển hướng các cuộc gọi đến hộp thư thoại hoặc một số điện thoại khác. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Chọn cuộc gọi bạn muốn chuyển hướng và tùy chọn chuyển hướng. Để chuyển hướng các cuộc gọi thoại khi máy bận hoặc khi bạn từ chối cuộc gọi đến, chọn **If busy (Nếu bận)**. Bật (**Activate (Khởi động)**) hoặc tắt (**Cancel (Hủy)**) chức năng chuyển hướng, hoặc kiểm tra xem chức năng này có được kích hoạt không (**Check status (Hiện trạng)**).

Bạn có thể khởi động nhiều tùy chọn chuyển hướng cùng một lúc. Khi tắt cả cuộc gọi được chuyển hướng,  sẽ hiển thị ở chế độ chờ.

Bạn không thể sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.



Call barring (Chặn cuộc gọi)

Chức năng **Call barring (Chặn cuộc gọi)** (dịch vụ mạng) cho phép bạn hạn chế cuộc gọi đi hoặc nhận cuộc gọi đến. Để thay đổi các cài đặt này, bạn cần mật mã hạn chế cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Chọn tùy chọn chặn cuộc gọi bạn muốn và bật (**Activate (Khởi động)**) hoặc tắt (**Cancel (Hủy)**) chức năng này hoặc kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt chưa (**Check status (Hiện trạng)**). **Call barring (Chặn cuộc gọi)** sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Bạn không thể sử dụng chức năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.

Khi các cuộc gọi bị hạn chế, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.



Network (Mạng)

Điện thoại của bạn có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS. Mạng GSM được chỉ báo bằng  khi ở chế độ chờ. Mạng UMTS được chỉ báo bằng **3G**.

Network mode (Chế độ mạng) (chỉ hiển thị khi được nhà điều hành mạng hỗ trợ) — Chọn mạng để sử dụng. Nếu bạn chọn **Dual mode (Chế độ kép)**, điện thoại sẽ tự động chọn mạng GSM hoặc UMTS tùy thuộc vào các thông số mạng và thỏa thuận hòa mạng giữa các nhà điều hành mạng. Liên hệ với nhà điều hành mạng để biết thêm chi tiết.

Operator selection (Chọn nhà điều hành) — Chọn **Automatic (Tự động)** để cài điện thoại tìm và chọn một trong các mạng hiện có, hoặc **Manual (Thủ công)** để chọn mạng trong danh sách mạng theo cách thủ công. Nếu việc kết nối vào mạng bạn tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng bạn đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng dùng cho thẻ SIM của bạn.



Chú giải: Thỏa thuận hòa mạng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ mạng cho phép người sử dụng dịch vụ của một nhà cung cấp dịch vụ sử dụng dịch vụ của những nhà cung cấp dịch vụ khác.

Cell info display (Thông tin mạng) — Chọn **On (Bật)** để cài điện thoại chỉ báo khi điện thoại được sử dụng trong mạng di động dựa trên công nghệ mạng MCN và để nhận thông tin về mạng này.



Enhanc. sett. (Cài đặt phụ kiện)

Ở chế độ chờ, biểu tượng  cho biết có một tai nghe tương thích được kết nối, và  cho biết không có tai nghe, hoặc kết nối Bluetooth với tai nghe bị mất.  cho biết có một thiết bị trợ thính được kết nối và  cho biết có một **Text phone** được kết nối.

Chọn **Headset (Tai nghe)**, **Loopset (Bộ trợ thính)**, **Text phone**, **Bluetooth handsfree (Sử dụng loa qua kết nối Bluetooth)**, **Music stand (Đế nhạc)** hoặc **Car kit (Bộ phụ kiện trên xe)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Default profile (Cấu hình mặc định) — Cài cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi kết nối một phụ

kiện nào đó với điện thoại. Xem phần "**Profiles (Cấu hình) — cài âm báo**", trên trang 112.

Automatic answer (Trả lời tự động) — Cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu kiểu chuông báo được cài sang **Beep once (1 hồi bíp)** hoặc **Silent (Im lặng)** sẽ tắt chức năng trả lời tự động. Chức năng trả lời tự động không khả dụng với **Text phone**.

Lights (Đèn) (dành cho để nhạc và bộ phụ kiện trên xe) — Cài giữ đèn bật, hoặc tắt đèn sau một khoảng thời gian chờ.

Nếu bạn muốn sử dụng **Text phone**, bạn phải kích hoạt chức năng này trên điện thoại. Bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Enhancement (Phụ kiện) > Text phone > Use text phone (Sử dụng text phone) > Yes (Có)**.

Cài cấu hình tivi

Bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > TV out (Ngõ ra tivi)**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

TV system (Hệ thống TV) — Chọn **PAL** cho định dạng hệ PAL và SECAM TV hoặc **NTSC** cho định dạng hệ NTSC TV.

Ratio (Tỷ lệ) — Chọn **4:3** hoặc **16:9**.



Lệnh thoại

Bạn có thể sử dụng lệnh thoại để điều khiển điện thoại của bạn. Để biết thêm thông tin về các lệnh thoại được điện thoại hỗ trợ, xem phần "[Lệnh thoại](#)", trên trang [62](#).

Để kích hoạt lệnh thoại khởi động ứng dụng hoặc cấu hình, bạn phải mở ứng dụng **Voice cm. (Lệnh thoại)** và thư mục **Profiles (Cấu hình)** của ứng dụng này. Bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Voice cm. (Lệnh thoại) > Profiles (Cấu hình)**; điện thoại sẽ tạo khẩu lệnh cho ứng dụng và cấu hình. Để sử dụng lệnh thoại cài tiến, bấm và giữ  ở chế độ chờ, và đọc lệnh thoại. Lệnh thoại là tên của ứng dụng hoặc cấu hình được hiển thị trong danh sách.

Để thêm ứng dụng vào danh sách, chọn **Options (Tùy chọn) > New application (Ứng dụng mới)**. Để thêm lệnh thoại thứ hai được sử dụng để khởi động ứng dụng, chọn **Options (Tùy chọn) > Change command (Đổi lệnh)**, và nhập lệnh thoại mới vào dưới dạng văn bản. Tránh sử dụng các tên quá ngắn, từ rút ngắn và từ viết tắt.

Để nghe khẩu lệnh tổng hợp, chọn **Options (Tùy chọn) > Playback (Phát lại)**.

Để thay đổi cài đặt lệnh thoại, chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)**. Để tắt bộ tổng hợp phát lại các khẩu lệnh và lệnh thoại bằng ngôn ngữ điện thoại được chọn, chọn **Synthesiser (Bộ tổng hợp) > Off (Tắt)**. Để cài lại chức năng học nhận biết giọng nói, ví dụ như khi người sử dụng chính của điện thoại đã thay đổi, chọn **Reset voice adapts. (Cài lại chức năng nhận giọng nói)**.



Quản lý ứng dụng

Bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > App. mgr. (Quản lý ứng dụng)**. Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:

- Ứng dụng J2ME™ dựa trên công nghệ Java có phần mở rộng là .jad hoặc .jar ().
- Các ứng dụng và phần mềm khác tương thích với hệ điều hành Symbian (). Các tập tin cài đặt có phần mở rộng .sis. Chỉ cài đặt phần mềm được thiết kế dành riêng cho điện thoại Nokia N93. Nhà cung cấp phần mềm sẽ luôn đề cập đến số hiệu chính thức của sản phẩm: Nokia N93-1.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy tính tương thích về điện thoại, được tải về trong khi trình duyệt, hoặc được gửi cho bạn dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail,

hoặc qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Bạn có thể sử dụng Nokia PC Suite để cài đặt một ứng dụng cho điện thoại. Nếu bạn sử dụng Microsoft Windows Explorer để truyền một tập tin, lưu tập tin này vào một thẻ nhớ (ổ đĩa nội bộ).

Cài đặt phần mềm và ứng dụng

Biểu tượng  cho biết một ứng dụng .sis,  ứng dụng Java,  ứng dụng chưa được cài đầy đủ, và  cho biết ứng dụng được cài trên thẻ nhớ.

 **Chú ý:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ các nguồn đảm bảo tính bảo mật và bảo vệ chống lại phần mềm có hại.

Trước khi cài đặt, lưu ý các điểm sau:

- Để xem loại ứng dụng, số phiên bản, và nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất ứng dụng, chọn **Options (Tùy chọn) > View details (Xem chi tiết)**.
- Để hiển thị chi tiết chứng chỉ bảo mật của ứng dụng, chọn **Options (Tùy chọn) > View certificate (Xem chứng chỉ)**. Xem phần "**Certif. management (Quản lý chứng chỉ)**", trên trang 124.

- Nếu bạn cài đặt tập tin có chứa phiên bản cập nhật hoặc bản sửa lỗi cho ứng dụng hiện tại, bạn chỉ có thể khôi phục lại ứng dụng gốc nếu bạn có tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục ứng dụng gốc, gỡ bỏ ứng dụng và cài đặt lại ứng dụng từ tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự-phòng.
 - Bạn sẽ cần đến tập tin .jar để cài đặt ứng dụng Java. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho ứng dụng, bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin .jar về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã.
- Để định vị một tập tin, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > App. mgr. (Quản lý ứng dụng)**. Cách khác, tìm trong bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ (nếu có) trong **File mgr. (Quản lý tập tin)**, hoặc mở tin nhắn trong **Messag. (Tin nhắn) > Inbox (Hộp thư đến)** có chứa tập tin cài đặt.
 - Trong menu **App. mgr. (Quản lý ứng dụng)**, chọn **Options (Tùy chọn) > Install (Cài đặt)**. Trong các ứng dụng khác, di chuyển đến tập tin cài đặt, và bấm  để bắt đầu cài đặt.

Trong khi cài đặt, điện thoại sẽ hiển thị thông tin liên quan đến tiến trình cài đặt. Nếu bạn cài đặt ứng dụng không có chữ ký kỹ thuật số hoặc chứng chỉ, điện thoại sẽ hiển thị một cảnh báo. Bạn chỉ tiếp tục cài đặt nếu bạn đã chắc chắn nguồn gốc và nội dung ứng dụng.

Để khởi động một ứng dụng đã cài đặt, định vị ứng dụng này trong menu và bấm .

Để kết nối mạng và xem thông tin bổ sung về ứng dụng, chọn **Options (Tùy chọn) > Go to web address (Tới địa chỉ web)**, nếu có.

Để xem gói phần mềm ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ và được thực hiện khi nào, chọn **Options (Tùy chọn) > View log (Xem nhật ký)**.

Để gửi nhật ký cài đặt của bạn đến trung tâm trợ giúp để họ có thể biết ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ, chọn **Options (Tùy chọn) > Send log (Gửi nhật ký) > Via text message (Dưới dạng tin nhắn văn bản)** hoặc **Via e-mail (Qua e-mail)** (chỉ có nếu địa chỉ e-mail được cài đặt đúng).

 **Chú ý:** Điện thoại của bạn chỉ có thể hỗ trợ một ứng dụng chống virus. Việc sử dụng nhiều ứng dụng có chức năng chống virus có thể ảnh hưởng đến hoạt động của điện thoại hoặc làm cho điện thoại ngừng hoạt động.

Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm

Di chuyển đến một gói phần mềm, và chọn **Options (Tùy chọn) > Remove (Xóa)**. Chọn **Yes (Có)** để xác nhận.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ bỏ. Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được tài liệu được tạo bằng phần mềm đó.



Lưu ý: Nếu có bộ phần mềm khác phụ thuộc vào phần mềm bị gỡ bỏ, bộ phần mềm đó có thể không hoạt động được nữa. Tham khảo tài liệu về bộ phần mềm để biết chi tiết.

Cài đặt

Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt)** và các tùy chọn sau:

Online certif. check (Kiểm tra chứng chỉ trực tuyến) — Chọn để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến trước khi cài đặt ứng dụng.

Default web address (Địa chỉ web mặc định) — Cài địa chỉ mặc định được sử dụng khi kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến.

Một số ứng dụng Java có thể yêu cầu thực hiện cuộc gọi, gửi tin nhắn, hoặc kết nối mạng đến điểm truy cập được chỉ định để tải về các dữ liệu hoặc thành phần bổ sung. Trong cửa sổ chính của **App. mgr. (Quản lý ứng dụng)**, di chuyển đến một ứng dụng và, chọn **Options (Tùy chọn) > Suite settings (Cài đặt cho bộ)** để thay đổi các cài đặt liên quan đến ứng dụng cụ thể đó.



Mã khóa kích hoạt cho các tập tin được bảo vệ bởi bản quyền tác giả

Việc bảo hộ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông) hay nội dung khác.

Để xem các mã khóa kích hoạt bản quyền kỹ thuật số được lưu trong máy, bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Actv. keys (Mã khóa kích hoạt)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Valid keys (Mã khóa hợp lệ) — Xem các mã khóa được kết nối với một hoặc nhiều tập tin media và những mã khóa có thời hạn hiệu lực chưa bắt đầu.

Invalid keys (Mã khóa không hợp lệ) — Xem những mã khóa không hợp lệ; đã vượt quá thời gian sử dụng tập tin media hoặc có tập tin media trên máy nhưng không có mã khóa kích hoạt được nối với tập tin này.

Not in use (Không sử dụng) — Xem những mã khóa không được kết nối với tập tin media nào trên máy.

Để mua thêm thời gian sử dụng hoặc gia hạn thời gian sử dụng tập tin media, chọn một mã khóa kích hoạt hợp lệ và chọn **Options (Tùy chọn) > Get activation key (Nhận mã khóa kích hoạt)**. Các mã khóa kích hoạt không thể cập nhật được nếu chức năng nhận tin nhắn dịch vụ Web bị tắt. Xem phần "**Tin nhắn dịch vụ Web**", trên trang 52.

Để xem thông tin chi tiết, chẳng hạn như tình trạng hiệu lực và khả năng gửi tập tin, di chuyển đến một mã khóa kích hoạt, và bấm .

Giải quyết sự cố

Hỏi & Đáp

Mã truy cập

Hỏi: Các mã khóa, mã PIN và mã PUK là gì?

Đáp: Mã khóa mặc định là **12345**. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã khóa, liên hệ với đại lý bán lẻ điện thoại của bạn.

Nếu bạn quên hoặc làm mất mã PIN hoặc mã PUK, hoặc nếu bạn không nhận được các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ mạng. Để biết thêm thông tin về mật mã, liên hệ với nhà cung cấp điểm truy cập, ví dụ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Ứng dụng bị treo.

Hỏi: Làm thế nào để đóng một ứng dụng đang bị treo?

Đáp: Để mở ứng dụng chuyển cửa sổ, bấm và giữ . Di chuyển đến ứng dụng, và bấm  để đóng ứng dụng.

Khả năng kết nối Bluetooth

Hỏi: Vì sao tôi không thể tìm thấy máy của bạn tôi?

Đáp: Kiểm tra xem cả hai thiết bị đã kích hoạt kết nối Bluetooth chưa.

Hãy kiểm tra xem khoảng cách giữa hai thiết bị có vượt quá 10 mét (33 phút) và giữa chúng có các bức tường chắn hoặc chướng ngại vật nào không. Kiểm tra xem thiết bị cần kết nối có ở chế độ ẩn hay không.

Kiểm tra xem cả hai thiết bị có tương thích không.

Hỏi: Vì sao tôi không thể ngắt kết nối Bluetooth?

Đáp: Nếu có một thiết bị khác kết nối với điện thoại, bạn có thể ngắt kết nối từ thiết bị đó hoặc ngưng kích hoạt kết nối Bluetooth. Chọn **Connect (Kết nối) > Bluetooth > Off (Tắt)**.

Các dịch vụ trình duyệt

Hỏi: Tôi phải làm gì nếu gặp thông báo sau: **No valid access point defined. (Chưa xác định điểm truy cập hợp lệ nào.) Xác định một điểm truy cập trong cài đặt Dịch vụ.**

Đáp: Hãy thêm các thông số cài đặt trình duyệt phù hợp. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hướng dẫn thêm.

Camera

Hỏi: Vì sao hình ảnh có vẻ lem nhem?

Đáp: Tháo miếng nhựa bảo vệ màn hình và camera. Kiểm tra xem cửa sổ bảo vệ ống kính camera có sạch không.

Hỏi: Tại sao có tiếng ồn từ camera khi sử dụng chức năng lấy nét tự động hoặc chức năng zoom kỹ thuật số?

Đáp: Zoom và chuyển động của các ống kính AF (tự động lấy nét) gây ra tiếng ồn cơ. Chọn **Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Optical zoom during recording (Zoom kỹ thuật số trong khi quay phim) > Off (Tắt)** để loại bỏ tiếng ồn cơ do ống kính chuyển động trong khi quay phim.

Hỏi: Tại sao hình ảnh hoặc video chụp/quay sử dụng chế độ chụp đêm có xu hướng nhiễu hơn trong điều kiện ánh sáng yếu so với chế độ bình thường?

Đáp: Tín hiệu ra của cảm biến hình ảnh trong điều kiện ánh sáng yếu được khuếch đại nhiều hơn so với chế độ bình thường để có độ sáng tốt hơn. Đáp lại, mức nhiễu trên hình ảnh hoặc video sẽ tăng.

Hỏi: Vì sao các hình VGA video có dạng răng cưa khi kích hoạt chế độ ổn định video?

Đáp: Mỗi hình của video trong VGA được phóng to từ kích cỡ nhỏ hơn thành kích cỡ VGA khi kích hoạt chế độ ổn định video. Vì thế, chất lượng trong mỗi hình sẽ bị giảm so với video không sử dụng chế độ ổn định.

Màn hình

Hỏi: Vì sao có hiện tượng thiếu, phai màu, hay có các chấm sáng xuất hiện trên màn hình mỗi khi tôi bật điện thoại?

Đáp: Đây là một đặc tính của loại màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ảnh hoặc dấu chấm đang nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

Mạng gia đình (UPnP)

Hỏi: Tại sao tôi không thể chia sẻ tập tin với các thiết bị khác?

Đáp: Đảm bảo rằng bạn đã cài cấu hình cài đặt mạng gia đình. Chọn **Connect (Kết nối) > Home network (Mạng gia đình) > Share content (Chia nội dung) > Content sharing (Chia sẻ nội dung)**, và chọn thiết bị tương thích với UPnP khác.

Nhật ký

Hỏi: Vì sao trong nhật ký trống?

Đáp: Có thể bạn đã dùng chức năng lọc, và không có sự kiện liên lạc nào gửi đến máy bạn thỏa mãn điều kiện lọc mà bạn đã chọn. Để xem tất cả các sự kiện, chọn **Menu > My own (Cá nhân) > Log (Nhật ký) > Options (Tùy chọn) > Filter (Lọc) > All communication (Tất cả giao tiếp)**.

Không đủ bộ nhớ

Hỏi: Tôi có thể làm gì nếu điện thoại của tôi thiếu bộ nhớ?

Đáp: Bạn có thể thường xuyên xóa một số mục dữ liệu để tránh tình trạng thiếu hụt bộ nhớ:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox (Hộp thư đến)**, **Drafts (Nháp)**, và **Sent (Đã gửi)** trong phần **Messaging (Tin nhắn)**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang trình duyệt đã lưu
- Hình ảnh và hình chụp trong **Gallery (Bộ sưu tập)**

Để xóa thông tin liên lạc, ghi chú lịch, thời gian gọi, cuộc gọi, điểm trò chơi hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác, hãy vào ứng dụng tương ứng để xóa dữ liệu. Nếu bạn xóa nhiều mục dữ liệu cùng lúc và gặp phải một trong các thông báo sau: **Not enough memory to perform operation. (Không đủ bộ nhớ để thực hiện thao tác.) Delete some data first. (Xóa một số dữ liệu trước.)** hoặc **Memory low. (Bộ nhớ gần hết.) Delete some data. (Xóa một số dữ liệu.)**, hãy xóa lần lượt từng mục (bắt đầu từ mục nhỏ nhất).

Hỏi: Tôi phải làm cách nào để lưu dữ liệu trước khi xóa chúng?

Đáp: Bạn có thể lưu dữ liệu bằng một trong các cách sau:

- Sử dụng Nokia PC Suite để tạo bản sao lưu tất cả dữ liệu vào một máy tính tương thích.
- Gửi hình ảnh đến địa chỉ e-mail của bạn, sau đó lưu hình ảnh vào máy tính của bạn.
- Sử dụng kết nối Bluetooth để chuyển dữ liệu đến một thiết bị tương thích.
- Lưu dữ liệu trên thẻ nhớ tương thích.

Nhắn tin

Hỏi: Vì sao tôi không thể chọn một số liên lạc?

Đáp: Thẻ liên lạc có thể không có một số điện thoại hay một địa chỉ e-mail. Hãy thêm các thông tin còn thiếu này vào thẻ liên lạc trong **Contacts (Danh bạ)**.

Nhắn tin đa phương tiện

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu điện thoại không thể nhận tin nhắn đa phương tiện vì bộ nhớ đã đầy?

Đáp: Dung lượng bộ nhớ cần thiết sẽ được chỉ báo trong thông báo lỗi: **Not enough memory to retrieve message. (Không đủ bộ nhớ để nhận tin nhắn.) Delete some data first. (Xóa một số dữ liệu trước.)** Để xem loại dữ liệu bạn đang có và dung lượng bộ nhớ đã dùng cho từng nhóm dữ liệu, chọn **File manager (Trình quản lý tập tin) > Options (Tùy chọn) > Memory details (Chi tiết bộ nhớ)**.

Hỏi: Ghi chú **Retrieving message (Đang nhận tin nhắn)** sẽ được hiển thị nhanh trên màn hình. Chuyện gì đang xảy ra?

Đáp: Điện thoại đang cố nhận tin nhắn đa phương tiện về từ trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Kiểm tra xem cài đặt tin nhắn đa phương tiện được xác nhận đúng chưa và không có lỗi nào trong phần nhập số điện thoại và địa chỉ. Chọn **Messaging (Nhắn tin) > Options (Tùy chọn) > Settings (Cài đặt) > Multim. msg. (Tin đa phương tiện)**.

Hỏi: Làm thế nào để ngắt kết nối dữ liệu khi điện thoại cứ lặp đi lặp lại phiên kết nối?

Đáp: Để ngăn máy thực hiện kết nối dữ liệu, chọn **Messaging (Nhắn tin)** và chọn một trong các tùy chọn sau:

On receiving msg. (Trên tin nhắn nhận) > Defer retrieval (Trì hoãn nhận) — Để trung tâm nhắn tin đa phương tiện lưu lại tin nhắn để tải về sau, ví dụ sau khi bạn đã kiểm tra các cài đặt. Sau thay đổi này, điện thoại vẫn cần gửi các ghi chú thông tin về mạng. Để tải tin nhắn về ngay, chọn **Retr. immediately (Nhận ngay lập tức)**.

On receiving msg. (Trên tin nhắn nhận) > Reject message (Từ chối tin nhắn) — để từ chối tất cả các tin nhắn đa phương tiện gửi đến. Sau thay đổi này, điện thoại vẫn cần gửi thông tin về mạng và trung tâm nhắn tin đa phương tiện sẽ xóa tất cả

tin nhắn đa phương tiện đang chờ gửi cho bạn. **Multimedia recept. (Nhận đa phương tiện) > Off (Tắt)** — để bỏ qua tất cả các tin nhắn đa phương tiện được gửi đến. Sau thay đổi này, điện thoại sẽ không thực hiện bất kỳ kết nối mạng nào liên quan đến nhắn tin đa phương tiện.

Kết nối với máy PC

Hỏi: Vì sao tôi không thể thiết lập kết nối điện thoại với máy PC?

Đáp: Bạn cần đảm bảo rằng bộ phần mềm Nokia PC Suite đã được cài đặt và đang hoạt động trên máy PC. Xem Hướng dẫn Sử dụng Nokia PC Suite trên DVD-ROM. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, xem phần trợ giúp trên Nokia PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ www.nokia-asia.com.

Mạng LAN không dây

Hỏi: Tại sao tôi không thể nhìn thấy điểm truy cập mạng LAN không dây (WLAN) mặc dù tôi biết là tôi đang ở trong phạm vi của mạng này?

Đáp: Điểm truy cập WLAN có thể sử dụng tên nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) ẩn. Bạn chỉ có thể truy cập vào các mạng sử dụng một SSID ẩn nếu bạn biết chính xác SSID và đã tạo một điểm truy cập Internet WLAN cho mạng này trên điện thoại Nokia của bạn.

Hỏi: Làm thế nào để tắt mạng LAN (WLAN) trên điện thoại Nokia của tôi?

Đáp: Bạn không thể tắt mạng WLAN trên điện thoại Nokia của bạn. Để giảm mức tiêu thụ pin, bạn có thể chọn không cho điện thoại Nokia của bạn dò tìm những mạng hiện có.

Để tắt chức năng dò tìm:

- 1 Bấm , và chọn **Tools (Công cụ) > Settings (Cài đặt) > Connection (Kết nối) > Wireless LAN (Mạng LAN không dây)**.
- 2 Chọn **Scan for networks (Quét mạng) > Never (Không bao giờ)**.
- 3 Để lưu thay đổi, chọn **Done (Xong)**.

Khi chức năng **Scan for networks (Quét mạng)** được cài là **Never (Không bao giờ)**, điện thoại Nokia của bạn vẫn nghe những mạng hiện có, và bạn có thể sử dụng các mạng WLAN hiện có như bình thường.

Thông tin về pin

Sạc và Xả pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Lưu ý rằng pin mới chỉ nạp đầy điện sau hai hoặc ba lần sạc và xả pin. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc bạn cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin và bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng kiểu điện thoại này.

Nếu pin thay thế được sử dụng lần đầu tiên hoặc nếu pin không được sử dụng trong một thời gian dài, có thể cần phải nối bộ sạc sau đó ngắt và nối lại để bắt đầu sạc pin.

Rút dây bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại khi không sử dụng. Không để pin đã nạp đầy kết nối với bộ sạc, do việc nạp quá mức có thể làm giảm tuổi thọ của pin. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Nếu pin hết hẳn thì phải mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không nên để pin chạm mạch. Việc chạm mạch có thể bất ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực dương (+) và cực âm (-) của pin. (Những vật này giống như mảnh kim loại trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi bạn mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chạm mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nổi hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15°C đến 25°C (59°F đến 77°F). Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin cũng có thể phát nổ nếu bị hỏng. Bỏ pin theo quy định của địa phương. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

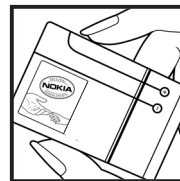
Hướng dẫn xác nhận pin Nokia

Hãy luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho bạn. Để chắc chắn là bạn đang sử dụng pin chính hãng Nokia, hãy mua pin tại đại lý phân phối Nokia được ủy quyền, xem xét logo Phụ kiện Chính hãng Nokia trên bao bì và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều theo các bước sau:

Việc thực hiện đầy đủ hai bước cũng không phải là đảm bảo xác thực pin chính hãng. Nếu bạn có bất cứ nghi ngờ rằng pin của bạn không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, bạn nên ngưng sử dụng ngay lập tức. Nếu bạn không thể xác nhận pin, hãy trả lại pin cho nơi bán.

Xác nhận ảnh ba chiều

- 1 Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, bạn phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.
- 2 Khi bạn nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, trên và dưới, bạn phải thấy được 1, 2, 3 và 4 điểm lần lượt trên mỗi cạnh.



Phải làm gì nếu pin của bạn không phải là chính hãng?

Nếu bạn không thể xác nhận pin Nokia của bạn qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị bạn không sử dụng pin này. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, hiệu năng hoạt động kém hoặc gây hại cho thiết bị và phụ kiện. Điều này cũng có thể làm mất hiệu lực của các phê chuẩn hay bảo hành đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, hãy vào trang web www.nokia-asia.com/batterycheck.

Phụ kiện chính hãng Nokia



Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình. Danh sách các phụ kiện tương thích:

Âm thanh

Bộ Tai Nghe	HS-5
Bộ Tai Nghe	HDB-4
Tai Nghe Nhạc Âm Thanh Nổi	HS-20+AD-41
Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nổi	HS-31
Bộ Trợ Thính Cảm Ứng	LPS-4
Bộ Tai Nghe Không Dây	HDW-3
Bộ Tai Nghe Không Dây Clip-on	HS-21W
Bộ Tai Nghe Không Dây	HS-4W
Bộ Tai Nghe Không Dây	HS-11W
Bộ Tai Nghe Hình Ảnh Không Dây	HS-13W
Bộ Tai Nghe Không Dây	HS-26W
Tai nghe không dây	HS-36W
Thiết bị nối Audio	AD-15

Trên Xe

Tai nghe trên xe Plug-in Không dây	HF-6W
Bộ phụ kiện trên xe cao cấp	CK-7W
Giá Đỡ Đa Năng	CR-39
Bộ sạc Di động (LCH-12 nâng cấp)	DC-4

Dữ liệu

Thẻ nhớ Mini SD 256 MB	MU-18
Thẻ nhớ Mini SD 512 MB	MU-23
Thẻ nhớ Mini SD 1GB	MU-24

Nhấn tin

Bàn phím không dây	SU-8W
Bút Kỹ thuật số	SU-1B

Điện nguồn

Bộ sạc du lịch	AC-4
Bộ sạc du lịch	AC-5
Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.	

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương. Sau đây là một số hướng dẫn thực tế về cách sử dụng phụ kiện:

- Để phụ kiện ngoài tầm tay của trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cảm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe xem đã được lắp và vận hành đúng chưa.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Pin

Loại	Công nghệ	Thời gian gọi*	Thời gian chờ*
BP-6M	LiPolymer	tối đa 2,3~3,7 giờ (WCDMA)/ 4,5~5,1 giờ (GSM)	tối đa 7,5~10 ngày (WCDMA)/ 8,9~10 ngày (GSM)

* Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng.

Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W



Để sử dụng, đa năng, và thanh lịch: Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W là một giải pháp rảnh tay lý tưởng cho những người sẵn sàng bỏ tiền ra để có được một sản phẩm có giá trị.

Các tính năng chính:

- Phong cách cổ điển với công nghệ vô tuyến Bluetooth
- Móc tai co giãn có thể vừa với cả hai tai
- Nút trả lời/kết thúc lớn, tiện lợi
- Dễ dàng điều chỉnh âm lượng - điều chỉnh các mức âm thanh một cách dễ dàng từ tai nghe

- Các chức năng điều chỉnh: trả lời/kết thúc cuộc gọi, quay số lại, kích hoạt quay số bằng giọng nói, tắt tiếng, điều chỉnh âm lượng, chuyển giữa chế độ điện thoại và rảnh tay
- Chọn giữa hai màu: trắng và đen
- Thời gian gọi tối đa 5 tiếng và thời gian chờ tối đa 150 tiếng

Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W



Bạn không cần phải tìm điện thoại nữa. Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W có chức năng rảnh tay trong một gói thuận tiện và dễ dàng sử dụng.

Các tính năng chính:

- Điều khiển rảnh tay không dây thuận tiện dùng cho điện thoại di động
- Nhẹ (chỉ 20 g) và thuận tiện để sử dụng cùng với vành tai có thể điều chỉnh được
- Thời gian gọi tối đa 6 tiếng và thời gian chờ tối đa 110 tiếng

Giá Đỡ Đa Năng Nokia CR-39



Giá đỡ đa năng này hỗ trợ nhiều loại thiết bị di động của Nokia và của các nhà sản xuất khác. Giá đỡ này giữ thiết bị di động tương thích của bạn chắc chắn ở một vị trí và tạo sự linh hoạt trong việc lựa chọn thiết bị tương thích hôm nay và trong tương lai.

Kiểu dáng mới, hợp thời trang sẽ làm hoàn thiện điện thoại di động của bạn. Đặt thiết bị di động tương thích của bạn vào Giá Đỡ Đa Năng Nokia và chỉ cần nhấn vào các kẹp để thắt chặt thiết bị này lại - tháo thiết bị bằng cách ấn vào một nút.

Giữ gìn và Bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại và để điện thoại thật khô trước khi lắp pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi khô nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc cháy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.
- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.

- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính, ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng.
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản dự phòng dữ liệu mà bạn muốn giữ lại (ví dụ như các số liên lạc và ghi chú lịch) trước khi gửi điện thoại của bạn đến dịch vụ sửa chữa.
- Thỉnh thoảng cài lại điện thoại, tắt điện thoại, và tháo pin ra để điện thoại hoạt động ở tình trạng tối ưu. Lưu dự phòng tất cả các dữ liệu quan trọng.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cài tiền nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

Thông tin bổ sung về sự an toàn

Điện thoại và các phụ kiện điện thoại có các linh kiện nhỏ. Giữ các phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.

Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định, và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm. Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 1,5 cm (5/8 inch). Khi sử dụng túi đeo, đai đeo, hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể với khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của điện thoại có từ tính. Những vật liệu bằng kim loại có thể bị hút bởi điện thoại. Không được đặt thẻ tín dụng hoặc các thiết bị lưu trữ có từ tính khác gần điện thoại vì thông tin được lưu trữ có thể bị xóa.

Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ khỏi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ thắc mắc nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim.

Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 15,3 cm (6 inch) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- Luôn giữ điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 15,3 cm (6 inch);
- Không để điện thoại trong túi áo ngực
- Nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiễu sóng.

Nếu bạn nghi ngờ bị nhiễu, hãy tắt điện thoại và cất đi.

Thiết bị trợ thính.

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử và hệ thống túi đệm khí). Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cài tiến hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể xem là bất hợp pháp.

Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propane hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

Cuộc gọi khẩn cấp



Chú ý: Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mạng vô tuyến và hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để gọi khẩn cấp:

- 1 Bật điện thoại nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hợp lệ vào điện thoại.
- 2 Bấm  nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
- 3 Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
- 4 Bấm phím .

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Thông tin về chứng nhận (SAR)

ĐIỆN THOẠI NÀY ĐÁP ỨNG CÁC QUI ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN

Điện thoại di động của bạn là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế và sản xuất sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với tần số vô tuyến (RF) được qui định bởi hướng dẫn quốc tế (ICNIRP). Các giới hạn này là phần hướng dẫn toàn diện và thiết lập các mức độ tiếp xúc sóng vô tuyến cho phép dành cho công chúng. Các hướng dẫn này được triển khai bởi các tổ chức khoa học độc lập định kỳ và qua việc đánh giá các nghiên cứu khoa học. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Tiêu chuẩn tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hoặc SAR. Giới hạn SAR được nêu trong hướng dẫn quốc tế là 2,0 W/kg* (W/kg)*. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mặc dù SAR được kiểm tra ở mức năng lượng cao nhất, nhưng mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể dưới giá trị cực đại này. Lý do là thiết bị này được thiết kế để vận hành ở nhiều mức năng lượng để chỉ sử dụng năng lượng mà mạng yêu cầu. Nói chung, nếu bạn càng gần trạm phát, thì năng lượng phát ra càng thấp.

Giá trị SAR cao nhất cho kiểu điện thoại này được thử nghiệm khi đặt ở tai là 0,54 W/kg.

Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Việc sử dụng các phụ kiện và của phụ kiện cải tiến có thể tạo ra nhưng giá trị SAR khác nhau. Bạn có thể tìm thấy thông tin bổ sung về SAR trong mục thông tin sản phẩm trên trang web www.nokia-asia.com.

* Giới hạn SAR dành cho công chúng sử dụng điện thoại là 2,0 W/kg trung bình trên 10 gram mô. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể để bảo vệ thêm cho công chúng và để giải thích cho bất kỳ thay đổi nào trong việc đo đạc. Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Để biết thêm thông tin về SAR ở những khu vực khác, vui lòng xem mục thông tin sản phẩm tại địa chỉ web: www.nokia.com.

Từ mục

B

Báo lại 14

Bảo vệ bản quyền

xem mã khóa khởi động

Bộ nhớ

xem mức sử dụng bộ nhớ 21
xóa bộ nhớ 21, 71

Bộ PC Suite

đồng bộ hóa 100
dữ liệu lịch 84
truyền tải tập tin âm nhạc
vào thẻ nhớ 42
xem dữ liệu trong bộ nhớ
điện thoại 21

Bộ sưu tập 31

các tập tin dự phòng 44
Chế độ ra tivi 37
Chia sẻ trực tuyến 38
diễn thuyết 37
sắp xếp các tập tin
trong album 38

Bộ tai nghe

xem *loa*

Biên tập phim

hiệu chỉnh đoạn phim 33
thêm đoạn chuyển cảnh 33
thêm hiệu ứng 33
thêm sound clip 33

Bluetooth 95

địa chỉ thiết bị 97
bảo mật 97
ghép nối 98
kết nối hai thiết bị, ghép nối 97
tai nghe 128
tắt 99

Â

Âm báo

báo thức 14

Âm thanh

ghi âm 107
tắt âm báo 68

C

Cache, xóa 81

Các ứng dụng

cài đặt 130
Java 129

Các ứng dụng văn phòng 108

Các đoạn ghi âm 31

Các đoạn phim 31

Các chế độ

chế độ xem 10
imaging 9
nắp gấp đóng 8
nắp gấp mở 9

Các chỉ báo 12

Các phím khởi động 132

Các tập tin svg 37

Cài đặt

điểm truy cập 119
cài đặt gốc 116
cài đặt riêng điện thoại 111
chứng chỉ 124
chặn cuộc gọi 127
chuyển hướng cuộc gọi 126
kết nối dữ liệu 118
Khả năng kết nối Bluetooth 96
lịch 85
mã khóa 124
Mã PIN 124
mã truy cập 123
Mã UPIN 124
mã UPUK 124

màn hình 117
màn hình riêng 117
ngày và giờ 123
ngôn ngữ 115
Cài đặt bộ trợ thính 128
Cài đặt kết nối 118
Cài đặt riêng 113
Cài đặt tai nghe 128
Camera
 đèn flash 29
 biên tập phim 33
 cài đặt camera hình tĩnh 27
 cài đặt hình ảnh 29
 chế độ chụp liên tiếp 28
 chế độ imaging 9
 chụp tự động 28
 hiệu chỉnh ánh sáng
 và màu sắc 29
 scenes 29
 thông số cài đặt máy
 quay phim 25
Cấu hình 112
Chứng chỉ 124
Chế độ chờ 111
Chế độ sử dụng SIM từ xa 96

Chỉ mục 78
Chủ đề 113
Chuyển nội dung từ điện thoại khác 11
Cuộc gọi
 các số vừa gọi 71
 cài đặt 117
 cài đặt chuyển hướng
 cuộc gọi 126
 chuyển 69
 nhận 71
 quốc tế 61
 thời lượng 71
Cuộc gọi hội nghị 62
Cuộc gọi video 63
 từ chối 69
 trả lời 69
D
Dự phòng 20
Danh bạ
 Xem phần *Thế liên lạc*
Đ
Đài FM 86
Đồng bộ hóa 101
Đồng hồ 14
 âm báo 14
 cài đặt 14

Định dạng tập tin
 .jad 129
 .jar 129, 130
 .sis 129
 RealPlayer 89
Điểm truy cập 118
 cài đặt 119
Điểm truy cập Internet (IAP)
 Xem *điểm truy cập*
Điều chỉnh âm lượng 14
 loa 14
 trong khi gọi 61
E
E-mail 48
 cài đặt 57
 hộp thư từ xa 52
 mở 54
 nhận từ hộp thư 53
 tải tự động 54
 xem tập tin đính kèm 54
G
Gửi
 các đoạn phim 35
 thế liên lạc, danh thiếp 75
Giờ 14
Gọi số ẩn định 76

H

Hộp thư 52

tải tự động 54

Hộp thư từ xa 52

Hộp thư thoại 61

chuyển hướng cuộc gọi đến

hộp thư thoại 126

thay đổi số điện thoại 61

I

Internet

Xem phần *Web*

J

Java

Xem phần *Các ứng dụng*

K

Kết nối dữ liệu

các chỉ báo 12

chỉ tiết 100

kết thúc 100

Kết nối dữ liệu gói

cài đặt 122

Kết nối máy tính 100

Kết nối PC 100

Khẩu lệnh 129

gọi điện 63

Kiểu chuông

kiểu chuông riêng 76, 77

nhận dưới dạng tin

nhấn văn bản 52

L

Lệnh dịch vụ 46

Lệnh thoại 129

Lệnh USSD 46

Lịch

đồng bộ PC Suite 84

tạo các mục nhập 83

Loa 14

M

Mã 123

mã bảo mật 124

mã khóa

Mã PIN 124

Mã PIN2 124

Mã bảo vệ

Xem phần *mã khóa*

Mã khóa 124

mã khóa 124

Mã PIN 124

Mã UPIN 124

Mã UPUK 124

Máy nghe nhạc 42

Mạng gia đình 17

Mạng LAN không dây 16

bảo mật 18

cài đặt điểm truy cập 120

tạo IAP 16

xem thêm phần *Universal Plug*

and Play

Menu, sắp xếp lại 111

Movie, muvee

quick muvee 92

N

Ngày 14

Nhắn tin

e-mail 48

tin nhắn đa phương tiện 48

tin nhắn văn bản 48

Nhật ký

lọc 72

xóa nội dung 72

Nhật ký điện thoại

Xem phần *Nhật ký*

P

Phần mềm

truyền tập tin về điện thoại 130

Phím tắt 10

Phụ kiện chính hãng Nokia 141

Pin 142

Q

- Quản lý bản quyền kỹ thuật số, DRM
 - xem mã khóa khởi động
- Quay số bằng khẩu lệnh 62
- Quay số nhanh 62
- Quickoffice 108

R

- Radio 86

S

- Sao chép
 - các số liên lạc giữa thẻ SIM và bộ nhớ điện thoại 75

Scenes

- image scenes 30
- video scenes 30

T

- Tắt âm 89
- Tập tin media
 - định dạng tập tin 89
 - lùi về 89
 - tắt âm 89
 - tiến nhanh về trước 89
- Tập tin sis 129
- Thời lượng nhật ký 73

- Thông tin về chứng nhận (SAR) 149

- Thông tin và pin
 - loại 142

- Thẻ liên lạc 74
 - chèn hình 74
 - gửi 75
 - lưu âm DTMF 70

- Thẻ nhớ 20

- Thẻ SIM
 - sao chép các tên và số liên lạc vào điện thoại 75
 - tên và số điện thoại 76
 - tin nhắn 55

- Tin nhắn đa phương tiện 48

- Tin nhắn thoại 61

- Tin nhắn văn bản 48

- Trình quản lý tập tin 20

- Trình quản lý thiết bị 102

U

- Universal Plug and Play 17
 - bảo mật 18

Ư

- Ứng dụng trợ giúp 21

V

- Video player
 - Xem phần *RealPlayer*
- Visual Radio 86
 - ID dịch vụ trực quan 88
 - xem nội dung 87

W

Web

- các điểm truy cập, xem phần *điểm truy cập*
- trình duyệt 78

X

Xóa màn hình

- Xem *Chế độ chờ*